Số 5
thang Novembre 1917

L'INFORMATION FRANÇAISE
LA FRANCE DEVANT LE MONDE. — SON ROLE DANS LA GUERRE DES NATIONS
(Publication autorisée par arrêté du 30 décembre 1916 de M. le Gouverneur Général de l'Indochine)

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

LUẬN-THUYẾT

QUAN-TRƯỜNG

Độ này là mùa quan-trường. Trong Nam ngoài Bắc đâu đâu cũng nói đến quan-trường. Trên chính-phủ, dưới quốc-dân, ai ai cũng chú-mục vào quan-trường. Không phải là tình-cờ mà quan-trường thành cái đầu bài chung của các nhà nghị-luận. Thực là bởi nhiều nhẽ, bởi nhẽ chung mà bởi nhẽ riêng, bởi nhẽ xa mà bởi nhẽ gần.

Ngạn-ngữ tây có câu : « Bực vương-tôn phải được phân danh-dự », nghĩa là đãi người phải tùy ngôi-vị, đối với người địa-vị cao phải xử cách đặc-biệt. Quan-trường là đứng đầu trong quốc-dân ta, từ xưa vẫn suy-tôn là bực thượng-lưu trong xã-hội. Xã-hội ta ngày nay đương nhiệt-thành về đường tiến-bộ, mà mong-mỏi những sự cải-cách quan-hệ đến cuộc sinh-hoạt cả quốc-dân. Vậy bàn đến những sự cải-cách ấy, tất phải bắt đầu từ quan-trường trước, tưởng cũng là một nhẽ đương-nhiên vậy.

Nhưng đó mới là cái tình-thế chung trong xã-hội nó khiến như thế. Cái tình-thế ấy cũng lại là nhân mấy việc riêng gần đây mà phát-hiện ra rõ-ràng hơn trước, khởi ra cái phong-trào dư-luận như trên kia.

Những việc ấy là những việc sau này :

Trước nhất là sự cải-định pháp-luật cho xứ Bắc-kỳ. Nhà nước Bảo-hộ châm-chước dân-tình mà sửa-đổi lại các luật-lệ trong bản-xứ, là có ý mưu sự ích-lợi cho dân ta, trừ-cách tệ-tập từ trước mà mở đường tiến-bộ sau này. Cái thâm-ý của chính-phủ thực là đáng phục thay, nhưng sự kết-quả về sau phần nhiều là tùy ở cái phẩm-cách những người có trách-nhiệm trong việc thi-hành. Những người ấy là ai ? Tức là các hàng quan-lại ta. Bởi thế mà nhân việc tuyên-bố luật mới, Chính-phủ cùng quốc-dân đều chú-mục vào quan-trường ta vậy.

Thứ chi đến việc sáng-lập trường Pháp-chính. Bởi nhẽ gì mà nhà nước Bảo-hộ đặt ra trường ấy, thì bản-báo đã nói tường trong bài bàn về trường Pháp-chính, đăng ở số thứ 3 (1). Cái mục-đích cũng chẳng qua là muốn bổ cứu lại những điều khuyết-điểm trong quan-trường ngày nay, mà gây-dựng lấy một ban quan-lại mới sau này.

Thứ chi nữa là việc sẩy ra ở « Hội-đồng Quản-hạt » (*Conseil colonial*) trong Lục-tỉnh hồi tháng chín mới rồi. Trong Nam-kỳ tuy không có quan-trường như ngoài ta, nhưng còn những chức phủ, huyện, sung làm đại-lý cho quan công-sứ đầu tỉnh ở các địa-hạt xa tỉnh-lị. Vậy kỳ hội đồng tháng chín tại Sài-gòn, có hai nghị-viên An-nam khởi lên công-kích các hàng phủ, huyện ấy, xin bãi-bỏ cả đi, nói rằng những viên quan-lại ấy không những là không ích-lợi gì cho việc hành-chính mà lại bởi cách tham-tàn hối-lộ làm hại dân nhiều lắm. Nhời bàn trong hội-đồng không mấy nỗi mà ban bố ra ngoài, gây nên một trận giông tố dữ dội trong dư-luận xứ Nam-kỳ. Các báo tranh-biện nhau rất là kịch-liệt; đến nay mới gọi là nguôi nguôi vậy.

Xem như thế thì cái vấn-đề về quan-trường không phải là không quan-trọng; thực là một cái vấn-đề căn-bản ở nước Nam ta bây giờ.

Và không những là trong Lục-tỉnh, ngay ở ngoài Bắc-kỳ ta cũng đã có người khởi ra cái nghị bãi-bỏ quan-trường, muốn thi-hành cái lối chính-trị « trực-tiếp »; nghĩa là quan tây thẳng tiếp với dân ta, không cần đến quan-lại ta. Không biết những người ấy trong bụng thực nghĩ như thế, hay là chỉ muốn đẹp lòng nhà-nước Bảo-hộ mà xướng ra cái ý-kiến lạ lùng ấy. Nếu thực nghĩ như thế, thì là một sự nhầm to, không những là một sự nhầm, mà lại là tỏ cái lòng khinh-dể quốc-dân, khinh-mạn tổ-quốc; không những quốc-dân không bao giờ phục cái ý-kiến như thế, mà đến Chính-phủ Bảo-hộ chắc cũng không bao giờ tin vậy.

Bản-báo vốn vẫn phản-đối những ý-kiến quá-kích ấy. Trong bài bàn về trường Pháp-chính nói trên kia, bản-báo đã có mấy câu kết-luận như sau này:

« Nhiều người thấy ngày nay bọn quan-lại ta thường phạm nhiều « điều tệ-lạm cùng áp-chế kẻ ngu-dân, giữ cái ý-kiến rằng nên giảm bớt « giá-trị, giảm bớt thế-lực bọn ấy đi, cho không thể nhiễu dân được nữa. « Có người bàn nên theo cái thể chế quan-lại trong Lục-tỉnh mà coi phủ « huyện cũng như người làm việc của nhà nước, không để cho có quyền « thế riêng. Nói thế là không hiểu cái tính-thế các dân xứ Bắc-kỳ Trung-« kỳ. Cái lòng tôn-trọng ông quan đã in sâu vào trong não-chất người dân « ta. Coi ông quan không những là người có quyền cai-trị mình, mà lại

(1) Xem *Nam-Phong*, số 3, trang 153-158.

« còn là người có quyền dạy bảo mình nữa. Lòng tôn-trọng ấy không phải « là không hay, nhờ đó mà dân ta dễ cai-trị, gặp được ông quan tốt dễ thành « sự-nghiệp hay. Nó là một tính-chất thiên nhiên, không thể nhất đán phá đổ « đi được. *Nói rằng vì dân quá trọng quan nên quan dễ bắt nạt dân, muốn « quan khỏi bắt nạt dân nên hạ giá quan cho dân khinh quan, thì cái kế ấy « cũng khí thô-lược quá.* Chi bằng ta thuận cái tính-chất tự-nhiên của người « dân mà trong sự giáo-dục kẻ làm quan nên dạy cho biết cái phận-sự, cái « trách-nhiệm, cái nghĩa-vụ của mình đối với kẻ trị-hạ, phải hết lòng hết sức « mà làm cho trọn cái nghĩa-vụ, cái trách-nhiệm, cái phận-sự ấy mới đáng « địa-vị kẻ tôn-trưởng, bực thượng-lưu trong xã-hội, v. v..... »

Ấy quan đối với dân có cái mối quan-hệ mật-thiết như thế, không thể nhất-đán mà dứt đi được. Bởi đâu mà gây nên cái mối quan-hệ ấy?

Bởi cái thể-chế riêng trong xã-hội ta. Xã-hội ta là một cái xã-hội lấy gia-tộc làm mẫu. Nước tức là một nhà, một họ nhớn. Trong một họ một nhà, chủ là người tộc-trưởng, bề trên là những bực tôn-huynh, có quyền được người dưới kính-trọng, nhưng lại có trách phải trông nom dạy bảo cho kẻ con em. Trong một nước cũng vậy: vua là chúa-tể, quan là bực tôn-trưởng, có quyền cai-trị giáo-hóa cho người dân. Ấy các nhà học-giả gọi cái « tộc-trưởng-chế-độ » là thế. Ngày nay tục-ngữ còn nói quan là *phụ-mẫu* dân cũng là duyên-do tự đấy vậy.

Chắc rằng về sau xã-hội mỗi ngày một tiến-hóa, cái chế-độ cổ ấy thay đổi đi nhiều. Ông quan không phải thuần là *phụ-mẫu* dân nữa, mà thành ra người chức-dịch, thành ra một bộ-phận trong cái máy chính-trị của nhà-nước. Nhưng cái nguyên-lý của xã-hội vẫn còn, tuy không rõ như xưa, nhưng thực là làm gốc cho cái nền chính-trị giáo-hóa của nước ta. Còn lâu nữa ông quan cũng vẫn là một nhân-vật trọng-yếu trong xã-hội. Đối với dân quan bao giờ cũng vẫn là người đại-biểu chính-đáng của cái quyền chính-trị, quyền giáo-hóa của nhà-nước, dân coi quan tức là nhà-nước mà nhà-nước tức là quan vậy.

Nhiều người lấy cái tư-tưởng mới mà xét, không hiểu làm sao dân ta tôn-trọng quan-lại như thế. Thậm-chí có người nói: hay là dân ta có cái tính riêng lấy sự áp-chế làm sướng! Nói thế là nói cùng, mà không hiểu cái nguyên-lý của quan-trường ở nước ta. Như trên kia đã giải quan-trường ta thực là duyên-do tự cái « tộc-trưởng-chế-độ » đời xưa, cái chế-độ ấy rồi sau có thay đổi, nhưng không bao giờ mất tính đi được.

Các nước coi quan là người làm việc công, cái thế-lực chỉ khu trong vòng chức-quyền mình. Nước ta coi quan là bực tôn-trưởng, cái thế-lực chùm khắp cả xã-hội. Không phải là dân ta ngu hèn mà quá trọng quan, cho quan cái giá-trị quá-đáng. Thực là bởi cái thói quen của mấy mươi đời trước, lịch-sử truyền lại. Thói quen ấy không thể một-mai mà bãi-bỏ đi

được. Và thói quen ấy cũng không phải là không có nhẽ. Vì quan-trường ở nước ta không một là gồm những người có quyền cai-trị dân, thực là gồm cả bực thượng-lưu trong nước. Nước ta vốn trọng nghề văn-học, người nào có văn-học mới đi thi được, người nào có thi đỗ mới được làm quan ; như thế thì người làm quan thực là phần tinh-hoa trong quốc-dân, đã kinh nhiều lần đào-thải mới đến được bực ấy. Nên dân trọng quan, không một là trọng ông quan, mà lại là trọng cả cái tư-cách bực thượng-lưu trong nước nữa.

Lại thử xét lịch-sử nước ta từ xưa đến nay, bao nhiêu là bực danh-thần đại-lại đã làm những công việc ích nước lợi dân, gây dựng cho nước nhà được lắm phen cường-thịnh, tô-điểm cho bức tranh sơn-hà của cõi Việt-Nam, thì biết bọn thượng-lưu ấy quả không phải là phụ lòng tôn-trọng của quốc-dân ta.

Ấy cái mối quan-hệ nó giàng buộc dân với quan, quan với dân, bền chặt như thế, nếu nhất-đán đem phá-hoại đi, thì tất lay động đến nền gốc xã-hội vậy.

Đó là những nguyên-nhân sâu-xa khiến cho ngày nay không thể bãi-bỏ quan-trường được.

Nay ta xét cái hiện-tình bây giờ xem có trái với những nhẽ ấy không. Và những nhà phản-đối với quan-trường cũng là bằng ở cái hiện-tình mà khởi nghị, không hề suy-nguyên đến lịch-sử vậy.

Thử hỏi các nhà ấy trách quan-trường ngày nay những điều gì ?

Gồm lại có ba điều như sau này :

Một là lòng đạo-đức đã tảng-thất ;

Hai là thói tham-nhũng lại thịnh-hành ;

Ba là đường tư-cách cũng khiêm-khuyết.

Cứ bình-tình mà tổng xét ba điều ấy thì biết lỗi tại quan-trường ít mà nhân vì thời-thế nhiều. Sao vậy ? Thời-đại ta là một buổi giao-thời, nền-nếp cũ đã mất mà nền-nếp mới chưa thành, nhân-tâm không biết lấy đâu làm bờ-bến, dễ chìm đắm vào trong bể tham-dục, mà khó gìn-giữ được cái mối thiên-lương ở trong lòng. Trình-độ đạo-đức trong xã-hội mỗi ngày một thấp. Phàm những lý-tưởng đời trước tôn-trọng, như lòng nhân-nghĩa, mối danh-dự, ngày nay coi khinh-dể ; cái chủ-nghĩa về quyền-lợi thì mỗi ngày một thịnh-hành. Nhưng đó là cái khuynh-hướng của cả xã-hội như thế, không một là quan-trường. Quan-trường chẳng qua cũng là theo cái khuynh-hướng chung mà thôi. Mà cái khuynh-hướng ấy nữa cũng là kết-quả của cái đại-thế trong thiên-hạ bây giờ. Tây-nho đã có câu than thời-thế rằng : « Làm sao trong thời-đại tiến-bộ này mà nhất-thiết cái gì cũng thấy suy-đồi ? Người thợ thuyền, người làm công, người lính-tráng, người học-trò, người làm con, người làm cha, người làm mẹ, người tôi-tớ ngày

nay, đều là không bằng người ngày xưa; đồ ăn ngon, câu văn hay, đồ chơi đẹp, mĩ-nghệ, mĩ tục mỗi ngày cũng một mất dần đi... » (1)

Như thế thì cái cảnh tinh-thần đạo-đức suy-đồi là chung cho cả các dân các nước thời nay, không một là riêng cho nước ta, không một là riêng cho quan-trường nước ta.

Nhưng người ta cũng lại thường nói: Phàm sự tiến-bộ bắt đầu từ bực thượng-lưu, phàm sự bại-hoại cũng bắt đầu từ bực thượng-lưu. Nếu câu ấy là phải thì quan-trường ta hiện nay nhẵng bỏ đường đạo-đức, chẳng qua cũng là thuận cái « thiên-diễn chi công-lệ » vậy!...

Đến điều trách-cứu về thói tham-nhũng, thì phải chịu rằng thói ấy ngày nay cũng có thịnh-hành hơn xưa nhiều. Nhưng xét cho kỹ, thực là một thói di-truyền từ đời trước, hiện gặp thời-thế tốt, nhân đạo-đức suy mà phát-đạt đến cực-điểm. Một nhà chước-thuật nước Mĩ bàn về cái tục hối-lộ của người Tầu đã có câu rằng: « Cái thói ăn tiền đã in sâu vào não-chất người Tầu, không phải là thuộc về luân lý nữa, mà thành một việc kinh-tế thường vậy. » (2)

Nếu đã không thuộc về luân-lý thì có cách chữa được. Nếu lại thành một việc kinh-tế thường thì cách chữa lại dễ hơn nữa. Vì cái tệ ở trong lòng người, ở tính tham-lam thì chữa sao được; cái tệ ở ngoài tất có kế phòng-ngự. Thiết-tưởng nhà-nước Bảo-hộ cũng nghĩ như thế, nên nhân việc thi-hành luật mới, bắt đầu từ sang năm định tăng lương-bổng cho các quan lại xứ Bắc-kỳ, mà tăng thật nhiều, nghe đâu đến gấp đôi lương bây giờ. Như lương tri-huyện hiện bốn chục, sẽ tăng đến tám chục, rồi cứ tuần-tự tùy thăng-trật mà tăng theo một ngạch ấy. Nhà-nước gia đặc-ân cho quan-lại ta như thế là vì hai nhẽ: Một là luật mới thi-hành thì quan-lại Annam sẽ có trách-nhiệm nặng hơn trước, nhất là các phủ-huyện phải kiêm chức trưởng tòa án đệ-nhất-cấp, vậy nên phải cho lương-bổng tương-đương với trách-nhiệm ấy. Hai là nhà-nước muốn cho các quan được nhiều lương đủ tiêu, để khỏi mắc phải cái thói di-truyền trên kia. Chắc là người nào vốn tính tham-nhũng thì kế ấy cũng chưa đủ ngăn-ngừa được. Nhưng còn người bất-đắc-dĩ mà phải tham-nhũng, bị đường kinh-tế bách-xúc mà phải tham-nhũng, thì tất nhờ đó mà giữ được phẩm-giá cao-sạch, khỏi phải dùng đến những kế tổn đạo-đức, phi danh-dự vậy. (3)

Nếu cái đặc-ân của nhà-nước mà giúp được lòng đạo-đức trong quan-trường ta, thì chẳng phải là một sự đáng vui mừng lắm dư?

---

(1) Xem bài « Cái vấn-đề về sự tiến-bộ », *Nam-Phong*, số 1, trang 34.

(2) « L'habitude de prélever des commissions s'est si bien implantée dans l'âme chinoise qu'elle ne relève plus de la morale; ce n'est plus qu'un fait économique. » (EDOUARD ALSWORTH ROSS, *La Chine qui vient*, traduction française, page 111.)

(3) Chủ-ý nhà-nước là muốn tăng lương-bổng cho cả quan-trường. Nhưng nhất-luật tăng lâm một lúc, thì công-khố không lấy đâu mà đương được một sự chi-tiêu to như thế. Nên nay hẵng tạm định tăng cho các hàng phủ-huyện mà thôi. Vả trong việc thi-hành luật mới chỉ các viên phủ-huyện là sẽ có trách-nhiệm nhiều. Tăng lương-bổng cho các hàng quan-lại ấy trước là một sự rất phải vậy.

Nếu quả được như thế thì bọn phản-đối quan-trường chẳng nên tiếc dã mất một cái khẩu-dầu để công-kích quan-trường dư?

Cái chứng-cớ rằng sự phản-đối của bọn ấy không thành, là không những nhà-nước không nghe bọn ấy mà bãi-bỏ quan-trường ta, lại muốn tăng thêm giá-trị cho quan-trường nữa. Nhà-nước thực là hiểu rõ cái tình-thế riêng của nước ta vậy.

Đến điều trách-cứu thứ ba về tư cách quan-trường ngày nay thì phải phân-biệt, không thể nói gồm cả được. Nước ta đương vào buổi giao-thời, lấy đâu mà có những người thật là thích-hợp với thời-thế. Không những thế, muốn biết cái tư-cách thế nào là hợp với thời-thế cũng khó thay. Ngày xưa thì trọng ông quan có học-vấn, có đạo đức; ngày nay ngoài học-vấn, đạo-đức, còn phải có nhiều tư-cách khác nữa: phải linh-lợi hoạt-bát, phải cần-mẫn siêng-năng, phải thông hiểu thời-thế dân-tình, phải có tài giao-thiệp ứng-đối, phải vừa là một tay chính-trị, một tay kinh-tế, một tay giáo-dục nữa. Ai là người gồm được cả bấy nhiêu điều mà mong làm mô-phạm cho quan-trường ngày nay? Song đại-để cái trình-độ quan-trường ta vừa gồm người cũ người mới, người mới thì học lấy cái phong-thế cũ, người cũ thì tập lấy cái tư-cách mới, cũng là xứng-đáng với trách-nhiệm ngày nay. Và phải biết rằng nghề làm quan tức là một môn thực-nghiệp, không cái học-vấn nào thay được sự kinh-lịch. Người làm quan dầu có điều khuyết-điểm, cứ làm việc quan ít lâu cũng có thể bổ cứu được.

Song xét về một phương-diện khác, quan-trường ta cũng có điều không được nhất-chí. Sự đó thực là tình-thế khiến nên như thế. Nhà nước cần đến những người tài-giỏi được việc, thì người nào có tư-cách là nhà nước dùng, không nệ gì. Cách dùng người rộng rãi ấy thực là tiện mà hay, khéo thu-thập được nhân-tài trong nước. Nên cứ xét các quan-lại ta từng người một thì không ai là không có biệt-tài, khá lấy giúp được nước trị được dân. Nhưng xét gồm cả quan-trường, thì cái trình-độ thực là không được nhất-luật, vì các quan không phải là xuất-thân như nhau. Nhà nước đã hiểu rõ điều đó, nên mới đặt ra trường Pháp-chính để đào-tạo những bực tân quan-lại sau này. Những người xuất-thân ở trường ấy tất cũng có một sự giáo-dục, một cái tư-cách như nhau, sau này không sợ cái trình-độ không đều như xưa nữa.

Nói tóm lại thì trong ba điều trách-bị của những nhà phản-đối quan-trường, không có một điều nào là đáng, đủ khiến cho nhà nước làm tai nghe những nhời nghị-luận quá đáng của bọn ấy. Tuy lòng đạo-đức không thể nhất-đán mà cứu vớt lại được — mà cái tật ấy là chung cho cả quốc-dân, không phải riêng một quan-trường, — nhưng thói tham-nhũng có cách ngăn-ngừa, tư-cách thiếu có đường bổ-cứu. Như thế thì

bọn phản-đối còn có cớ gì chính-đáng mà trách được quan-trường? Không những không có cớ gì chính-đáng, mà lại thực là không hiểu những nhẽ sâu xa như ta đã kể trên kia, những nhẽ ấy làm cho quan-trường thành một đoàn-thể bền chặt, nếu một mai đem bãi bỏ đi thì tất lay động đến cả xã-hội nước ta vậy.

Song quốc-dân ta ngày nay đương buổi nhiệt-thành về đường tiến-bộ. Muốn tiến-bộ cần phải cải-cách, miễn là cải-cách cho phải đường, khéo điều-hòa mới cũ, giằng buộc trước sau mà giữ lấy cái nghĩa sâu của lịch-sử. Hiện nhà nước đã bắt đầu cải-cách sự giáo-dục cho dân ta. Nay mai tất thế nào cũng lo liệu đến việc chỉnh-đốn lại quan-trường. Nhưng dám quyết rằng dù cải-cách thế nào nhà nước cũng không để cho mất cái tính-cách đặc-biệt của quan-trường nước ta, vì tính-cách ấy căn-nguyên tự lịch-sử, nhà nước cùng dân ta đều có cái nghĩa-vụ nên bảo tồn lấy.

Và ngoài những nhẽ ấy còn có một nhẽ quan-trọng nữa, khiến cho nhà nước không bao giờ chịu bỏ quan-trường ta : là khi nước Đại-Pháp nhận trách sang bảo-hộ dân ta, đã hứa với ta rằng sẽ giữ quan ta để cai-trị dân ta. Đại-Pháp bao giờ lại chịu sai ước cũ ?

Nhưng muốn bảo-tồn lấy quan-trường, muốn cho quan-trường xứng đáng với cái thiên-chức của lịch-sử để lại, dám khuyên các quan-lại ta một điều : là nên trọng lòng đạo-đức hơn sự quyền-lợi, lấy hai chữ « *nghĩa-vụ* » làm biểu-hiệu chung. Chức-vị càng cao, thế-lực càng to, lợi-quyền càng nhiều, cái lòng nghĩa-vụ lại càng phải mạnh lắm ; có thế mới gọi là xứng đáng, có thế mới mưu được kế sinh-tồn vĩnh-viễn vậy.

NAM-PHONG

QUAN-HẠNH

THANH-LIÊM VỚI THAM-NHŨNG

Bản-quán tiếp được một bài lai-cảo bàn về cái phẩm-cách nhà làm quan ở nước ta. Xin đăng sau này để thêm một mối dư-luận về cái vấn-đề quan-trường.

* * *

Bữa trước tôi có được tiếp truyện quí chủ-bút, thủy chung ngài chỉ phản đối về sự xin bãi quan lại An-nam, tôi cũng lấy làm rất phải, nhưng tôi lại muốn xin dưng một vài nhời.

Không biết bây giờ ngài bảo giữ lấy quan-lại ta đó là giữ lấy cái tiếng không, hay là giữ lấy cái sự thực ?

Tôi thiết-tưởng trong việc chính trị cốt là để mưu lấy cái hạnh-phúc cho dân, chúng ta trông mong về các quan, chẳng qua là chỉ ở sự-thực mà thôi, thế hóa cho nên muốn giữ-gìn lấy, chỉ sợ không được vững, nếu chỉ khư khư giữ lấy cái thế-lợi của một người, để cho họ được hưởng cái phú quí đặc-biệt mãi mãi về lâu dài, điều ấy thiệt là chúng tôi không dám để vào tai vậy. Nay tôi xin có một nhời nói giữa dạ, để các ngài xét xem.

Các ngài ơi! Quan-lại làm sao mà lại nên trọng? Chỉ vì có cái đức hay xứng đáng là quan-lại đó thôi.

Đức hay là gì? Rằng *thanh* với *liêm*; trái cái đức hay ấy thì gọi là *tham-nhũng*.

Người ta bàn truyện quan-lại, không ai là không biết trọng những bậc thanh-liêm, mà bỉ những kẻ tham-nhũng; nhưng chỉ biết rằng cái đức thanh-liêm là đáng khen, mà không biết sao mà được thanh-liêm, chỉ biết cái sự tham-nhũng là đáng bỉ, mà không biết sao mà đến tham-nhũng, đó là bàn chưa tới gốc cả.

Phàm người ta đã xuất thân ra làm quan, trên thì giúp nước, dưới thì cứu dân, danh giá trang trọng như vậy, gánh vác nặng nề như vậy, ai là chẳng muốn mua chuộc lấy hai chữ thanh-liêm, để lưu lấy cái tiếng thơm về sau hay sao?

Kia! Xem những biển đôi ở các thự các nha thường thấy có mấy chữ « *thần tâm như thủy* », (nghĩa là bụng trong sạch như nước) để tỏ cái tiết-tháo tuyết sạch dá trong; nói đến truyện cũ « Dương-Chấn tứ-tri »,[1] thì ai cũng hâm mộ mà coi làm khuôn phép; và động thấy dân-gian tai nạn khổ sở, thì than dài thở ngắn, mà cảm động lòng thương.

Than ôi! như vậy, mà lại bảo quan là không có bụng lương-tâm, điều ấy thiệt là tôi không dám chắc.

Bụng lương-tâm đã giấu như vậy, nhẽ thì cái danh tiếng thanh-liêm, tâm-tắc ở bia miệng người ta mới phải. Thế mà xét ra cho kỹ, thì thấy những công việc làm lại trái hẳn với cái bụng lương-tâm ấy, tự hồ như có con ma nó run rủi cho đi lạc đường, mà lại bắt buộc không được đi đường ngay thẳng, tôi không biết bởi tại cớ làm sao mà thành ra thế vậy?

---

(1) Ông Dương-Chấn đời nhà Hán, khi đang làm Thái-thú, có một ông quan đang đêm đem vàng vào lễ, ông ấy từ chối không nhận, ông kia có nói rằng: « Tôi vào đây không ai biết cả. » Ông Dương-Chấn nói: « Sao ngài lại bảo không ai biết? trên có giời, dưới có đất, đây có ngài với tôi, cả thấy bốn người biết, dấu sao được? » Ông kia thẹn, phải từ tạ mà đem vàng ra. — Như ông Dương-Chấn ban đêm từ vàng, thì cái bụng thanh-liêm của ngài, kể ra cũng đáng kính đáng trọng thật. Nhưng tiếc thay ngài xử-trí cũng chưa được thật phải lẽ; vì là người đã đem của đi lễ như vậy, thì trong bụng nó tất đã sẵn có máu tham, mà ngài lại lấy giời lấy đất làm chứng. Than ôi! giời cao đất dầy, cố nhiên là ghét những kẻ tham nhũng, nhưng không hình không ảnh, có làm tội được ngay họ đâu? Thế thì giọa đất giọa giời, nào có ai sợ, tôi tưởng ông Dương-Chấn vì mình mà đựng lấy cái đức thanh-bạch thì phải, còn như vì quốc-dân mà trừ cái hại tham nhũng thì chưa phải. Nếu ngài cứ lấy cái bụng công-liêm của mình, mà nghĩ đến quốc-dân, thì bất tất phải nói là giời biết đất biết, mà chỉ viện một cái nhẽ mình biết hẳn biết, đem luật phép trừng trị ngay, để làm gương cho kẻ khác về sau; như vậy thì tôi thiết tưởng cái đức thanh-bạch của ngài cũng được hoàn-toàn, mà lại khiến cho người khác nghe thấy mà chừa, chẳng lại hay hơn ư?

Phụng đọc bài chỉ-dụ của Đức Hoàng-thượng khuyên « tuần-lương », và bài của quan Toan-quyền Sa-rô (Sarraut), diễn-thuyết ở Nam-định, một đàng thì khuyên lấy cái đức « *liêm, bình, cần, cán* »; một đàng thì giảng dụ về cái đạo « *dưỡng liêm* ». Xem thế thì đủ biết người bề trên kích-khuyến kẻ bề dưới, cũng đã cận kỹ hết điều lắm. Ai là người có bụng lương tâm, có nhẽ lại không có lòng cảm-động, mà mong đem cái bụng tinh bạch lĩnh lấy mệnh-lệnh tốt đẹp ấy, để khỏi phụ cái bụng mong mỏi của người bề trên hay sao? Nhưng mà khốn nạn thay! Những tình-cảnh bề ngoài vì đâu mà rập đến, làm cho mê-mẩn tâm-thần, rồi hay xoay ra dở, khôn giốn ra dại, không có thể biết mà ngăn cấm lại được, ấy là một cái vấn-đề cỗi rễ phải xét nghĩa cho sâu thì mới có thể biết được.

Tôi thiết tưởng cái đức tốt nó sở-dĩ thành-tựu được, dẫu bởi tự cái lương-tâm của con người ta, mà tất cũng có quan-hệ về cái cảnh-ngộ nữa. Lạ gì người ta vốn không có tính xấu, chỉ vì nhiễm mãi vào với tục, thì nó phải đổi, đổi lâu mất nết, thành ra thói quen. Vậy nên mặt giời mặt giăng muốn sáng, vì đám mây mà mờ; nước sông muốn trong, vì đất bùn mà đục, tính người muốn tốt, vì lòng dục mà hư, xem thế thì biết cái danh tiếng thanh-liêm của các quan nó sở-dĩ vắng ngắt đi như là tuyết mùa hạ, sao ban ngày, không bao giờ có thể trông thấy được, là bởi vì có quan-hệ về cái sự trực-tiếp, gián-tiếp, chứ không nên đổ lỗi cho quan cả được.

Nay xin suy-nguyên cái tâm-cảnh ngộ-cảnh của quan-trường ra như sau này.

Một là thuộc về cái tôn-chỉ sự làm quan. Người xưa gọi quan là phụ-mẫu của dân, thế hóa ra ông quan đã nhận mình là phụ mẫu, mà nghiễm-nhiên lấy cái ngôi phụ-mẫu tự xử, thì phải nên hết cái trách-nhậm làm cha, làm mẹ mà nâng niu gìn giữ, nuôi nấng thăm nom, cầu cho con đỏ của mình được hưởng cái hạnh-phúc yên lành, thì trong lòng mới thỏa; chứ như làm cha mẹ mà lại đem lòng tàn hại đến phường con đỏ, thì trừ phi những kẻ đại-gian cực ác, không có ai thế bao giờ. Cái tôn-chỉ về sự làm quan như vậy, thật là khiến cho người ta dễ sinh ra bụng đạo-đức lắm.

Bây giờ thì không thế; nhận nhầm về hai chữ quyền-lợi, rồi mà cái địa-vị của quan với dân, thành ra hai bên đương đối với nhau; người làm quan thì công-nhiên đối với dân mà bảo rằng: Ta ra làm quan, chẳng qua cũng chỉ là một cái đường mưu sinh đó mà thôi; đã lấy cái đường làm quan để mưu sinh, thì phàm những cái quyền-lợi thuộc về sự làm quan đáng được, tội gì mà ta chẳng làm, những việc nghĩa-vụ thôi cẩng gác bỏ kệ đó, ta có phải đâu cha mẹ các hắn, các hắn có phải đâu con cái ta, nhái lớn nuốt nhái bé, cá lớn nuốt cá con, hơn được kém thua, đó là cái công-lệ

giới đã sinh ra vậy. Ta nhân tiện lấy cái công-lệ đó, để ních chặt cái túi riêng của ta, chẳng hơn ư? Chứ thanh vợi liêm thì còn có ăn thua gì với ta nữa.

Hai là thuộc về « danh-dự » nó chưa đủ bù được. Trong đời không cứ bậc người nào, dẫu làm về công việc gì cũng có một cái bụng hi-vọng để cỏ sách lệ cái đường tấn tới : người nông-phu ra cày ruộng, tất cũng có cái hi-vọng lấm thóc được mùa ; kẻ thương-dân ra đi buôn, tất cũng có cái hi-vọng một vốn bốn lãi; đến như người làm quan, thì không có thể ra ganh thi mà tranh cái lợi với họ được, vậy nên phải đem thân ra để gánh vác lấy một phần công việc trong xã-hội. Cái sự hi-vọng của các quan không có cái vật gì khác, chẳng qua chỉ khu khu hai chữ danh-dự mà thôi.

Ngày xưa trọng về đường danh-dự, thế cho nên phàm có ông quan thanh liêm, thì trong xã-hội ai ai cũng tôn kính sùng phụng, hoặc khen là « *bụt sống muôn nhà* », hoặc chúc là « *sao lành một xứ* »; dẫu đến lúc về nghỉ nơi điền-viên, mà nhà thanh bạch, cũng đủ kiên-trọng với đời, nghĩ hồ là tiền bạc không đủ đọ được với cái giá-trị cao nhất trong thế-gian là phải lắm.

Bây giờ thời không thế. Đạo-đức thì coi dễ như rơm rác, tiền bạc thì coi trọng như thánh-thần, phàm những người trong túi kém tiền, thì không đủ tranh cướp được lấy cái thể-diện ở trong đám giao-thiệp, mà không ai bàn đến phẩm giá cao thấp chi nữa.

Than ôi ! Cái đức thanh-liêm nó kết quả, chẳng qua chỉ tranh lấy một chút phẩm-giá về sau, mà trong xã-hội coi thường, không thấy ai biết coi là quí trọng, thế thời cái hi-vọng trong suốt một đời người, còn có được cái gì nữa. Như vậy, mà muốn khuyên cho người ta làm điều hay nhẽ phải, chẳng cũng khó lắm du ?

Ba là thuộc về trí-khôn của dân hãy còn hắc-ám. Dân nước văn-minh, ai ai cũng biết rõ cái quyền-lợi và cái nghĩa-vụ của mình, hóa cho nên dẫu có quan tham lại nhũng, cũng không thò được ngón gian. Đến như dân nước ta thì không thế. Động vào cửa quan, không cứ là việc phải trái gian ngay thế nào, chỉ cho rằng « đồng tiền là đâm xiên luật lệ », vì cái quan-niệm như thế, cho nên lấy sự ăn tiền là cái quyền lợi của các quan, mà sự mất tiền là nghĩa-vụ của người có việc.

Thậm chí đêm hôm chầu chực, chỉ sợ lễ vật không được lọt vào, qui gối niệm tay, cầu cho thu nhận thì mới đành dạ, như thế thời của ngon tới miệng, có nhẽ ai chê, cơm trắng đến mồm, can gì chẳng nhậm; dẫu có người hơi có bụng tốt, cũng phải khiến cho người ta rối lòng, rối ra bạc trắng đen lòng, tiền xanh tối dạ, còn giữ sao được cái bản-sắc ngọc trắng đá trong nữa du ? Đó là bởi cái dân-trí nó thấp kém, hóa cho nên lại khiến cho quan đến nỗi mất cái bụng thanh-liêm vậy.

Bòn là: bởi về nhà cửa họ-đương nó bách. Phương-ngôn có câu rằng: « Một người làm quan, cả họ ăn lộc. » Nhời ấy lắm người cũng nhận sai. Đã đành rằng trong đạo hiếu-đương, ngọt ngon thờ phụng, đó là cái đạo con hiếu; chính là người có lộc vị phải nên hết cái bổn phận của mình. Chứ đến như nhà cửa họ-đương, thì cũng lắm lúc làm nhiễu cho quan lắm.

Này! Nhà nước chỉ tính lương bổng có một người, thế mà thân thích họ hàng, ai ai cũng có cái bụng trông mong nhờ vả, nào là người thì xin đi hầu hạ để kiếm miếng ăn, nào là người thì đưa đón mối manh, để lo việc kiếm bổng. Còn như những kẻ khốn cùng, đến xin giúm giúp, những người hoạn nạn, đến để kêu cầu, lại không biết bao nhiêu mà kể nữa. Huống chi mình đã làm quan, thì bà lớn cô hầu, không chịu hà-tiện, mợ chiêu cậu ấm, sẵn có hoang-toàng, nếu mà chỗ ở không được sang, áo mặc không được đẹp, lại không được bằng lòng, phỏng chừng cái giá-trị của mình ở trong một tháng, được độ bao nhiêu, mà bốn mặt ỷ èo, rồi như canh-hẹ, tài nào không làm cho người ta phải bầy mưu nghĩ mẹo, thả lưới vây chài, để vơ vét lấy của thế-gian, mà gỡ gạc cái sự túng của mình!

Vả lại, dân sự là người dưng nước lã, không phải ruột thịt của mình, vợ con anh em thì một nhà xum họp, cùng trong máu mủ nhà mình, kẻ xa, người gần, khác nhau lắm. Dân sự dù có kêu ca đau ruột, khuất mắt biết đâu, vợ con nếu mà rức ráy bên mình, vang tai khó chịu; giữ kỹ để cho người thân của mình chịu khốn, sao bằng để cho người xa với mình chịu đau, chẳng hơn ư? Thế thì lấy của kẻ xa mà bù đỡ cho kẻ gần, cũng chẳng hại gì công-lý! Xem thế thì biết rằng vì sự cửa nhà thân-thích mà không thể mong cho quan-lại thanh-liêm được!

Thế thời làm quan không cần phải thanh-liêm hay sao? Tôi vẫn biết rằng đem câu ấy mà khuyên các quan, không những rằng khó lọt vào tai, và cũng chắc rằng tất có câu vặng ra miệng nữa. Vả lại cái trách-nhậm của ông quan, cốt để răn sự gian, nén sự tham, dẫy sự lợi, bỏ sự hại. Kìa! những đứa tham-dân gian-đạo, quan còn biết lấy phép mà trừng-trị, lấy đức mà khuyên răn, huống chi mình mà lại không biết trừng-trị mình, khuyên răn mình hay sao? Chỉ ngặt vì cái cảnh-ngộ nó ở đâu lại làm cho rối ở trước mắt, rồi ra một nhẩm hai nhỡ, lâu mãi làm cho mất cả cái bụng nước trong tuyết sách khi trước, ấy là một cảnh đáng tức giận mà đáng thương thay cho người làm quan vậy.

Bây giờ muốn thu-phục lại cái bụng cũ, thì làm như thế nào? Nghe đâu quan Toàn-quyền SARRAUT và quan Thông-sứ Bắc-kỳ, các ngài đã nghị định tăng thêm lương-bổng của quan-lại, và ban bố cái luật mới thi-hành; ta thiết tưởng đến lúc bây giờ thì cái sự chi tiêu của các quan hẳn sung-

thiệm, và dân đối với pháp-luật cũng rõ ràng, họa là bởi đó mà bỏ được cái tệ-tục ngày trước một đôi chút, nhưng chúng tôi cũng chưa dám chắc, vì sao? Tôi thiết tưởng không tìm cách để mà đốc-trách, thì cũng không tài nào mà bách-thúc cho người đổi sự dở sang sự hay được. Cái đạo đốc-trách như thế nào? Tức là khoản-luật trị về các quan ăn tiền, phải cho nghiêm vậy.

Hoặc có kẻ bảo rằng xướng ra câu ấy, chẳng hóa ra lại thêm cái bụng ác-cảm với quan-lại ư? Xin thưa rằng: không! nhà-nước trừng-trị đã nghiêm, thì chắc rằng phàm những người làm quan, tất cũng vui lòng mà hết sức tán-thành, không có một chút nào oán hận chi nữa mới phải.

Sao thế? Vì trừng-trị nghiêm, thời không những là khiến cho người ta biết sợ hãi, mà người làm quan cũng được tạ-khẩu thoái thác, đổ tại luật phép, để từ chối cái sự bè bạn họ hàng nó sách nhiễu vô-vị, giảm bớt cái sự vợ con hầu hạ nó hoang-phí quá chừng, trong thì sửa lấy đức nghiệp của mình, ngoài thì dựng cái tiên-biểu cho người, như vậy thì ích lợi về cái khuôn phép làm quan biết là bao nhiêu?

Tôi từng nghe người anh em bạn thuật lại một vài việc cũ trong quan trường, thiệt là cái gương quí báu cho đời, tôi xin kể ra sau này.

Ngày xưa có một ông huyện, khi đương làm quan, có một người em họ lại đòi vay; ông ấy chỉ đãi tiền ăn đường cho về, và dặn rằng: « Lần sau chớ lại nữa. Không thì cấm cửa ». Người bạn trách rằng: « Anh đãi em họ anh như vậy, chẳng hóa ra tệ bạc lắm du? » Ông ấy giả nhời rằng: « Thôi! chẳng thà tôi tệ bạc với nó, còn hơn mắc tiếng xấu với dân. Ngài « tính tôi một tháng chẳng qua chỉ được năm sáu chục đồng bạc lương, « dẫu phụng dưỡng cha mẹ, nuôi nấng vợ con, cũng còn lo chưa đủ, lọ là « thân thích; và người ta ai ai cũng phải nên giữ lấy một nghề, để tìm « đường sinh-hoạt, nếu chỉ chăm chăm về sự giúp đỡ người nhà, thì tất phải « chăm chăm về sự tham lam của dân. Và những đứa đã được tiền giúp « đỡ của mình, rồi nó lại thành ra quen nết, mà chỉ đợi nhờ người, không « chịu tìm đường sinh-hoạt nữa; một mai mà mình vì sự tham-ô mắc tội, « nó vì không nghề nghiệp khổ thân, đó thì chẳng những là mình không « giữ được cái thân danh, và cũng là không biết đường thương yêu thân- « thích nữa. Tôi sở-dĩ xử với nó như vậy, người ta trông thấy, tự hồ bạc « thật, nhưng không phải là bạc, một là: để bồi dưỡng lấy cái đức thanh- « liêm của ta; hai là tác thành lấy cái tính chất tự-lập cho nó đấy thôi, chứ « quan anh trách rằng tệ bạc thì thiệt là chưa biết bụng. »

Lại có một ông sắp đi làm quan, gọi vợ con dặn rằng: « Chúng mày « phải nên biết rằng, ta bây giờ phải dưng cái thân cho xã-hội, để ra làm « việc quan, đó chẳng qua là theo cái tư-cách của mình, để gánh vác lấy

« một phần trách-nhậm trong xã-hội mà thôi, vì ta không làm được những « nghề thợ, nghề buôn, nghề cầy ruộng, để rộng rãi cái sinh-kế của mình, « ăn lộc nhà-nước, lo việc nhà-nước, còn lo cái chức trách của mình, không « đủ xứng với bổng lộc của nước ; chúng mày nếu muốn ăn mặc no lành, « tiêu pha rộng rãi, thì phải nên bỏ cái bổng lộc làm quan ra ngoài, mà lo « sinh kế thêm ra, hoặc làm ruộng, hoặc đi buôn, để làm cái đường sinh- « nhai mới được. Nếu không thế, mà chỉ ngồi đợi ta nuôi, thì phải nên đặt « con toán mà tính sẵn, xem cái lương tháng của ta, được nhiều hay ít, chỉ « có số đó mà thôi, chứ ngoài ra không có bởi đâu được nữa. Nhược bằng « chỉ ngông-nghênh lên mặt bà quan, lên vẻ cậu mợ, đua hơi xa xỉ với thói « đời, mà làm cho một người phải chịu cái tiếng xấu, mác quở phạt, mất cái « danh giá trong một đời, thì chẳng thà già ăn nước về sở nhà, ăn rau nuốt « cháo nó còn thanh hơn. »

Than ôi ! những bực người ấy, cái bụng đã thanh, mà cái đường tự mưu xử-trí cũng thanh, nghi hồ là cái danh tiếng thanh liêm nó tầm tắc mãi ở cửa miệng người đời là phải lắm.

Nói cho hết lẽ thì ở đời cũng có kẻ đành chịu mang lấy cái danh tiếng dơ bẩn, để cho thỏa thích cái sự hoang phá cản giỡ của mình, những người ấy chẳng nói làm gì ; còn như những người vì tình kia cảnh nọ mà chịu phải nhắm mắt để cho mực đen ô trắng, bùn đục phả trong, lâu mãi rồi đến nỗi coi hai chữ danh-dự của mình, làm một cái vật tiêu mòn, mà không phục hồn lại được, đó cũng là một cái cảnh cay đắng của người đời vậy. Thế cho nên phàm những người muốn làm sự hay, tất phải định ngay lấy cái đường đất hay trước. Thầy đồ châu Âu là ông Á-LÍ-SĨ-ĐA-ĐỨC có nói rằng : « Người ta tất đã đủ cái tư-cách nuôi mình, rồi sau mới có cái tư-tưởng cao-thượng. » Chúng tôi có một nhời trung-cáo rằng : phàm các bực làm quan buổi này, cốt phải tính xong cái đường kinh-tế trước, rồi sau mới hồi dưỡng cái đức của ta được. Xem các ông xử với em họ, dặn vợ con, thiệt là một cái gương tấy liếp cho người vậy.

Chúng tôi có phụng đọc bộ « Ngự-biên Từ-huấn-lục » 慈訓錄 của Đức Dực-tôn, trong bộ ấy ngài cung-kỷ những nhời Thánh-dụ của Đức Chương Hoàng-hậu, thì chỉ thấy chăm chăm nói về cái sự quan-lại hại dân, vậy xin trích dịch như sau này.

Tờ thứ 5 quyển I, Ngài ban rằng : « Cung-đình xa muôn dặm, mà ở ngoài « thì tham nhũng đua nhau, vào đến tai vua, muôn không được một, vậy « mà muốn cho hòa thuận được mùa, dân yên giặc tắt, sao được ? Và chúng « nó mất cả cái bụng liêm-sỉ, chỉ vụ béo mình, biết chi có nước, những tệ « ấy như hang chuột, phải nên trừ bỏ dần dần, thỏ ngách nào trị ngay « ngách ấy, chớ nên dong thứ chút nào, họa là mới có thể bớt được.»

Tờ thứ 22 quyển II, Ngài ban rằng: « Nghe các người hậu bổ, hễ ai có « tiền bạc, thời được bổ trước, hoặc bổ được chỗ tốt ; người không đút lót, « thì đành chịu lôi thôi, quan-lại không có bụng công-liêm như vậy, còn « mong gì trị bình nữa. »

Tờ thứ 27, Ngài ban rằng : « Quan mà tham liêm, là bởi tự trong « lòng sinh ra, dẫu sĩ-phu khen chê cũng nhiều, nhưng cũng không tài « nào làm cho nó sợ mà đổi được. »

Tờ thứ 32 rằng : « Làm quan ngoài lắm lễ-lạt, lại ít việc được thong « thả, đến nỗi làm cho ai cũng muốn ra làm quan ngoài. » Lại rằng : « Ta « nghe các quan ở ngoài việc gì cũng cốt phải đút lót mới xong, không « thế thì lôi thôi khó quá. Và người mà tham-liêm, bởi tự trong lòng, dẫu « có tăng bổng, mà thói tham không biết chán, thì nó cũng chả thôi, thiệt « là không lấy phép gì mà cấm được, thói ấy thiệt đáng ghét đáng « giận lắm. »

Tờ thứ 1 quyển IV rằng : « Phàm những quan bây giờ, thường nhân « việc lấy lợi, lòng tham không chán, tệ cũ khó trừ. Nếu biết trên vì nước, « dưới vì dân, cứ giữ một cái bụng công mà làm, thì việc gì mà chả trị, « dân nào mà chả yên. »

Tờ thứ 11 rằng : « Quan lại từ xưa tới nay, chỉ có một chữ tham chưa « bỏ đứt được ; mọt dân hại người, không còn cái gì hơn đó nữa. Hiện « giờ thường thấy lắm người xin ra bổ ngoài, tới nơi thì khuân về không « biết bao nhiêu mà kể, đó chả phải lấy của dân thì ở đâu mà ra ? Nhưng « mà cái của bất-nghĩa, cũng chả được bao lâu, không đầy một vài đời đã « hết sạch ngay cả, con cháu cùng khổ, thiên hạ chê cười, sao bằng những « người làm nhân làm nghĩa, phúc để lâu dài về sau. »

Lại tờ thứ 26 rằng : « Triều-đình thiết quan phân chức, là để giúp « vua trị dân, phải nên ưu, ái, công, trung, nghĩa là sao cho khỏi phụ chức « trách mới phải, thế mà thường nghe quan lại lắm kẻ tham lam, không « việc gì là không ăn tiền, hoặc lừa của người ta mà trái phép cũng có, « hoặc ức hiếp mà bổ nhẽ cũng có, ... thậm chí đến nhà người ta mà « sách nhiễu, không có một chút nào đoái đến liêm-sỉ, chỉ vụ ích mình, « không cần người nói, thế hóa các bực quan lớn, nhà cửa ruộng vườn, « không biết bao nhiêu mà kể, đó chả phải lấy máu mủ của dân, thì bởi « đâu mà được như vậy. »

Thử xem những lời trên này, rõ ràng thay! Thánh-dụ rành rành, thiệt là một cái khuôn vàng thước ngọc của những người làm quan trong nước ta đó vậy.

Dẫu thế, nhưng mà làm quan mà chỉ có một cái đức thanh-liêm, cũng chưa đủ hết cái nghĩa-vụ làm quan đâu.

Cổ-ngữ có nói rằng : « Không ăn lộc mà ích lợi cho nước thì vẫn có, « chưa nghe thấy ăn lộc mà không có ích cho nước bao giờ. »

Này ! nhà nước vì sao mà phải lấy tô thuế của dân để nuôi quan ? Bởi vì quan là người có cái tài giúp đời lợi dân đó mà thôi, giá phỏng có một ông quan, lễ lạt không thèm lấy một tí gì, cái bụng thanh-bạch đối được với giời đất, mà dân nó khổ sở không cứu vớt được, việc nó gian ngay không xử đoán được, chiếu lệ lên ngồi công-đường, phè phỏ quí hồ xong việc, còn như nha lại tác tệ ở dưới, trộm cướp quấy nhiễu trong dân, thì lại nhắm mắt bịt tai, chẳng hỏi chẳng nhìn chi đến, thanh-liêm như vậy, phỏng có được ích gì không ?

Xưa đức Khổng-tử từ cái đất ăn lương của ông Tề Cảnh-công, ra bảo học trò rằng : « Người quân tử phải cân nhắc cái công của mình mà sẽ chịu lộc ; nếu không công mà ăn lộc, thế gọi là người bất-liêm. » Ngồi rồi ăn không người ngày xưa lấy thế làm bỉ lắm ; vậy nên trộm mong các ngài làm quan đáng lẽ chiếu theo cái lộc vị của mình, hết cái phận sự của mình, thế thời đối với cái lương tâm mình mới không đến nỗi hổ thẹn ; không thế thì thành ra lấy tượng gỗ mà hưởng những đồ cúng của người ta, sôi, thịt, vàng, mã, tuy rằng lễ thật, nhưng chả là máu mủ của dân ta ư ?

Và chăng ! Tôi thiết tưởng trong đám quan-trường, nếu có một người tham nhũng, thì không những là đắc tội với triều đình, với chính phủ, với quốc-dân, và lại đắc tội với cả mình, với cả bạn quan nữa. Sao vậy ? Này ! Cái danh giá ông quan ngày xưa, trang nghiêm biết là ngần nào, mà bây giờ thì sao mỗi ngày nó mỗi kém đi như vậy ? Tôi thường nghe trong báo tây thường chê bác cái tệ tục của đám quan ta, thiệt là quá đỗi, nhân một cái thói xấu ấy, mà để cho người ta nhận nhầm là người nước ta hết thảy không ai có lòng đạo đức, và đến nỗi cho những cái khuôn phép di-truyền, cũng không đủ trọng với thế giới nữa, tuy rằng nhời bàn chưa được thật đích đáng ; nhưng thử đem cái tính chất người nước mình, thì tôi cũng không biết lấy nhời gì mà biện bạch lại được.

Huống chi : bây giờ nhân đó mà khiến cho người ta lại có người xin giảm bớt cái quyền của các quan An-nam, nếu một mai mà uy quyền mất cả, trên thì chính-phủ không có lòng tin, dưới thì quốc-dân không có bụng trọng, đến lúc bấy giờ dẫu có bực chính-nhân quân-tử, muốn mưu làm một chút ơn gì cho dân, nhưng uy-phong không có mà sức lực kém, cũng không thể sao mà thỏ được cái tài cán của mình ra, thế thì đáng nguy cho đường quan-giới quá.

Và chăng ; những bực thượng-lưu nhân-vật nước ta, hay quí trọng đạo-đức mà khinh dể quyền-lợi, từ xưa tới này những bực quan-lại có danh tiếng, cũng không thiếu chi người, mà cái cảm-tình trong xã-hội đối với quan-lại, tưởng cũng chả đến nỗi bạc bẽo.

Tôi làm ra bài này, không phải là dám có bụng chê bai bài bác gì, chỉ vì lo cho cái tiền đồ của các quan, trọng lấy cái tiếng tốt của các quan, muốn dựng đôi nhời để các ngài soi xét, may ra cái thể thống rất trang-nghiêm, rất cao-thượng của đám quan-trường nước ta, giữ gìn trọn vẹn mãi mãi về sau được, thì nước nhà may lắm, quốc-dân phúc lắm.

Chúng tôi cũng vẫn biết rằng nhời thật thì hay mất lòng, nói cao tất là được tội, nhưng mà chúng tôi sẵn lòng nhiệt-thành kính trọng yêu mến, muốn mong sao cho cửa miệng thế gian người ta khỏi sỉ và là quan bạc quan tiền, mới được bằng bụng. Vậy thiết nghĩ rằng, nếu mở cái môi cho người ta chê mình, chẳng thà nghe lấy cái nhời quê mùa này, mà giữ gìn lấy cái danh vọng mình là hơn.

THÁI HÁM-SINH *lai-cảo.*

VĂN-HỌC BÌNH-LUẬN

BÀN VỀ THƠ NÔM

Vơ-vẩn tơ vương hồn Đại-Việt,
Thạnh-tao thép lột giọng Hàn Thuyên.

Giọng Hàn Thuyên ! . . . Hồn Đại-Việt ! . . . Hai câu ấy thực là gồm cả cái lòng hi-vọng tối-thiết của bọn ta. Than ôi ! vì sao mà ta khắc-khoải trong lòng, ta băn-khoăn trong dạ, vì sao mà ta mong-mỏi mà tủi thương ? Chẳng phải là từ xưa đến nay ta chưa từng được đem cái giọng Hàn-Thuyên này mà diễn cái hồn Đại-Việt kia dư ?

Bởi thế nên ngày nay ta được đọc được ngâm những mảnh thơ nôm văn nôm của các bậc tiền-bối còn sót lại đến giờ, trong lòng có cái cảm-tình vô-hạn. Tưởng cái cựu hồn của Đại-Việt ta còn phảng-phất đâu ở trong những mảnh thơ tàn văn vụn ấy, mà vẳng đưa đến tai ta những giọng vui sầu của người thủa trước.

Cùng một tiếng khóc, cùng một giọng cười mà sao giọng cười tiếng khóc bằng cái nhời họ Hàn kia, nó cảm ta như thế ? Là bởi giời sinh ta để nói cái nhời ấy, giời sinh ra cái nhời ấy để ta nói, ta có nói bằng nhời ấy mới nói được lòng ta, nói bằng nhời khác là nói những sự không thực cả. Trong giời đất chỉ có nhời ấy với ta, ta với nhời ấy, là có cái *duyên nợ ba sinh* vậy.

Vì chăng duyên nợ ba sinh,
Làm chi đem thói khuynh thành trêu [ngươi ?

Ấy cái hồn văn nôm nó thường « trêu ngươi » bọn ta là vì thế . . .

Không phải là ngẫu-nhiên mà tôi phát-khởi ra cái tư-tưởng miên-man như thế. Thực là nhân đọc sách của một nhà nhiệt-thành về quốc-văn đã dụng công sưu-tập những thơ văn nôm của các bậc danh-sĩ để lại. Sách ấy là sách *Cổ-xúy nguyên-âm*, của ông NGUYỄN ĐÔNG-CHÂU, hiện mới xuất-bản được một tập thứ nhất ở nhà Đông-kinh Ấn-quán. Ông ĐÔNG-CHÂU muốn « đánh trống thổi sáo » để đón rước những bậc con cháu cụ Hàn-Thuyên đã biết nối-nghiệp tiên-tổ mà ngâm-vịnh bằng nguyên-âm của nước nhà. Thực là một việc đáng khen thay !

Ông chia sách làm bảy mục, gồm cả các lối văn thơ nôm cũ : 1° Thi ; 2° Phú ; 3° Tình-nghĩa ; 4° Văn-sách ; 5° Ca-từ ; 6° Văn-thư ; 7° Đối-liên. Hiện nay mới in xong được một tập thứ nhất về mục thơ. Ta nên mong các mục khác sẽ kế-tiếp mà xuất-bản, cho chóng thành một nền văn-chương đích-đáng, để quốc-dân ta biết rằng các cụ ngày xưa cũng có lưu-tâm đến quốc-âm, chớ không phải không, kẻo mà xét nhầm, phụ lòng tiên-tổ.

Trong tập thứ nhất này ông giảng tường về luật làm thơ. Xem đấy thì biết luật thơ cũng nghiêm như luật hình vậy : người nào thuộc luật thì *bằng trắc* tất không lẫn-lộn, *vần* tất *áp*, *luật* tất *niêm*, *điệu* tất *xứng*, *đối* tất *chỉnh*, sánh những khóe *thôi-xao*, giỏi những cách *xuất-sáo*, mà gây nên những bức thanh-âm tuyệt-điệu ; người nào không thuộc luật thì phạm phải những tội ghê-gớm, đọc đến mà rùng mình : nào là tội *thất-luật*, tội *thất-niêm*, tội *khổ-độc* (chớ nhầm với *khổ-sai*), tội *cưỡng-áp* (chớ nhầm với *cưỡng-gian*), tội *trùng-ý*, *trùng-chữ*, *điệp-điệu*, v. v. — Khuyên các nhà mới tập thơ phải học thi-luật cho kỹ, đừng có bằng ở *tai*, mà cũng chớ nên cậy ở *tài*, kẻo mà lắm khi mắc phải những tội như trên kia !

Ông đã diễn hết các điều-luật nghiêm khắc ấy rồi, ông bèn lục ra đến ngót trăm bài thơ để làm minh-chứng cho những điều luật ấy. Thơ đủ các lối : thất-ngôn bát-cú Đường-luật, bát-cú thủ-vĩ ngâm, bát-cú liên-hoàn, bát-cú họa-vần; thất-ngôn tứ-tuyệt ba vần, tứ-tuyệt họa vần, tứ-tuyệt liên-hoàn ; thơ yết-hậu (lối thơ này rất buồn cười) ; ngũ-ngôn bát-cú, ngũ-ngôn tứ-cú, ngũ-ngôn trắc. Ấy trong tập này mới có những lối ấy ; còn lối khác như : trường-thiên cổ-thể, lục-bát, lục-bát gián-thất, ca-từ (thơ ả-đào, bát nói, v v.) thì tập sau tất tiếp theo.

Trong các lối thơ ấy có lối *Đường-luật* (8 câu 7 chữ) là thịnh-hành hơn cả. Vậy ta nên xét qua cái « tâm-lý » của lối thơ ấy. Nói « tâm-lý » tất có người lấy làm lạ mà hỏi : sao lối thơ văn cũng có « tâm-lý » được ? Xin đáp rằng : Thực như thế. Bao nhiêu người làm thơ cùng theo một lối, lấy lối ấy làm hay làm tiện, đủ hình-dung diễn-xuất được sự cảm-giác, cái tình-tự của mình, thì lối thơ ấy với cái tính-tình người làm thơ tất có một sự quan-hệ gì, không phải là không ; nghiên-cứu sự quan-hệ ấy, tức là xét cái « tâm-lý » của lối thơ, vì nhân đấy mà biết được cái tính-tình chung của các người làm thơ cùng dùng một lối ấy. Như lối Đường-luật 8 câu bảy chữ, chia ra làm bốn phần : hai câu 1-2 là câu *đề* (*phá-đề* và *thừa-đề*), hai câu 3-4 là câu *thực*, hai câu 5-6 là câu *luận*, hai câu 7-8 là câu *kết*. Trong cái phạm-vi 56 chữ ấy mà bộ-phận rất là chỉnh-đốn, then máy rất là cần-mật, phải làm thế nào mà vẽ được một bức tranh hoàn-toàn, hình-dung được cái ngoại-cảnh của tạo-vật cùng cái nội-cảnh trong lòng người, cái nọ ứng-hợp với cái kia, không được ngang trái nhau. Đó là cái vấn-đề rất khó của các nhà làm thơ ở nước Tàu nước ta.

Muốn xét cái vấn-đề ấy giải-quyết ra làm sao thì phải biết cái quan-niệm riêng của người Tàu người ta về thi-học cùng họa-học. Ta coi thơ tức là vẽ, mà vẽ tức là thơ ; thơ là vẽ bằng nhời, bằng thanh-âm, vẽ là thơ bằng hình, bằng bút mực. Nên bức tranh thủy-mạc tức là bài thơ tả-cảnh hiển hiện ra cho mắt ta trông ; mà bài thơ tả-cảnh tức là bức tranh sơn-thủy cất tiếng lên cho tai ta nghe.

Như muốn vẽ bức tranh thì con mắt phải nhìn trong cảnh-vật mà thu lấy cái hình-ảnh, rồi mới tìm cách truyền thần ra giấy ra lụa. Muốn làm bài thơ cũng vậy, trong trí phải tưởng-tượng ra một cái cảnh, hoặc là cảnh thiên-nhiên, hoặc là cảnh trong tâm-giới, rồi dùng những âm-hưởng thích-đáng mà gọi, mà kêu nó lên, khiến cho người nghe cũng phát-khởi ra một sự tưởng-tượng như thế. Hai đằng cùng là vẽ cả, một đằng là vẽ cách trực-tiếp, một đằng là vẽ cách gián-tiếp, nhưng đều là muốn gây một mối tư-tưởng cảm-tình từ trong lòng người.

Bởi thế nên phàm thơ Tàu, thơ ta, nhất là lối thơ Đường-luật, thực là những bức tranh cảnh con con. Đã là bức tranh để vẽ cái cảnh đẹp thiên-nhiên, hay là cái cảnh thú trong lòng, thì phải theo khuôn khổ một bức tranh, phải phỏng nét bút người thợ vẽ, nghĩa là phải làm thế nào mà truyền-thần được cái cảnh trong mấy câu nhất-định, không được hơn không được kém, không được tùy cái sóng ngồn ngang ở trong lòng mà khi cao khi thấp, khi ngắn khi dài.

Ấy cái tâm-lý của lối thơ luật như thế. Người ta thường nói thơ là cái tiếng kêu tự-nhiên của con tâm. Người Tàu định luật nghiêm cho nghề làm thơ thực là muốn chữa lại, sửa lại cái tiếng kêu ấy, cho nó hay hơn, trúng vần trúng điệu hơn, nhưng cũng nhân đó mà làm mất cái giọng thiên-nhiên đi vậy.

Thử đọc bài thơ qua đèo Ngang của bà huyện Thanh-quan :

Qua đỉnh đèo Ngang bóng xế tà,
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.
Lom-khom dưới núi tiều và chủ,
Lác-đác bên sông chợ mấy nhà.
Lưyến chúa đau lòng con quốc-quốc,
Thương người mỏi miệng cái gia-gia.
Dừng chân đứng lại giời non nước,
Một mảnh tình riêng ta với ta.

Còn bức tranh nào vẽ khéo bằng! Thực là một mảnh sơn-thủy ở các lọ sứ tàu, đem phả vào khúc đàn vậy... Nhời chuốt như ngọc, giọng êm như du. Nào giời, nào nước, nào non, nào cây cỏ, nào đá hoa, nào chim kêu vượn hót, chẳng thiếu tí gì, lại thêm chút tình cảm-động của kẻ đường dài người lữ-thứ một mình đối với giời cao khoảng rộng. Mà bấy nhiêu thứ chỉ trong khoảng 8 câu, 56 chữ. Một bài thơ như thế là tuyệt bút.

Rằng hay thì thực là hay,

nhưng hay quá, khéo quá, phần nhân-công nhiều mà vẻ tự-nhiên ít, quả là một bức tranh cảnh vậy.

Cùng một đầu bài ấy, cùng một cái cảm-hứng ấy, mà vào tay một nhà thi-nhân tây, thì tất vẽ không được khéo bằng, bức tranh tất kém bề phong-nhã, kém vẻ thanh-tao, nhưng nét bút đậm đà biết chừng nào, nhời thâm-thiết mà giọng hùng-hồn, như đưa như cuốn cả tấm lòng người lên mấy từng mây!

Thí-dụ như bài thơ bằng chữ Pháp sau này, cũng là tả cảnh buổi chiều đi chơi núi, mà sinh ra bao nhiêu cái cảm-tình cao-thượng, bao nhiêu sự tư-tưởng thâm-trầm. Xin lục cả nguyên-văn và dịch nôm-na ra quốc-ngữ, cốt lấy nghĩa đen cho các người không thông pháp-văn dễ hiểu, để đợi có nhà nào hay thơ nôm nhân đấy mà diễn thành một bài trường-thiên bằng quốc-âm.

Bài thơ pháp đề là: Buổi chiều chơi núi (*Soir en montagne*). [1] Nhời rằng:

J'ai gravi par ce beau crepuscule d'été
Ta cime abrupte, ô mont, noir de gorges secrètes,
Qui te casques de rois et de sapins te crètes,
Et jusqu'au plus altier faîte je suis monté.

La clarté declinante enveloppe les choses.
Un calme elyséen plane. A peine distincts,
Quelque cloche, un torrent font vibrer des lointains
Noyes dans un brouillard tissu de gazes roses.

Rougis d'obliques feux, des troupeaux moissants
Mêlent, semant les pres de taches purpurines,
Aux tintements epars l'angélus des clarines,
Et du mont solitaire animent les versants.

Une sereine extase, une paix infinie
Me gagnent. Le soleil à peine disparu.
Couronne les sommets voisins où l'ombre a crû,
Des pourpres de sa brève et royale agonie.

Des tresors oubliés de tendresse et de foi
S'offrent à ma pensée en qui tout s'exagère.
J'imagine qu'avec plus de fraîcheur legère
Mon âme de dix ans se renouvelle en moi.

Déjà transfiguré d'ivresse interieure,
Je me refais petit, ingenu; je reviens
Sans nul effort à des souvenirs très anciens,
Comme va ce qui passe à ce qui seul demeure.

Puis délivré d'un corps presque immatériel,
Ma candeur reconquise en sa grâce enfantine,
Sur des illusions sans nombre je butine,
Abeille heureuse eclose à la saison du miel.

Et je crois, tellement l'atmosphère est subtile,
Respirer un air vierge où des baumes divins
S'epandent, exhalés d'invisibles ravins,
Et vivre un de ces soirs que le Rêve distille.

Des paysages d'or s'évoquent enchanteurs,
Et des impressions ressuscitent naïves.
Je suis le fil d'un fleuve aux lumineuses rives,
Au caressant murmure, aux suaves senteurs.

Et le courant m'entraîne aux chères nostalgies
De limpides sejours et d'horizons élus,
Si tranquilles, si purs, que je ne les vois plus
Qu'à travers la splendeur d'exaltantes magies.

Et, quand je redescends vers les hommes, longtemps
Ebloui d'un reflet du passé qui persiste,
Je médite d'un cœur moins amer et moins triste
Sur ce mystérieux au-delà que j'attends.

---

(1) Bài thơ này của ông LÉONCE DEPONT là một nhà danh-sĩ ở nước Pháp thời nay. Ông mới mất được mấy năm nay. Thơ ông hay lắm, bình-sinh vẫn được suy-tôn là « vua trong thi-xã ». Như bài này, không những ý-tứ cao, từ-điệu cũng rất là điều-hòa thanh xướng. Lục ra đây để các nhà tây học thưởng giám. Ông nào không biết chữ tây, xin xem qua nhời dịch quốc-ngữ cho biết đại-khái cái cảm-hứng, cái nhời, cái tứ-của nhà làm thơ tây, còn âm-điệu thì không tài nào diễn ra tiếng ta được.

Diễn nghĩa ra quốc-ngữ :

« Mùa hạ, bóng chiều đã xế, giời sáng tạnh, ta chèo lên trên ngọn tranh-vanh của nhà ngươi, hỡi núi cao ! Ngươi tối sầm những vực sâu hang thẳm, đầu ngươi đội mũ đá, mọc sừng thông (là cây thông). Ta chèo mà ta lên tận trên đỉnh thực cao.

« Bấy giờ bóng tà-dương tỏa bọc các vật. Giời đất phẳng-lặng như tờ. Chốc-chốc có tiếng chuông đánh, tiếng suối reo, xa đưa thoảng lại, như rung-động cả bốn-bề. Sương mù rủ che, như căng bằng thứ màn xa đỏ.

« Trông trên cánh đồng lốm-đốm những đám đỏ, tức là ánh mặt giời chiếu xiên khoai vào mấy đàn bò, vừa đi vừa kêu, tiếng nhạc rung, xa đưa đồng vọng với những tiếng thoảng-động khác mà vang khắp sườn núi trơ-vơ.

« Trong người tôi thấy bình-tĩnh, cao-hứng vô-cùng. Mặt giời mới bắt đầu lặn, các núi chung-quanh đã tối dần, nhưng trên đỉnh còn trói-lọi sáng, tựa hồ như ông Đông-quân trước khi từ biệt thế-gian còn muốn ra oai rực-rỡ trong một giây phút sau cùng nữa.

« Cái tư-tưởng tôi bấy giờ khoát-đạt vô-cùng, thấy trong lòng như có kho tình bể ái, lâu nay không từng tưởng nhớ đến. Tôi tưởng như cái hồn lúc mười tuổi nó lại tỉnh-thức lại trong người tôi, mát-mẻ mà nhẹ nhàng.

« Trong lòng như say như mê, tưởng đã thay hình đổi dạng, nay lại bé nhỏ, lại thật-thà như xưa. Tự-dưng mà hồi-tưởng lại những việc cũ, như cái gì qua đi muốn quay về với cái còn lại.

« Rồi thấy như mình thoát ra ngoài cái thân-thể vô-hình, khởi phục lại cái tâm-hồn tuyết trắng hoa thơm thủa đồng-ấu, khác nào như cái ong nở ra giữa mùa mật, tha hồ mà hút những bông-hoa ảo-tưởng.

« Khí giời rất là thanh-tịnh, tưởng như cái không-khí mình thở là cái không-khí cực trong-sạch, lưng thơm những mùi hương thần ngào-ngạt tự nơi hang sâu vực thẳm nào đưa lên ; mà chiều hôm nay thì là một buổi chiều của thần mộng gây nên vậy.

« Những cảnh hoàng-kim xuất-hiện ra phấp-phới, những mối cảm-giác cũ khởi-phục lại tơi-bời. Tinh-thần như theo giải doành ngân, nước chảy như du, hướng đưa ngào-ngạt.

« Nước chảy đưa đến bờ tưởng-nhớ, tưởng-nhớ những nơi tiên-cảnh bồng-lai, rất bình-tĩnh, rất thanh-tịnh, chỉ lúc tuyệt-hứng, mơ-màng mộng-tưởng mới trông thấy được.

« Đến khi ở trên núi xuống, giở về với người đời, trong trí vẫn còn phảng-phất những truyện cũ. Bấy giờ tôi nghĩ đến cái cõi lai-sinh là nơi tôi sắp đến đây, thấy trong lòng đã bớt giận mà bớt buồn. »

Chắc rằng bức « tranh » tây không được gọn-ghẽ, không được chải-chuốt, không được « thép lột » bằng bức « tranh » ta, nhưng tình-tứ dồi-dào biết chừng nào, tư-tưởng siêu-việt biết bao nhiêu ! Cái cảm-hứng người ta lúc đăng-lâm thực là giãi bầy ra hết nhời hết ý. Lên cao trông rộng thì tâm-hồn nở-nang khoát-đạt ra. Bao nhiêu những tư-tưởng nhỏ nhen là cái tâm-cảnh thường ở trong đám rừng người huyên-náo, tiêu-tán hết cả. Hô-hấp cái không-khí trong-sạch ở nơi thượng-từng thì tinh-thần tỉnh-tao ra, hồi-tưởng lại những việc cũ, mộng-du những chốn bồng-lai tiên-cảnh. Tưởng mình như lại giở về tuổi đồng-ấu, tuyết trắng hoa thơm. Đến lúc xuống thì trong lòng sạch cả mọi sự phiền muộn oán-phẫn, nghĩ đến cái chết

cũng không sợ nữa... Ấy cái tình tưởng của nhà thi-nhân chiền-miên mà vấn-vít như thế, không thể xếp thành bức tranh cảnh, không thể thu trong vòng tám câu thơ được.

Cứ so-sánh hai lối làm thơ ấy thì biết hai cái tinh-thần khác nhau là dường nào. Một bên thì vụ bề nhân-công, một bên thì chuộng vẻ thiên-thú. Vụ bề nhân-công thì chủ lấy cực-kỳ tuyệt sảo, làm bài thơ như trạm một hòn ngọc, uốn một cái cây, sửa cái vườn cảnh, thế nào cho trong cái giới-hạn nhất-định thêu nên bức gấm trăm hoa. Chuộng vẻ thiên-thú thì nhà làm thơ tự coi mình như cái phong-cầm, tùy gió thổi mà nên tiếng,

Tiếng trong như hạc bay qua,
Tiếng đục như suối mới sa nửa vời...,

nhời thơ phải tùy theo lớp sóng trong lòng mà khi dài khi ngắn, khi thấp, khi cao, không thể cầm-giữ trong phạm-vi nhất-định.

Bọn ta ngày nay thực là đứng giữa nơi giao-giới của hai cái tinh-thần ấy, hai cái gặp nhau ở ta, nếu ta khéo ra thì có thể điều-hòa được cái hay của hai đằng mà không mắc phải những điều khuyết-điểm. Ta cứ nên giữ lấy cái lối tranh cảnh của ta, nhưng ta nên rộng cái khuôn nó ra một tí mà bắt-chước lấy cái vẻ thiên-thú của người. Có thể thì thơ văn nôm của ta mới có thể phát-đạt lên được.

Dù vậy cốt nhất vẫn là phải nuôi lấy cái cảm-hứng ở trong lòng. Đã có cái cảm-hứng đặc-biết thì làm thế nào cũng tìm được nhời thích-đáng mà diễn ra...

Ấy nhân đọc sách *Cổ-xúy nguyên-âm* của ông NGUYỄN ĐÔNG-CHÂU mà chạnh nghĩ ra những ý-kiến ngổn-ngang như thế, nghĩ sao viết ra làm vậy, người tri-giả tất nhận cũng hơi có phảng-phất ít nhiều hai cái lý-tưởng như trên kia vậy.

PHẠM QUỲNH

VĂN-HỌC HI-LẠP

II

KỲ THỨ HAI

Sau khi đã chiến-tranh với nước Ba-tư (Perse), là « hoàng-kim thời-đại » của văn-học Hi-lạp. Đương lúc bấy giờ nước Hi-lạp đã trừ được cái lo về đằng đông-phương, thoát được nỗi loạn-li rồi, nên văn-học mới theo thời mà phát-đạt. Vả khi ấy Nhã-điển (Athènes) cũng đã trừ được quốc-nạn, thế nước bồng-bột cao-thăng, cũng làm vực sâu bể lớn cho văn-học Hi-lạp được vậy.

Thời-kỳ ấy có ba lối thịnh-hành nhất là: Hí-khúc (*Drame*), lịch-sử (*Histoire*) và khẩu-biện (*Oraison*).

I. — HÍ-KHÚC
(*Période dramatique*)

Nguyên trước những hí-khúc của Hi-lạp thì do ở sự ca-tụng công-đức Tửu-thần (Bacchus) mà thành ra.

Hí-khúc chia làm hai lối: 1° Bi-khúc (*Tragédie*); 2° Hỉ-khúc (*Comédie*). Hai lối ấy đều lấy tài-liệu ở các thần-truyện ra cả.

Bi-khúc. — Thời bấy giờ có ba nhà bi-khúc đại-gia là ông AI-TỰ-LẠP (ESCHYLE), ông TÔ-PHẬT-CÁCH-LỢI (SOPHOCLE) và ông VƯU-LỢI-TỈ (EURIPIDE). Các

bậc bi-khúc đại-gia ấy đều ở vào sau lúc chiến-tranh với nước Ba-tư (Perse) mà nước Nhã-điển (Athènes) đã đến kỳ cực-thịnh, văn-vận đương rộng rãi; các nhà văn-hào ai nấy cũng nức lòng đem cái thế bút lớn lao, chước tác ra những văn-chương kinh giời-đất, khóc quỉ-thần, khiến ngày nay trông vào chốn nhạc-phủ Hi-lạp hãy còn sinh-khí được nhiều vậy. Lối văn tuồng ấy cũng do ở lối thơ tự-tình mà ra. Vào hồi lục thất thế-kỷ trước kỷ-nguyên, hãy còn là những câu hát giản dị, dần dần mới cất thành nhời nói truyện mà làm nên kịch-bản.

Ai tiên-sinh (Eschyle) sinh ra năm 525 trước kỷ-nguyên, ở đất Y-lợi-sĩ (Eleusies), người ta gọi là tị-tổ về văn bi-kịch Hi-lạp (*Père de la tragédie grecque*). Trước kia tiên-sinh đi tòng quân có hai cái công to ở trận Mã-lạp-đốn (Marathon) và trận Tát-lạp-mễ-ni (Salamine); sau bỏ can qua mà theo bút nghiên, chuyên nghề soạn kịch. Tiên-sinh hay phô diễn các thiên-thần, tiên-nữ để biểu ra người to hơn tạo-hóa. Đàn-tình đàm-tứ, hết sức làm cho thế-bút hùng-dũng; cho nên văn-chương được thực giản khiết, trang-nghiêm, thường có cái cảnh tượng cao-thượng, làm cho người ta có cảm-tình triết-học. Bởi thế hậu-nhân bảo tiên-sinh không những là một nhà bi-kịch đại-gia mà lại còn là một nhà cao-đạo triết-lý nữa. Tiên-sinh có chép ra bảy tám mươi bản kịch, song có 7 bản kiệt-xuất hơn, thời đều có dịch ra chữ Pháp cả:

1° Ai-cầu-đảng (*Les suppliantes*)
2° Thất-tướng (*Les sept chefs devant [Thèbes*).
3° Ba-tư liệt quốc (*Les Perses*).
4° Hỏa-thần (*Prométhée*).
5° Ai-ngã-mân vương (*Agamemnon*)
6° Cổ-phô-nhĩ (*Choéphores*).
7° Tam-hung-thần (*Les Euménides*).

Người ta thường ví ông Cổ-nại-nhĩ (Corneille) là nhà soạn bi-kịch nước Pháp với tiên-sinh, mà lại nói rằng: Lối kịch văn của tiên-sinh tả cảnh bi-tráng, mãnh-liệt thời cho đến ông Sách-sĩ-tử-a (Shakespeare) là một tay thần-văn nước Anh-cát-lợi cũng không bằng vậy.

Tiên-sinh mất trong năm 456 trước kỷ-nguyên.

Tô tiên-sinh (Sophocle) sinh ra năm 495 ở đất Cổ-luân-na (Colone) cũng cùng với Ai tiên-sinh đồng thời rong ruổi ở trên đàn văn làm một tay cự-phách, làm cho nghề bi-kịch Hi-lạp được tiến bộ vô cùng. Ai tiên-sinh thì thường tả cái vận mệnh áp chế người ta, Tô tiên-sinh thì lấy lòng người làm chủ-động, nên nhời văn gần với nhân-tình thế-cố, dễ cảm người ta, hơn là cái văn của Ai tiên-sinh siêu-việt phàm-tục quá. Tiên-sinh chép ra cực nhiều, song có bảy bản kịch kiệt-tác thời còn mà thôi.

1° A-giác hùng-danh (*Ajax*).
2° Anh-hùng mạt lộ (*Les Trachiniennes*)
3° Phi-lộc-tiết hiền (*Philotète*).
4° Ai-địch-phổ vương (*Œdipe roi*)
5° Ai-địch-phổ tại Cô-luân-na (*Œdipe [à Colone*).
6° An-ti-ngõa (*Antigone*).
7° Ai-lạt-tư (*Electre*).

Tiên-sinh tô-điểm những người cao hơn phàm-tục, song vẫn là người, chứ không phải là thần tiên mà khác tục. Văn-chương thanh nhã, êm ái. Ông La-sinh (Racine) là một nhà văn-hào hữu-danh nước Pháp cũng mến phục cái tài của Tô tiên-sinh (Sophocle) trong nghề diễn-kịch và cũng tổ-thuật cái lối của tiên-sinh vậy.

Vưu tiên-sinh (Euripide) sinh ra năm 498 hay 495 trước kỷ-nguyên, cũng là một nhà soạn bi-kịch. Cứ như nhời ông Á-lý-sĩ-đa-đức (Aristote) là nhà đệ nhất triết-học ở Hi-lạp sinh sau tiên-sinh, cho là tiên-sinh soạn bi-kịch hay hơn giỏi hơn cả. Song theo ý nhiều người thời tiên-sinh còn kém Ai tiên-sinh và Tô tiên-sinh xa lắm.

Tiên-sinh soạn ra ngoại 7 chục bản kịch mà nay còn lại chỉ có vài chục bản mà thôi. Văn-chương tiên-sinh chỉ vụ thông tục, chứ không cầu cao-kỳ, mĩ-diệu. Ý chứng chỉ cốt dùng nhời nói quê mùa, cục kịch để ai nấy đều hiểu thấu đáo được, cho nên người Nhã-điển (Athènes) thích xem sách của tiên-sinh lắm.

Dẽ thường bởi Tô tiên-sinh (Sophocle) làm văn đoan-chính mà chỉ tả về tôn-giáo phần nhiều cho nên người Nhã-điển không thích lắm. Còn Ai tiên-sinh (Eschyle) thì cao đạo quá khiến cho người tầm thường khó hiểu được.

Đến như Vưu tiên-sinh chỉ cốt phát-biểu cái tình chi con người Nhã-điển ; chuyên ý mô tả những cảm-tình nhân-thế, pha giọng luận-thuyết có triết-học cực nhiều.

Thật là tiên-sinh vẽ được tấm lòng ham mê dồ dại của người đời.

Những kịch-bản hay nhất của tiên-sinh là :

1° Y-phi-diên tại Âu-lí-ti (*Iphigénie à Aulis*)
2° Y-phi-diên tại Đô-li-đa (*Iphigénie en Tauride*)
3° Hi-bố-li-tư (*Hippolyte*)
4° An-sắc-tử (*Alceste*)
5° Ô-liệt-sĩ-ti (*Oreste*) v...v.

Người ta quyết hẳn rằng : Vưu tiên-sinh soạn kịch dẫu cùng với ông Phúc-lộc-đặc-nhĩ (Voltaire) là văn hào đại-gia nước Pháp khác thời, song có một cái giống nhau như hệt. Nước Đại-Pháp sau lại có Lã-sinh (Racine) tiên-sinh hay bắt chước lối của tiên-sinh mà làm kịch, thế thời tiên-sinh cũng là một tay kiệt trong nghề bi-kịch, thực nhời thầy Á-li-sĩ-đa-đức khen tiên-sinh cũng không phải là quá dự vậy.

Tiên-sinh mất trong năm 402 hay 406 mà thanh danh đã lừng lẫy khắp các nước ở thời bấy giờ.

Hỉ-khúc. — Trải qua thời đại các văn hào soạn bi-khúc kế đến những bậc soạn hỉ-khúc xuất hiện làm cho văn-đàn lại thêm một vẻ mới nữa. Hỉ-khúc tức là hài-kịch, thời bấy giờ những nhà soạn hài-kịch có Á-lợi-tô-phan (Aristophane) nổi danh nhất.

Á tiên-tiên sinh năm 440 trước kỷ-nguyên. Tiên-sinh chỉ làm văn bao biếm, chuyên ý miêu-tả cái trạng-thái của xã-hội Hi-lạp bấy giờ. Bài bác cái áp-chế quyền của chính-phủ, công kích những nỗi mua chuộc của các nhà biện sĩ, chê bai những cách cao-kỳ của các nhà triết-học, khinh bỉ những sự hèn yếu của các nhà quan tướng, thống mạ những thói dồ độc của phường nói nhiều làm ít.

Trong văn-chương của tiên-sinh thời có một cái vẻ rực rỡ mà đến câu nói độc đời, nhời châm chọc thế, giọng thô tục cũng cực nhiều.

Tiên-sinh làm ra ngoại 50 bản hài-kịch, còn lưu-truyền những bản chước-danh như sau :

1° Vân-khúc (*Les Nuées*)
2° Oa-khúc (*Les Grenouilles*
3° Vũ-sĩ-khúc (*Les Chevaliers*)
4° Phong-khúc (*Les Guêpes*)
5° Điểu-khúc (*Les Oiseaux*)
6° Phụ-nữ hội-đồng khúc (*L'Assemblée des femmes*)
7° Nông nữ-thần yến-hội khúc (*Les fêtes de Cérès.*)
8° Bình-an khúc (*La paix*).
9° Lý-sĩ tra-tư khúc (*Lysistrata*), v.v.

Vân-khúc là tả đám mây nổi, khi tan, khi họp, khi ẩn, khi hiện bất thường, để chế cái đám triết học quỉ-biện (*les sophistes*) chỉ bàn ngông tán nhảm.

Điểu-khúc là tả các loài chim bay liệng để ví rằng miếng đỉnh chung là miếng chua cay, người đời nên cậy ở tài, ở đức, chớ nên cậy ở cái công danh, quyền thế vậy. Ngụ ý để chê

tướng An-sĩ-bạt-đa (Alcibiade) đi đánh nước Tây-tây-lý (Sicile) vô công.

Phong-khúc thì lấy cái chốn pháp-thự Nhã-Điển làm uyên tầu những phường hiếu sự cho nên tả đàn ong hớn hở bay liệng, ra vào để chê những kẻ đương đạo bất tài.

Bởi thế cho nên các nhà văn hậu thế hay dùng cái tên Á-lợi-tô-phan mà chỉ các nhà làm văn bảng bổ thói đời. Mà cũng dùng cái tên ấy mà đặt cho « kẻ giết người bằng nhời nói », bởi vì tiên-sinh đã dùng văn mà dự vào một phần về cái án chẩm sát ông Thoa-lạp-cách-đề (Socrate) là nhà tổ triết-học nước Hi-lạp.

Tiên-sinh mất năm nào trong sử không chép.

Sau đến ông Môn-đặc-nhĩ (Mendre) cũng là một tay làm hỉ-khúc có giá-trị.

Tiên-sinh là học trò ông Thê-âu-phát-tư (Théophraste), đẻ ra năm 342 trước Thiên-chúa ; có chép ra hơn trăm bản kịch, song lưu lạc đi không còn mấy tí. Tiên-sinh thực là một tay lĩnh-tụ nghề tân hi-khúc, các lối soạn của tiên-sinh sau chuyền sang La-mã (Rome) vậy.

Tiên-sinh mất năm 290 hay năm 292 trước kỷ-nguyên mỗi bản chép một khác, song cái đó cũng không quan trọng cho lắm.

* * *

Lúc xưa còn làm thơ để ngâm, mà ngâm thời không biết ngâm cái gì cho đích đáng, nên mang những bậc ta vẫn kính phục như thần giới, thánh bề, tiên đẹp, vua hiền, cùng anh-hùng, hảo-kiệt cổ kim mà ca tụng. Nhưng ngâm không mãi rồi cũng hóa chán, mới lại phả vào khúc cầm mà tay đàn miệng vịnh cho thêm thứ dào dưỡng tình tình. Rồi mà lại muốn đóng ra trò cho mắt thấy tai nghe thời mới thỏa. Vì nhẽ đó, cho nên tự-sự đổi sang tự-tình, tự-tình lại đổi sang hi-khúc, mà các nhà văn bút mới thi nhau cái tài bôi-nhọ vẽ-hề. Trước kia, chừng nghĩ đời người ngắn ngủi như giấc hoàng-lương, như cơn hồ-điệp, đem thân vào chốn trần-hoàn những cười vay, khóc mướn, thương hão, nhớ hoài, mà chẳng biết thế nào là phải đạo. Chân-lý còn xa, nên thấy thế-sự mà bi, nhân tình mà chán ! Cho nên các nhà thảm-kịch mới hòa-giọt lệ với câu văn đem ra sân-khấu gợi tấm bi-hoài cho nhân-thế bớt điên-đảo vọng-tưởng mà cùng nhau kiếm cách sống cho êm ái ở cái ngày cay tháng đắng chung này, chờ đến khi tới chốn cửu tiêu mới thực quê nhà. Người nọ qua đi, người kia kế đến, lại càng nghĩ càng đành chịu với cơ giời máy tạo biết làm sao ? Thôi thời mình đã đầy vào trần-gian can chi mà chả mua cười, tội gì sùi sụt như người đời xưa ? Cho nên thể bi-kịch lại đổi sang hài-kịch, mà các nhà văn chỉ khiến người quên não quét sầu. Nhưng nhe răng, hé miệng ở nhời nói, cũng là để cho thế-nhân biết sự đáng chê cười là thế thế, mà cố làm sao cho khỏi bị chê cười. Đến người sau nữa, thấy xã-hội càng ngày càng tệ, mà coi lại trước ta thời cũng đã trải tay khuyên nhủ, kiếm cách này, bày cách khác mà dân-đoàn vẫn còn tai mù mắt điếc mãi như bao. Bấy giờ mới nghĩ ra cách đặt câu hát để cho chị thợ cấy, anh chăn bò, cô hái dâu, chàng cày ruộng đều được tiêm nhiễm điều hay nhẽ phải, họa chăng có phả cập đến dân gian cái mối cao-thượng hữu-tình chăng ? Bởi vậy sau hồi hi-khúc lại diễn ra một hồi mục-vịnh tiểu-ca (*Période bucolique ou pastorale*), mà cái tên Thê-âu-kỷ-tú (Théocrite) mới được truyền dài sử-xanh. Đáng nhẽ cũng nên kể kỹ cái thời kỳ ấy, song xem ra chẳng có thú gì, nên dịch giả bỏ qua để bàn đến thời-kỳ tân-văn vậy.

Nguyễn-mạnh-Bổng.

(*Còn nữa*)

TRIẾT-HỌC BÌNH-LUẬN

PHƯƠNG-PHÁP-LUẬN

Sách triết-lý của Pháp-nho Descartes nhất-danh là « Sách dạy dùng trí-tuệ cho phải đường cùng tìm chân-lý trong các khoa-học » (1)

PHẠM QUỲNH *dịch nôm*

CHƯƠNG THỨ III

TÓM LƯỢC ĐẠI-Ý. — *Trước khi đem ứng-dụng cái phương-pháp của ông, ông muốn định cách cư-xử ở đời thế nào. — Ông bèn đặt ra một cái luân-lý riêng có ba điều như sau này. — 1° Đối với xã-hội thì phần nhiều người ăn ở thế nào mình nên theo mà ăn ở như thế : đừng trái luật lệ nước nhà, vâng theo tôn-giáo tổ-tiên. — Dù vậy, cũng phải tùy nghi châm chước, không nên quá theo người mà bỏ mất cái tự-do của mình. — 2° Đối với mình thì đã quyết định làm sự gì phải nhất-tâm mà làm cho được, không nên do-dự. — Thí dụ như người đi rừng lạc đường, không đi rẫn lên thì không bao giờ ra khỏi rừng được. — 3° Đối với sự họa-phúc, cái may-rủi, cuộc thăng-trầm ở đời, thì mình nên trị trong lòng trước, mà cố giữ lấy cái thái-độ bình-tĩnh trang-nghiêm. — Làm thế nào mà trị được trong lòng ? Cái « chí muốn » (volonté) là do cái « trí biết » (entendement) mà ra. Trong bụng mình có « biết » sự gì là có thể mong được thì mình mới « muốn » sự ấy, nhưng có khi « biết » nhầm, « biết » nhầm là do « xét » nhầm. Như thế thì trước nhất phải chữa lấy cái trí « phán-đoán » (jugement) của mình đã. Mình « xét » phải đường thì mình « muốn » cũng phải đường, « muốn » phải đường tất « muốn » sao được vậy, « muốn » sao được vậy tất được mãn-ý mà không phải khổ-sở. — Ấy là cái cách cư-xử ở đời như thế, những muốn cho đời mình được hoàn-toàn thì phải đặt cho nó cái mục-đích cao-thượng. Mục-đích ấy là dùng đời người để học cho tới chân-lý. — Muốn học cho tới chân-lý không thể học bằng sách được, phải du-lịch cho rộng kiến-văn. — Bởi vậy ông lại bắt đầu đi du-lịch trong chín năm nữa, đến khi giở về tìm nơi tĩnh-mịch mà tổ-chức cái tư-tưởng mình thành một nền triết-học mới.*

Vả sau nữa, như muốn sây lại cái nhà mình ở, trước phải phá nó đi, phải trử sẵn tài liệu, phải thuê người đặt kiểu nhà, hoặc tự mình đặt lấy, rồi lại phải vẽ nó ra cho cẩn-thận ; nhưng bấy nhiêu thứ cũng chưa đủ, còn phải kiếm lấy một cái nhà khác có thể ở được tiện-lợi trong khi chữa cái kia. Bởi thế nên tuy về đường tư-tưởng tôi còn phải do-dự không dám quyết-đoán sự gì, tôi muốn cho về đường thực-sự không đến nỗi phải do-dự như thế, mà được sống ở đời cũng sung-sướng như ai, tôi bèn đặt sẵn lấy một cái luân-lý riêng, chỉ gồm lại có ba bốn điều như sau này, xin kể ra để các ông biết.

Điều thứ nhất là phải tuân theo pháp-luật lề thói trong nước tôi, nhất-tâm giữ lấy cái đạo mà Giời đã cho tôi

---

(1) Xem *Nam-Phong*, số 4, trang 231-237.

được học từ thủa nhỏ, và phàm xử-trí việc gì cũng theo lấy cái ý-kiến trung-bình, chớ nên thái-quá bao giờ, xét trong những người mình phải ăn ở cùng, xem người nào là phải chẳng hơn thì mình theo ; vì rằng bấy giờ tôi đã bắt đầu không coi cái ý-kiến riêng của tôi vào đâu rồi mà muốn đem ra sát-hạch lại cả, như thế thì tưởng không gì bằng cứ lấy cái ý-kiến của người nào là người phải chẳng hơn mà theo. Mà những người khôn-ngoan phải chẳng thì dẫu ở nước Ba-tư hay nước Chi-na cũng chẳng kém gì nước ta, song tôi thiết-nghĩ rằng muốn cho ích-lợi hơn thì phải theo những người nào là người mình phải ăn ở cùng hơn là người khác, mà muốn biết cái ý-kiến thực của những người ấy thì nên xét việc họ làm hơn là nhời họ nói; vì rằng ở thời phong-hóa suy-đồi này không những là ít người muốn nói rõ cho người biết cái ý mình nghĩ thế nào, mà lại cũng không mấy người biết chính trong bụng mình nghĩ thế nào nữa, là bởi cái bụng tin một sự gì với cái trí biết rằng mình tin sự ấy, hai cái thực là khác nhau, thường có cái nọ mà không có cái kia vậy. Lại trong nhiều cái ý-kiến nên theo thì tôi chỉ chọn lấy cái trung-bình mà thôi, bởi thường là cái dễ theo hơn cả, có nhẽ là cái hay hơn cả nữa, vì phàm ý-kiến quá đáng vẫn là không tốt bao giờ ; không những thế, lại còn bởi là tôi có ý giữ gìn cho phòng khi nhầm nhỡ khỏi đến nỗi sai lạc quá, vì đứng nước giữa còn hơn là đứng về đầu này mà thành ra đầu kia mới phải ; nhất là những khi theo người mà đến nỗi mất cái tự-do của mình thì tôi cho là sự thái-quá cả : không phải là tôi không ưng những pháp-luật muốn chữa lại cái tính bất-chắc của những kẻ nhu-nhược, khiến cho khi nào có cái mưu gì tốt, hoặc là chỉ có cái mưu tầm-thường thôi, nhưng muốn cho sự giao dịch được chắc-bằng, thì phải nguyện ước, hoặc làm khế-văn, bắt phải nhất-tâm mà theo như thế. Nhưng thực là bởi tôi trông thấy ở đời không có một sự gì là không thay đổi, mà về phần riêng tôi thì tôi tự ước muốn sửa sang lại cái trí phán-đoán của tôi cho mỗi ngày một hay hơn lên, chớ không phải là mỗi ngày một hư đi, nên tôi thiết-tưởng rằng nếu phàm cái gì trước tôi đã cho làm phải, đến sau hoặc nó không được, như thế nữa, hoặc tôi không tin như thế nữa, mà tôi vẫn cứ phải cho là phải mãi, thì tôi tự lấy thế làm phạm lỗi to với cái nhẽ phải vậy.

Điều thứ hai là phàm làm việc gì tôi cũng cố cho rất kiên-nhẫn quả-quyết, dù là cái ý-kiến rất hồ-nghi nữa, đã định theo cũng phải nhất-tâm mà theo như là cái ý-kiến đã chắc bằng vậy, khác nào như người khách lữ-hành kia, đương khi lạc ở giữa rừng, không nên đi quanh quẩn, đi ngược rồi lại đi suôi, cũng không nên đứng quanh-co một chỗ, phải cứ đi thẳng lên về một phía nào đó mà đứng có vì cái cớ nhỏ gì đổi sang phía khác, dù cái phía mình đi ấy là tình-cờ mà đi nữa cũng mặc lòng ; vì cứ như thế nếu không đi được đến cái nơi mình định đi, cũng là đến được một chỗ nào, chắc còn hơn là ở giữa rừng. Việc đời cũng vậy, nhiều khi không thể trì-hoãn được ; ta đã không có cái tài biện-biệt được cái ý-kiến nào là chân-chính, thì cái nào xem ra có nhẽ phải hơn ta nên theo, hoặc trong bấy nhiêu cái không có cái nào là có nhẽ phải hơn cái nào, ta cũng phải quyết theo một cái nào đó, mà từ đấy coi cái ấy là về đường thực-hành không còn hồ-nghi gì nữa, cho là chắc bằng chân-thực, vì cái nhẽ nó khiến ta theo ấy cũng là chân-thực vậy. Nhờ đó mà trong lòng tôi khỏi những sự ăn-năn hối-hận là cái vạ thường của những kẻ nhù-nhờ nhu-nhược, tính-khí bất-chắc, đã lấy

việc gì là phải mà làm, đến sau lại cho là không phải.

Điều thứ ba là phải cố tự thắng-đoạt lấy mình, hơn là mong thắng-đoạt cái vận-mệnh, tự thay đổi cái lòng dục-vọng của mình hơn là mong thay đổi cái trật-tự của thế-giới ; cùng đại-để phải tự tin trong bụng rằng không có cái gì nó thuộc hẳn về quyền ta bằng cái tư-tưởng của ta, như thế thì đối với những sự-vật ở ngoài nếu ta đã hết sức mà không được là những sự quyết-nhiên không được, ta không nên mong mỏi làm gì. Cứ như thế cũng đủ khiến cho tôi về sau chỉ mong-mỏi những sự gì là có thể được mà thôi, mà biết an-phận, vì rằng cái chí muốn của ta thường chỉ mong những sự mà cái trí biết ta nó vẽ ra cho là có thể được, như thế thì nếu ta biết quan-niệm những sự ở ngoài ta là không thuộc về quyền ta, thì sự gì ta tưởng là cái địa-vị ta được, không vì lỗi ta mà thành ra ta không được, ta cũng không lấy làm tiếc giận gì, cũng như là ta không lấy làm tiếc giận rằng ta không được làm vua nước Chi-na hay nước Mạc-tây-kha ; như thế thì như tục-ngữ nói : « Chẳng được tha làm phúc », đương khi ốm ta không mong khỏe sao được, đương khi ở ngục ta không mong tự-do sao được, cũng như là ta không thể ước cho cái thân-thể ta cũng thành một chất bất-hủ như ngọc kim-cương, cũng mọc cánh mà bay trên không, như con chim vậy. Nhưng tôi cũng phải thú thật rằng cần phải tập-luyện nhiều, cần phải ngẫm-nghĩ nhiều lần, mới có thể quen mà xét sự-vật theo phương-diện ấy, mà tôi thiết tưởng rằng cái bí-thuật của các nhà hiền-triết đời xưa, tựa hồ như đã biết thoát khỏi ra ngoài cái quyền vận-mệnh, giữa lúc đau khổ bần hàn vẫn tự coi mình được khoái-lạc hơn bực thần-tiên, cũng là bởi đó vậy ; vì các nhà ấy bao giờ cũng chăm-chăm nghĩ đến cái giới-hạn của Tạo-vật đã khu-định cho mình, trong bụng đã chắc hẳn rằng ngoài cái tư-tưởng mình không có gì thuộc về quyền mình cả, như thế cũng đủ khiến cho không bận lòng yêu chuộng sự gì cả ; mà cái tư-tưởng mình thì mình được quyền hoàn-toàn mà xử khiến, như thế thì tự coi mình là giầu hơn, mạnh hơn, tự-do hơn, sung-sướng hơn các người khác, chẳng phải là có nhẽ lắm dư ? Những người kia dù giầu sang tài giỏi đến đâu mà không có cái triết-học ấy, cũng là không bao giờ được mãn-nguyện vậy.

Sau hết, tôi muốn tìm một cái kết-luận cho cái luân-lý của tôi, tôi bèn sát-hạch cả các công-việc thường của người đời, để cố chọn lấy việc nào là hay hơn mà theo. Tuy tôi không có ý bình-phẩm gì những công-việc của người khác, tôi thiết-tưởng về phần tôi thì không gì bằng cứ theo cái việc tôi đương làm này, nghĩa là dùng cả cái đời tôi để mà luyện-tập lấy cái nhẽ phải của tôi, hết sức mà tiến lên cho đến gần được cái Chân-lý, cứ tuân theo cái phương-pháp tôi đã định vậy. Từ khi tôi bắt đầu dùng cái phương-pháp ấy, tôi đã được hưởng lắm sự chân-lạc lạ thường, thiết-tưởng nhân-sinh không còn cái sướng gì êm ái bằng mà vô-hại bằng. Nhờ cái phương-pháp ấy, mỗi ngày tôi tìm được một vài điều chân-lý, tôi lấy làm quan-trọng mà người thường không mấy người biết, nên trong lòng trong trí tôi rất là khoan khoái, không thiết gì đến các sự khác nữa. Không kể rằng ba điều trên kia tôi đặt ra cũng là chỉ chủ một cái ý muốn học biết thêm, vì Giời đã cho ta chút sáng-láng để phân-biệt điều phải điều trái, thì tôi tưởng rằng tôi không nên cứ an-nhiên mà theo cái ý-kiến của người ngoài, phải nên dụng tâm mà sát-hạch xem nó thực-hư thế nào ; dù tôi có theo những ý-kiến ấy nữa, tôi cũng mong rằng không vì đấy mà mất

cái dịp tìm được những ý-kiến hay hơn, có thể thì trong lòng tôi mới khỏi hối hận ; sau nữa, nếu tôi có biết theo một con đường nó đủ khiến cho trong bụng tôi vừa mong rộng thêm được tri thức, mà lại vừa mong được hưởng những sự hạnh-phúc ở đời, thì tôi mới có thể cầm giữ được cái lòng tham-dục của tôi mà mong được bằng lòng thỏa dạ ; vì rằng cái chí muốn của người ta, hoặc muốn hoặc không muốn sự gì, cũng là tùy theo cái trí biết nó vẽ ra sự ấy là hay, hay là dở, như thế cứ xét đoán phải đường là đủ làm được hay, càng xét đoán phải bao nhiêu thời càng làm được hay bấy nhiêu, nghĩa là được đủ điều đức hạnh, đủ sự hạnh phúc ở đời ; đến khi trong bụng đã chắc hẳn như thế rồi, thì có gì mà chẳng được bằng lòng, mãn ý ?

Tôi đã cân nhắc mấy điều ấy như thế rồi, cùng đem để riêng ra với những điều giáo-lý trong đạo ta là những điều tôi vẫn tin trọng đệ nhất, tôi bèn nghĩ rằng còn đại-phàm các ý-kiến khác của tôi, tôi có thể tự-do mà bãi-bỏ đi được cả ; muốn khởi-hành việc ấy cho dễ thì tôi lại tưởng nên giao-thiệp với người đời, hơn là cứ ngồi mãi ở trong cái buồng đốt lò sưởi, là nơi tôi đã bắt đầu khởi ra những cái tư-tưởng này ; bởi vậy mùa đông chưa hết, tôi lại khởi-hành đi du-lịch. Từ đấy cho đến suốt chín năm về sau, tôi cứ luân-chuyển hết nơi này đến nơi khác, cố ý giữ cái địa-vị khách-quan mà không muốn ra đóng một vai trong bài tuồng của người đời ; cốt nhất là phàm sự gì tôi cũng cố suy nghĩ để xét xem có bề nào là không đủ tin mà đáng nghi-ngờ, như thế thì tôi có thể tiệt được hết những sự sai nhầm nó đã lọt vào trong trí tôi từ trước vậy. Không phải là tôi muốn bắt chước cái phái hoài-nghi kia, họ lấy sự nghi-ngờ làm chủ nghĩa, làm ra mặt bao giờ cũng do-dự bất-quyết ; cái chí tôi quả không phải như thế, tôi chỉ mong tìm được nơi chắc bằng mà nương tựa vào, bỏ chỗ sa-lầy mà vào nơi đất dắn. Mà tôi tưởng tôi mong như thế tôi cũng làm được như thế, vì phàm những ý-kiến tôi sát-hạch lại tôi cố tìm xem vì đâu mà sai nhầm, không phải là ước-lượng mà xét, thực là đã suy-lý rõ-ràng cẩn-thận, như thế thì không có cái ý-kiến nào hồ-nghi đến đâu mà tôi không suy ra được một câu kết-luận chắc bằng, dù câu kết-luận là cái ý-kiến ấy không có gì đáng tin nữa cũng mặc lòng vậy. Vả khác nào như khi phá một cái nhà cũ, thường vẫn giữ lấy vôi gạch phá ra để dùng vào nhà mới ; vậy tôi cũng làm như thế, phàm những ý-kiến xét không được chắc bằng mà tôi đem phá hoại đi thì nhân đó tôi nghiệm được nhiều điều ích-lợi có thể dùng mà sáng-lập ra những ý-kiến khác chính-đáng hơn ; vả lại tôi vẫn cứ theo một cái phương-pháp tôi đã đặt ra ấy : không những là tôi vẫn chăm dùng những phép-tắc của cái phương pháp ấy để xử khiến cái tư-tưởng của tôi, mà thỉnh-thoảng tôi lại để dành một vài giờ, để đem cái phương pháp ấy mà thi hành cho những vấn-đề khó giải về số-học, cùng cả mấy cái vấn-đề khác nữa, tôi trích ở các môn học khác ra mà đem xét theo như số-học ; tôi có giải một vài cái ở trong sách này. Như thế thì tuy cái cách tôi sống ở đời xem bề ngoài cũng không khác gì những người an-nhàn vô-sự kia, ngồi không mà phân biệt cái sướng với cái khổ, muốn cho đỡ buồn thì dùng những cách tiêu khiển chân-chính, song tôi vẫn không hề quên cái mục-đích riêng của tôi là gắng sức cho đạt tới chân-lý, mà tôi thiết-tưởng tôi làm như thế có phần lại ích-lợi hơn là chỉ biết đọc sách hay là giao-du với những người văn-sĩ mà thôi vậy.

Dù vậy hết chín năm giời ấy, tôi cũng còn chưa quyết-định điều gì về những cái vấn-đề của các nhà bác-sĩ

thường tranh-biện nhau, mà tôi cũng chưa bắt đầu dựng cơ-sở cho một nền triết-học mới chắc-bằng hơn là cái triết-học thường; lại trông thấy cái gương của nhiều người tài-giỏi trước tôi đã mưu việc ấy mà xem ra không thành, tôi tưởng rằng tất nó có nhiều sự khó-khăn lắm, nên giả-sử không có người phao truyền lên rằng tôi đã giải-quyết được cả những cái vấn-đề ấy rồi thì dễ thường tôi cũng chưa dám khởi-hành việc ấy vội. Tôi không biết rằng những người đồn như thế là bằng-cứ ở đâu, nếu có phải vì nhời nghị-luận của tôi mà họ khởi ra cái ý-kiến ấy thì thực là trong khi nghị-luận tôi thường chỉ lấy lòng thực-thà mà thú-thật những điều tôi không biết chớ không dám ra mặt nhà học-giả, cũng là kể cái nhẽ sở-dĩ làm sao mà tôi nghi-ngờ những sự mà các người khác cho là chắc bằng cả, chớ tôi không có hề phô-phang rằng tôi có một cái học-thuyết nào riêng vậy. Nhưng tôi không phải là người có cái bụng sẵng, mình chưa được thế mà muốn cho người ta tưởng mình như thế, nên tôi tự nghĩ phải hết sức mà làm cho xứng-đáng cái danh-tiếng của người ta cho tôi vậy; cũng bởi cái lòng sở muốn như thế mà đến nay vừa đúng tám năm giời tôi quyết-định tránh xa những nơi có bè-bạn giao-du mà đến ngụ-cư ở xứ này (đất Hà-lan), là nơi chiến-tranh đã lâu thành ra có nền nếp chật-tự, quân lính tựa-hồ như chỉ nuôi để dùng mà giữ cho người dân được vững lòng mà hưởng sự hòa-bình, mà dân thì thực là một dân to nhớn, cần mẫn siêng năng, chỉ chăm chút việc mình, không thóc-mách đến việc người ngoài, như thế thì mình vừa được hưởng sự tiện-lợi những nơi đô-thị phiền-hoa, lại vừa được hưởng cái thú vắng-vẻ những chốn lâm-tuyền khoáng-dã.

(Chương thứ tư đến kỳ sau).

NHỜI BÀN CỦA NGƯỜI DỊCH. — Chương này là chương hay nhất trong sách *Phương-pháp-luận*. Ông DESCARTES kể cái phép xử-thế của ông thế nào. Đọc chương trên thì tưởng như ông thuần giữ hai cái chủ-nghĩa « hoài-nghi » và « phá-hoại », muốn nhất-thiết đạp-đổ cả, không biết tin trọng cái gì. Bản-tâm ông quả không phải như thế. Ông phá-đổ là chủ để dựng thành, không phải là để ngồi ngắm cái cảnh đổ-địa làm một sự khoái-lạc riêng. Nên sau khi xướng suất sự phá-hoại, trước khi khởi-hành sự kiến-thiết, ông hẳng đặt một cái luân-lý tạm-thời, tóm lại có mấy điều rất giản-dị, rất phải-chẳng mà rất khôn-ngoan. Ông tự nghĩ rằng người ta đối với cái linh-tính mình thì phải cầu cho thực hoàn-toàn, nhưng muốn cho hoàn-toàn không thể một mai mà đến ngay được. Nếu đợi cho đến ngày cái công tư-tưởng học-vấn đã thành-tựu mới định cái phép xử-thế cho đích-đáng, thì e rằng hết đời cũng chưa kịp vậy. Mà trong khi mình tư-tưởng học-vấn ấy thì mình không thể ra ngoài xã-hội, ra ngoài nhân-loại được. Hằng ngày phải giao-tiếp với người đồng-loại mình. Làm thế nào cho sự giao-tiếp ấy được thích-đáng, ích-lợi cho mình, mà ích-lợi cho người? Thứ nhất là phải cứ theo cái lề-lối trong xã-hội mình, không nên cưỡng điều gì, phần nhiều người làm thế nào mình cũng làm như thế, miễn là biết tùy nghi châm-chước mà đừng nên thái quá bao giờ. Thứ nhì là đã định làm điều gì phải nhất-tâm mà làm cho kỳ được: hoài-nghi trong tư-tưởng thì được, nhưng do-dự ở thực sự thì hại, không những là hại đến sự-nghiệp, mà lại sinh ra ăn-năn áy-náy trong lòng. Thứ ba là sự gì cũng nên cầu ở trong lòng mình, không nên mong ở ngoài, vì chỉ có cái tư-tưởng mình là mình có thể xử-khiến được, vì biết khiến cái

tư-tưởng mình cho phải đường thì cái lòng dục-vọng mình cũng nhân đó mà tiết-độ, lòng dục-vọng đã tiết-độ thì không có mong-mỏi những sự quá đáng, không bao giờ phải khổ vì sự thất-vọng. — Cái phép xử-thế ấy chẳng phải là khôn ngoan lắm dư ?

Trong khi mình đối-đãi với người đời một cách thuần-cẩn như thế, thì trong óc mình cứ việc mà tư-tưởng, lấy công việc mình làm cái đầu bài mà suy-nghĩ, coi cuộc đời như một bài tuồng mà đứng xem. Như thế chẳng phải là cái chân-khoái-lạc của nhà hiền-triết dư ?

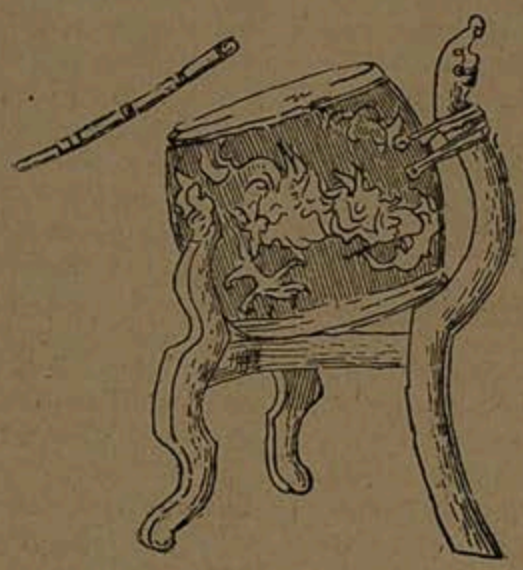

KHOA-HỌC BÌNH-LUẬN

MỘT NHÀ KHOA-HỌC ĐẠI-DANH CỦA NƯỚC PHÁP: BERTHELOT Tiên-sinh

Khoa-học mỗi ngày một tiến-bộ, từ một trăm năm giở lại đây đã biến-cải hẳn mặt địa-cầu. Ta đứng xa mà trông những cảnh-tượng kỳ-kỳ quái-quái, hằng ngày xuất-hiện ra trước mắt ta, vừa kinh-hãi, vừa cảm-phục, không ngờ cái khối óc mềm của người ta mà làm được những sự kinh-thiên động-địa như thế. Tuy ngày nay ta không tin thần-thánh như xưa, không cho các công-cuộc kỳ-diệu ấy là bởi tay những bực « siêu-nhân-loại » làm ra, nhưng ta lại đặt ra một vị thần mới, vô-hình vô-ảnh, mà ta gọi tên là Khoa-học. Nói đến hai chữ Khoa-học ấy tựa hồ như trong lòng kỉnh-trọng sợ-hãi vô cùng. Khoa-học là bậc toàn-tri toàn-năng, có sức chuyển-động biến-hóa cả thế-giới: Khoa-học tức là ông Giời vậy. Nhưng ta không hề tự hỏi cái ông Giời lối mới ấy là ai, ở đâu ra mà muốn tranh-đoạt với Giời già cả nơi thiên-thượng lẫn chốn nhân-gian? Nếu ta thử nghĩ thì tất biết rằng cái thần vô-ảnh vô-hình, toàn-năng toàn-tri ấy, chẳng qua là một nhời ngụ-ngôn, một cái danh-hiệu hư-không, mà gồm trong cái danh-hiệu chung ấy đều là những người như ta, chỉ hơn ta có cái thiên-tài vậy.

Bởi thế nên nghiên-cứu về khoa-học cần phải biết liệt-truyện những bậc đại-danh trong khoa-học. Tìm cái tia sáng tự nơi óc phát-sinh ra, còn gì hay bằng mà thú bằng! Những bậc đại-trí đem cái não-cân của mình ra mà quyết đối với cái sức vô-tri vô-giác của Tạo-vật, để mưu sự hạnh-phúc cho loài người, thì cái thân-thế người ta khác nào như tấm gương trong suốt, người đời soi vào đấy tất trông thấy cái hình-ảnh trang-nghiêm tôn-trọng của loài người vậy. Một đời dễ được mấy khi soi một tấm gương như thế? Một cuộc lịch-sử há được nhiều lần xuất-hiện ra những bậc nhân-vật như vậy? Nên nước nào có được một vài người đại-trí ấy là được cái vinh-dự vô cùng, hồn nước ấy được cùng với giời đất núi sông mà sống mãi-mãi trên đời vậy.

Nước Pháp có hai nhà khoa-học đại-danh, Ba-ti-đức-nhĩ (Pasteur) và Bối-nhĩ-đức-lô (Berthelot) hai tiên-sinh, thực đã gây cho tổ-quốc một cuộc vinh-dự vô-song.

Ba tiên-sinh thì khắp thế-giới không có một người đàn bà, một đứa trẻ con nào là không biết đến tên, vì tên ấy người đời tôn-trọng như tên một đứng cứu thế, ra tay mà tát cho vơi cái bể tật-bệnh đau-đớn của loài người. Bối tiên-sinh thì tuy cái thanh-danh không được phổ-cập bằng, nhưng sự-nghiệp to-tát biết bao nhiêu, mà thân-thế nhớn nhao biết chừng nào! Thực là một nhân-vật hoàn-toàn, đủ làm một tấm gương soi rất trong sạch, rất sáng suốt cho khắp mọi người vậy.

Sau này kể lịch-sử Bối tiên-sinh, chia ra làm bốn đoạn:

1° Đời người;
2° Sự-nghiệp;
3° Làm công-dân với quốc-gia;
4° Làm người riêng trong gia-đình.

I

Tiên-sinh họ Bối-nhĩ-đức-lô (Berthelot), tên Mã-ti-lăng (Marcelin), sinh tại thành Ba-lê ngày 25 tháng 10

năm 1827. Nơi tiên-sinh ra đời là ở đường Khắc-lôi-phu (Place de Grève), giữa thành Ba lê cổ về thời cách-mệnh, tức là nơi dựng nhà Thị-xảnh (Hôtel de Ville) ngày nay. Được ít lâu thì nhà tiên-sinh dọn sang cách gần đấy, ở phố gọi là « Phố các nhà làm sách » (Rue des Ecrivains), ngay đối-diện với cái tháp Thánh-Gia-khắc (Tour Saint-Jacques). Về sau tiên-sinh hồi-tưởng đến chỗ ở thủa nhỏ, năm 1903 có câu viết rằng : « Ngày nay đến chỗ ấy, tôi không còn thấy một cái hình-ảnh gì cũ để làm nơi căn-cứ cho cái ký-ức của tôi, vì hai cái nhà tôi ở khi xưa hiện không còn một viên đá nào nữa ; đến cái nền nhà cũng mất cả, từ năm-mươi năm nay san phẳng để làm phố Lí-vật-lí (Rivoli). »

Cụ ông thân-sinh ra tiên-sinh tên là Gia-khắc-Mã-đinh (Jacques-Martin), làm nghề thầy thuốc. Lôi-năng (Renan) tiên-sinh đã có mấy câu tả người cụ như thế này : « Cụ là một nhà làm thuốc gồm nhân-cách hoàn-toàn, chỉ có chốn đô-thành ta mới có những người như thế. Cụ rất sùng đạo, theo giáo Pháp-lan-tây (*Gallicanisme*) lối cũ. Lại là một người theo trước nhất về đảng cộng-hòa. Tôi thường lấy thế làm lạ. Cụ lại rất là giầu cái lòng bác-ái, cái tính vị-tha, thực là tận-tâm tận-lực với kẻ khác. » Nơi cụ ở là xóm những người dân nghèo, nên cụ chữa bệnh cho người ốm thường không lấy tiền. Bình-sinh nghèo, đến lúc chết cũng vẫn là nghèo. Tiên-sinh nhớn lên vào giữa đầu đời vua Lộ-dịch Phi-lí-bối (Louis-Philippe) ; đương lúc kinh-thành gặp biến loạn. Nhà cụ ông ở phải biến thành bệnh-viện, đem đến những người lính bị thương máu me đầy người, vừa lính vệ-binh nhà nước vừa quân cách-mệnh, cụ thăm nom chữa thuốc cho mọi người, coi ai cũng như ai, thực là xứng-đáng cái nghĩa-vụ cao-thượng của người thầy thuốc vậy. Cách ít lâu về sau lại gặp có bệnh dịch-tả, tiên-sinh bấy giờ đã nhớn, cụ ông đi thăm bệnh thường đi theo.

Như thế thì từ thủa đồng-ấu đến tuổi thành nhân, tiên-sinh đã được cảm những cái gương cao-thượng về lòng trung-cần nghĩa-vụ của cụ ông, lại được mục-kích những cái cảnh biến-loạn cải-cách trong xã-hội, thực như in sâu vào trong tâm-não, không bao giờ quên vậy.

Đến khi vào trung-học, thì cái trí thông-minh khác thường của tiên-sinh đã phát-hiện ra sớm lắm, thành những sự kết-quả rất tốt ; như năm 1846, họp thi, các trường trung-học cả toàn-quốc tiên-sinh được cái thưởng cao nhất cả, là cái thưởng danh-dự về khoa triết-học. Ấy cái cổ-học của tiên-sinh thâm như thế, nên về sau bao giờ tiên-cũng vẫn yêu-chuộng văn-chương cổ. Tiên-sinh đọc thông sách Bá-lập-đồ (Platon) [1] ngay ở nguyên-văn Hi-lạp ; lại khi về chơi nhà quê thường đem hai bản cũ sách Lư-khắc-lôi-ti (Lucrèce) [1] và sách Đạt-tây-đức (Tacite) [1] vẫn giữ được từ khi ở trường trung-học, những sách ấy tiên-sinh thuộc lòng từng đoạn dài.

Cái ký-lực của tiên-sinh rất mạnh, nên tiên-sinh thuộc lịch-sử vạn-quốc lắm. Mấy tuần-lễ trước khi tạ thế, tiên-sinh ra hội-đồng ở tòa Hàn-lâm, các quan đương bàn về cổ-sử nước Ba-tư (Perse), có mấy việc nhỏ không ai nhớ ; tiên-sinh bèn đọc ngay ngày tháng hai việc thuộc về đời vua Cổ-ti-loa-ti (Chosroès), cả hội-đồng đều lấy làm kinh-phục.

Tiên-sinh tốt-nghiệp trung-học rồi, còn phân-vân chưa biết chọn nghề gì. Ví chuyên nghề sử-học, nghề khảo-cổ,

(1) Bá-lập-đồ là nhà triết-học Hi-lạp ; Lư-khắc-lôi-ti là nhà làm thơ, Đạt-tây-đức là nhà làm sử, hai nhà cũng là người nước La-mã. Người Âu-châu coi sách của các nhà ấy cũng như ta coi bộ *Cổ-văn*, bộ *Đường-thi* của Tầu vậy.

nghề triết-học, cũng đều có tư-cách cả, mà có thể nổi danh tiếng ngay được. Nhưng tiên-sinh nhớ nghiệp nhà — cụ thân-sinh vốn học thuốc — nên quyết theo nghề khoa-học. Tiên-sinh chuyên trị khoa-học mà không phải qua một trường cao-đẳng nào, như trường Sư-phạm (*Ecole Normale*), trường Bách-công (*Ecole Polytechnique*), là những trường bọn thiếu-niên chuộng nhất; là vì cái trí của tiên-sinh khác thường, không thể theo được qui-củ thường. Tiên-sinh không chịu theo ông thầy nào, nên lân vẫn phải chịu hàn-vi.

Giữa lúc bấy giờ thì kết bạn với Lôi-nãng (Renan) tiên-sinh, vừa ở nhà giáo-viện Thánh-tôn-bỉ-tư (Saint-Sulpice) ra, ở trọ một nhà ở phố Thánh-Gia-khắc (Saint-Jacques), dạy học thuê. Hai người chơi với nhau rất thân, cho kỳ đến lúc chết mới thôi. Lôi tiên-sinh đã tả cái cuộc giao-tình qui-hóa ấy như thế này : « Cái tình yêu-mến sâu nó buộc Bối-công với tôi, thực là một cái tình đặc-biệt, ở đời này cũng ít có. Tình-cờ hai người biết nhau mà thành ra tâm-tính thực là giống nhau, vì tâm-tính hai người đều là thuần thuộc về « khách-quan » cả, nghĩa là ra ngoài cái phạm-vi hẹp-hòi của người đời, không có một chút duy-lợi duy-kỷ gì cả. Hai người không những là không mất lòng nhau bao giờ, mà đến ăn nói sỗ-sàng với nhau cũng không có khi nào. Hai người đối với nhau như đối với một người đàn-bà mình kính-trọng. Phải nhờ đến nhau việc gì thì tựa-hồ lấy làm hổ thẹn, mà coi như một sự hối-lộ lẫn nhau, thiệt-hại đến nhân-loại. »

Hai người bấy giờ đương tuổi thanh niên, cùng ham mê cái chân-lý như nhau mà cùng hội sức để học-vấn. Bối tiên-sinh thì dạy cho Lôi tiên-sinh các khoa bác-vật, Lôi tiên-sinh thì giảng cho Bối tiên-sinh về phép huấn-cổ [1] cùng dạy học tiếng Do-thái cổ-ngữ (*hébreu*). Bối tiên-sinh về sau không bao giờ quên thứ tiếng ấy : một tuần lễ trước khi tạ-thế, tiên-sinh còn khảo một quyển sách cổ về thuật luyện-kim, chép bằng chữ Do-thái, của người ta gửi tự Ma-lạc-kha (Maroc) về.

Tiên-sinh vốn giữ cái cộng-hòa-chủ-nghĩa, cụ ông ngày xưa cũng thuộc về đảng cộng-hòa, nên thấy việc Cách-mệnh năm 1848 không thành lấy làm buồn, đành phải để cái hi-vọng về sau vậy. Tiên-sinh trước nghiên-cứu hóa-học ở phòng thí-nghiệm nhà hóa-học-chuyên-môn họ Bạch-lỗ-tư (Pelouze), phố Đô-phi-nặc (Dauphine), sau tốt-nghiệp nghề học thuốc, rồi đến tháng giêng năm 1851 vào làm trợ-biện ở phòng thí-nghiệm nhà hóa-học-chuyên-môn Bá-lạp-nhĩ (Balard), tại trường Quốc-học (*Collège de France*). Lương được có 8 trăm quan tiền tây một năm, phải dạy học ngoài thêm mới đủ ăn. Tiên-sinh đành chịu hàn-vi như thế trong chín năm giời. Chính giữa lúc hàn-vi ấy là lúc tiên-sinh thí-nghiệm thành công về phép « hóa-học tổng-hợp » (*synthèse chimique*), từ đấy tiếng nổi lừng lẫy trong khắp thế-giới.

Năm 1860, các giáo-viên ở trường Quốc-học đứng lên xin với quan Họ-bộ-thượng-thư bấy giờ là ông Đô-duy (Duruy) mở ra một khoa dạy về « hữu-cơ-hóa-học » (*chimie organique*), để riêng cho tiên-sinh. Từ đấy tiên-sinh vẫn cứ giữ một khoa ấy cho đến già, không bao giờ bỏ, có người mời đi nơi khác, hoặc danh-giá hơn, hoặc cao-bổng hơn, tiên-sinh cũng không nhận. Tiên-sinh ở Ba-lê không có một ngày nào là không ra phòng thí-nghiệm. Nhà hóa-học-chuyên-môn Khổ-triết (Armand

---

(1) Huấn-cổ 訓詁, là giải thích nghĩa sách cũ, như chú-thích biện nghĩa sách kinh sách truyện. Bên Tây thì chỉ một môn học riêng chú-giải sách Thánh-thư (Bible) của đạo Thiên-Chúa — Chữ Pháp là *exégèse*.

Gautier) đã từng nói rằng : « Xưa tôi đã có lần vào xem phòng thí-nghiệm của tiên-sinh. Chỉ có một gian nhà rộng, lạnh-lẽo ẩm-thấp, không có ánh sáng vào, ở giữa có một cái lò sưởi với một cái bàn dài, thế mà thôi. Mùa đông tôi thường thấy tiên-sinh đau bệnh thấp, ngồi rạp người xuống, liệt-vị một nơi mà vẫn làm việc, không đốt than lửa gì cả, vì tiên-sinh thí-nghiệm những thứ rất tinh-vi, đốt lò sưởi thì sợ có khi nóng sai mất tính-chất đi. Tiên-sinh ngồi làm tính từng nửa buổi, có khi suốt cả đêm. Một ngày tiên-sinh kể truyện với tôi rằng hồi thí-nghiệm bấy giờ tiên-sinh dùng đến hơn ba vạn tờ giấy để làm tính mới xong. »

Những sự phát-minh của tiên-sinh mỗi ngày một mới lạ, các hội học trong thế-giới cảm-phục mà hoan-nghênh vô cùng. Ở bên Pháp thì tiên-sinh có chân hội Y-học-bác-sĩ (*Académie de médecine*) từ năm 1863, hội Khoa-học-bác-sĩ (*Académie des Sciences*), từ năm 1873, làm vĩnh-viễn-thư-ký (*secrétaire perpétuel*) cho hội ấy từ năm 1889, lại có chân hội Văn-học bác-sĩ, tức là Hàn-lâm-viện (*Académie française*) từ năm 1901. Ở khắp Âu-châu có bao nhiêu hội học nhớn đều mời tiên-sinh vào chân hội cả : như các hội bác-sĩ ở Luân-đôn (Londres), Bá-lâm (Berlin), Duy-giã-nạp (Vienne), Thánh-bỉ-đắc-bảo (Saint-Pétersbourg), Ti-đô-cổ-nhĩ (Stockholm), Đô-lăng (Turin), An-ti-đức-đăng (Amsterdam). Chính-phủ dân-quốc Pháp thì tặng tiên-sinh cái huy-chương cao nhất trong nước, là đệ-nhất-đẳng Bắc-đẩu-bội-tinh.

Ph. Q.

(Còn nữa)

VĂN-UYỂN

THƠ VĂN CÁC CỤ

Cụ Yên-đỗ

VI

Bài hát sẩm

Chúng anh đây mục hạ vô nhân, nghe em nhan sắc lòng xuân anh não nùng. Dù em má phấn mặt hồng, nhưng nhưng anh chẳng thèm trông làm gì. Lấy anh anh cho đi trước làm vì, tay thì dắt díu tay thì quàng vai. Giơ tay sờ chốn em ngồi, em thời chẳng thấy anh thời thở than. Bâng khuâng như mất lạng vàng, cái sênh cái trống cái đàn ai mang? Ai ôi, thương kẻ giở giang, miệng ca tay gẩy khúc đàn tương-tư. Chẳng yêu chẳng nể chẳng vì, cũng liều nhắm mắt bước đi cho đành. Một duyên hai nợ ba tình, chữ duyên chi vướng, mối tình chi mang! Kẻo còn đi nhớ về thương, kẻo còn để mối tơ vương bên lòng. Đôi ta trót nghĩa đèo bòng, dẫu mòn con mắt tấm lòng dám sai. Ngại ngùng những bước chông gai, trần gian nhân-nhục nào ai biết gì? Chữ tình là chữ chi chi? Yêu nhau phải bảo đường đi lối về. Đôi ta đã trót nhời thề, gần xa dắt-díu đi về có đôi. Đền đâu người đứng ta ngồi, khi đàn khi hát những người chung quanh. Tới nơi những chốn thị thành, đôi bên hàng phố đắp danh đón mời. Đò ai biết chốn chợ giời, dẫn ta lên khoảng một người nàng tiên!

VII

Vịnh Kiều

Kiều nhi giấc mộng bặt như cười,
Tình giấy xuân xanh quá nửa rồi.
Sô kiếp bởi đâu mà lận đận,
Sắc tài cho lắm cũng lôi thôi.
Cành hoa vườn thúy duyên còn bén,
Ngọn nước sông Tiền nợ chửa suôi!
Không trách chàng Kim đeo đẳng mãi,
Khăng khăng vớt lấy một phần đuôi.

VIII

Viếng Đạm-Tiên gặp Kim-Trọng

Ví chẳng đua chơi hội đạp-thanh,
Làm sao mang lấy nợ ba-sinh.
Kẻ còn người khuất hai hàng lệ,
Trước lạ sau quen một chữ tình.
Nghĩ đến suối vàng thương phận bạc,
Nỡ đem lá thắm phụ xuân xanh.
Trong đoàn tài sắc giời hay ghét,
Giăng gió xưa nay chẳng một mình.

IX

Mắc tay Hoạn-Thư

Chị Hoạn ghen tuông khéo giở đời!
Cơ duyên lồng lẻo buộc chân người.
Cánh buồm mặt bể vừa êm sóng,
Vó ký chân đèo bỗng đến nơi.
Con ở ngẩn ngơ nhìn mặt cũ,
Nhà thầy tưng hửng mất đồ chơi.
Ông giời cũng khéo chua cay nhỉ,
Một cuộc bày ra cũng nực cười.

X

Kiều khuyên Từ-Hải hàng

Phút chốc đem thân bỏ chiến-trường,
Ba quân sơ sác ngọn cờ hàng.
Sá chi thân phận tôi vì nước,
Thẹn với non sông thiếp phụ chàng.
Phận tủi nỉ non đàn bạc mạnh,
Duyên may run rủi lưới Tiền-đường.
Mười lăm năm ấy người trong mộng,
Há những là đây mới đoạn trường?

XI

Nhân-cư

Ngẫn ấy năm nay vẫn ở nhà,
Nghĩ ta ta lại chỉ thương ta!
Bông hiên thêm ngán hơi nồng nhẽ,
Ngọn gió không thương tóc bạc à?

Thửa mạ rạch rồi chân xấu tốt,
Đầu lương đo đắn tuổi non già.
Khi vui chén rượu say không biết,
Ngửa mặt lờ mờ ngọn núi xa.

XII

Đề cái tượng phỗng đá núi non bộ

Ông đứng làm chi mãi đó ông ?
Chơ chơ như đá vững như đồng.
Giữ gìn non nước cho ai đó ?
Nông nổi đầy vơi có biết không ?

(NGUYỄN-MẠNH-BỒNG *phụng sao*).

Ông phỗng-đá

(Họa bài hát cô-đầu của cụ Tam-nguyên Yên-đổ)

Kỳ trước (1) bản-báo có đăng một bài hát cô-đầu đề là « Ông Phỗng-đá » của cụ Tam-nguyên Yên-đổ. Nay mới tìm được một bài họa bài hát ấy của cụ Tham Đồng-tỉnh PHAN-VĂN-AI. *Cụ người làng Đồng-tỉnh, huyện Văn-giang, tỉnh Bác-ninh, đỗ Phó-bảng khoa* canh-thìn *đời Tư-đức. Làm đến Quang-lộc-tự-khanh, sung tham-biện nha Kinh-lược, coi tòa* Đồng-văn-nhật-báo. *Cụ có dự thi khoa Yêm-bác, được mông thưởng thăng một trật.*

Câu miễu

Non thiêng khéo đúc nên người,
Trông chừng sành-sỏi khác người trần-gian.
Chải bao gió núi mưa ngàn,
Đã già già sóc mà gan gan lì.

Bài ca

Gan lì già sóc, há non chi mà sợ cóc chi ai! Người là người tớ cũng là người, nhằm cho kỹ vẫn tranh-vanh đầu giốc. *Tương chi tằng thức năng công ngọc, mạc luyện như hà khả bổ thiên ?* Thôi mặc ai răng trắng răng đen, thế như thế cãng ngồi yên như thế vậy. Còn giời đất hãy còn tai mắt ấy, lặng mà coi họa thấy lúc nào chăng ? Cãng về rã gạo ba giăng !

(1) Xem *Nam-Phong*, số 4, trang 252–253.

Đèn cù

Bồn bề vàng-vặc lửa hồng-hồng.
Gây đặt khen người khéo hóa công!
Quân ngậm hàm mai êm phăng phắc,
Trông khinh thanh-thế vắng không không.
Ngựa đi nước dáo không tràng nhạc,
Voi diễu vành lầu vắng tiếng cồng.
Chờ thủa ải lang khi khói tắp,
Quân dừng khí giới đứng chiếu không.

Giăng thu

Màu nhiệm xoay vần vốn tự nhiên,
Này thu này nguyệt đôi thanh-thiên.
Băng cao dẫy dẫy doành ngân chẩy,
Sáng tỏ lầu-lầu bóng thỏ in.
Đôi chồn lâu đài gương vẽ khắp,
Một bầu thế-giới ngọc đông nên.
Chị Hằng sánh với vừng hồng ấy,
Biết mấy xuân thu biết mấy nghìn!

Buồn.....

Buồn trông ngọn cỏ bóng cây,
Gió mưa hiu-hắt hoa bay tơi-bời.
Thuyền đâu đỗ bên thành-thơi,
Khách đâu ai mới lạc loài đến đây?

Buồn trông đáy nước chân mây,
Sóng rồn bể bạc gió lay bụi hồng.
Ngựa đâu rong-ruổi bên sông,
Kèn đâu sang-sảng tiếng đồng xa xa!

Buồn trông cây cảnh nhà hoa,
Cỏ lan mặt nước giăng nhòa bóng hương.
Bách tòng rầu rầu nắng sương,
Huệ lan thoang-thoảng hãy còn thơm rơi.

Buồn trông thành-thị vãng lai,
Tê tê sở sở nào ai biết gì!
Đua nhau giọng nọ tiếng kia,
Đầy đường danh-lợi kẻ đi người chờ.

Nước non vẫn nước non nhà,
Mà nay phong cảnh sao đà khác xưa?...

VÔ-DANH THỊ.

Bài hát bà Trưng bà Triệu

Thủa giời đất đương khi mưa gió,
Khách má hồng mới tỏ lòng son.
Còn giời, còn nước, còn non,
Hãy còn Hồng-Lạc hãy còn Anh-Thư.
Nhớ thủa trước mở cờ dựng hiệu,
Bà Trưng-vương với Triệu-Âu ta.
Nào là Mã-Viện Phục-Ba,
Nào là Lục-tướng nào là Ngô-quân.
Thân son-phấn dám gần tên đạn,
Đuổi quân Tàu mấy vạn kẻ chi.
Giọc ngang một cõi biên thùy,
Xưa nay sánh với nam-nhi mấy người ?
Cân quắc ấy gấp mười đai mũ,
Cái danh thơm ghi để nghìn thu.
Gió đông ví tiện chàng chu,
Giang-sơn gây lại cơ-đồ mà hay.
Đàn bà dễ có mấy tay !

Quảng-Nguyên LÊ-VĂN-QUÝ.

Xuân-sầu

Đã chán phong trần với tuyết sương,
Đông qua rầy lại bóng xuân quang.
Ai về nhắn nhủ người tri-kỷ,
Chờ gió Nam sang sẽ đá vàng.

NGUYỄN ÁI-HOA.

Vịnh báo Nam-Phong

Không cánh mà bay mới lạ lùng !
Khen ai khéo nghĩ tạc nên công.
Mượn mầu học-thuật nhà Âu, Mĩ,
Tô vẻ văn-minh đất Nhị, Nùng.
Giấc bốn ngàn thu giờ sắp tỉnh,
Dân hai nhăm triệu đã gần thông.
Nam-Phong hai chữ ngày thêm vẻ,
Gió mát rầy lan khắp bể Đông.

NGUYỄN-HỮU-CHI.

I

Vịnh gió nồm

Ngọn gió Nam-Phong mây dặm trường,
Để ai hảo-hứng buổi thừa lương.
Khu-tài mát mặt người trăm họ,
Giải-uân nguôi lòng khách bốn phương.
Một trận cuốn cờ sông Sích-bích,
Đôi phen thổi gió chồn Ô-giang.
Khen ai xếp đặt thơ này nhỉ!
Thoang thoảng bên tai khéo lạ nhường!

II

Gió đâu bỗng nổi trận Nam-phong,
Khắp cả Đông-dương mát lạ lùng.
Mặt đất hiu hiu tuôn khí thuận,
Lưng giời hây hẩy quạt cơn nồng.
Nước non kia cũng tươi mầu gấm,
Hoa cỏ rầy xem dượm vẻ hồng.
Cái buổi thừa-lương là đây nhỉ,
Dân ta âu hẳn được vui lòng.

III

Gió kia gió đến tự đâu mà?
Hay gió theo giăng mới mọc ra?
Gió ngồ then mây thăm chú cuội.
Gió rung cành quế ghẹo gì nga.
Gió thổi giải hết hơn non nước,
Gió quyết làm nguôi giận cỏ hoa.
Mới biết gió kia là gió thuận.
Một cơn sực tỉnh giấc Nam-kha.

NGUYỄN-VĂN-HIẾN.

SẦM

Nước trong xanh lơ-lửng con cá vàng; cây ngô cánh bích con phượng-hoàng nó đậu cao. Anh tiếc cho cô em nay là phận má đào, tham đồng bạc trắng mới gán vào ông tây đen. Sợi tơ-hồng ai khéo se duyên, treo tranh tô-nữ đứng bên anh tượng đồng. Chị em ôi! ba bầy đường chồng, son tô phấn điểm hương lồng cho nó ngoan. Thà rằng lấy chú sầm soan!

Tản đà NGUYỄN-KHẮC-HIẾU.

THƠ VĂN ĐÀN BÀ

NHÂN-KHANH THI TẬP

Bà Nhân-khanh là con gái cụ Phó-Đô-Ngự-Sử họ Dương ở làng Vân-đình, tổng Phương-đình, Phủ Ứng-hòa, tỉnh Hà-đông, em gái quan Thượng-thư Dương Khuê và cụ Thiếu Dương Lâm bây giờ.

Bà cụ sinh trong nền khanh-tướng, có nhan-sắc, có tri-tuệ, thủa nhỏ học hai quan Thượng ở nhà, năm 17, 18 tuổi đã thiệp-liệp kinh-sử. Lại có tài ngâm vịnh, nhất là lối thơ ca quốc-âm thời hay chuyên làm. Nhời nhẽ thanh tao, vẫn hàm súc những ý chua chát với thói đời, mà lắm bài khinh ngạo người nhiều, cho nên vẫn bị cụ cố quở mắng. Vì thế mà tiếng thơm sớm nổi trong châu-quận, giây duyên xe lại cùng cụ ông ngâm thơ giai lão, cũng là phỉ nguyền rồng phượng. Cụ ông là con cụ Tuần Trịnh đỗ nhị-giáp tiến-sĩ ở làng Định-công gần Hà-nội, gia thế thanh liêm, cho nên khi cụ bà kết tóc cùng chồng, yêu chiều khuyên nhủ, nuôi chồng đi học đến khi đỗ cử-nhân làm Tri-huyện, giang sơn gánh vác hai vai nặng nề, bởi thế không rỗi mà bạn với thi thư. Về khoảng mười năm nay, vị phong-trần hay chọn mặt tài hoa, cho nên thi-gia hằng thổ ra lắm nhời tiêu-sầu. Nay đã đến lúc vãn-cảnh, ông bà đi chơi ở bước thời-gian trăm năm đã được quá nửa rồi. Gương song thọ treo cao chiếu sáng xuống dưới sân hòe quế. Vui có con hiền nối nghiệp khoa-danh, cháu thảo quần quanh dưới gối. Khi nhàn hạ thời giở đến bút-nghiên, lúc cao hứng thời lịch du phong cảnh. Tả, đề, ngâm, vịnh, cực nhiều.

Mới đây báo Nam-Phong *thành-lập, nhân cụ cũng có chút cảm tình với báo. Tôi bèn lấy tình là cháu ngoại cụ, có xin phép cụ cho sao lục ít thơ văn để đăng vào mục Văn-Uyển. Trước là hiến các bạn đọc báo một món tiêu-khiển thanh-cao, hai là để giới-thiệu cho các cô con gái tân-học-giới bây giờ biết trong đám quần thoa tiền-bối ta có một bậc đàn bà cựu-học chẳng kém chi các bọn tu-mi, may ra chị em có ai để tâm vào nghề hàn-mặc mà nối gót người trước, cho bà Xuân-Hương, bà Thị-Điểm, bà Thanh-Quan khỏi phải câu than « vô-tự » dưới cửu-tuyền, đó là một cái hi-vọng chung của văn-chương-giới ta vậy.*

Cháu ngoại người làm thơ
NGUYỄN-MẠNH-BỒNG *cẩn chí.*

I

Mừng bà Chiêu cải giá

Nguyệt lão xe giây khéo vớ vẩn,
Xe người bạch-phát với hồng-nhan.
Duyên kia đã vẹn nhời non nước,
Ước nọ nào quên nghĩa đá vàng.

Khách điệp mới đưa tin nhạn nhắn,
Chúa xuân chi tiếc cánh hoa-tàn.
Nam-âm mây vận ghi lòng thắm,
Mừng chị Chiêu-quân đã quá-quan.

II

Đề đền đức Đồng-thiên-vương

Phong cảnh khen ai khéo vẽ vời,
Vệ-linh [1] quanh quất vẫn gần nơi.
Nọ đền Hiển-khánh bên sườn núi,
Kia miếu Phi-tiên giữa góc giời.
Phách suối vang lừng khua cõi tục,
Đàn thông réo rắt dộn non khơi.
Giang-sơn thu xếp bao giờ nhỉ?
Còn mãi anh-linh tiếng để đời.

III

Mừng cháu đỗ cử-nhân

(Ông Dương-tự-Nhu, tri-huyện Cẩm-Khê tỉnh Phú-Thọ bây giờ).

Đồ ai vẽ được cảnh Dương-đài,
Cảnh đã sinh thay quả lại sai.
Ngắm vẻ châm huê chen ngọc-diện,
Xem mầu hồng phấn ngỡ thiên-thai.
Dập-dìu gác phượng thông khua trúc,
Chin chít thềm lan quế dủ mai.
Phúc trạch như giây co kéo mãi,
Còn non, còn nước hãy còn dài.

IV

Mừng em họ đỗ tú-tài

(Ông Dương-ngọc-Chấn mới mất năm nay)

Xa nghe mừng hỏi khách Dương-châu,
Thứ mấy cành mai đã giát đầu?
Hoa cỏ chen vào đường tú-khí,
Giang sơn còn mãi tiết thanh-thâu.

---

(1) Đền ngài ở núi Sóc-Sơn, làng Vệ-Linh thuộc tỉnh Bắc-ninh.

Tài này có nhẽ cày nghiêng đất,
Sức ấy xem ra kéo đổ cầu.
Gặp hội nghênh-xuân nhìn rõ mặt,
Mà cho thiên-hạ thử xem trâu.

V

Trông giăng buồn vịnh

(Lối ca lục bát)

Bâng khuâng nhớ cảnh non đoài,
Thấy giăng mà lại nực cười với giăng.
Cung mây xa cách mấy từng,
Thanh quang ta lại tỏ chừng với ta.
Ai lên nhân khách Thường-Nga,
Xuân thu biết mấy sao mà vẫn sinh.
Lại đây rót chén chung tình,
Dẽ mây mặt ngọc sẽ mảnh bóng hoa.
Ấy ai tỏ lối sơn hà,
Bốn phương đâu cũng vẫn là đồng tâm.
Một năm biết mấy tuần rằm,
Hoàng hôn ta lại tri-âm đó mà !
Trăm năm ai chẳng phải già,
Nghìn năm tròn khuyết lại là giăng non.

VI

Vịnh nguyệt cung Thường-Nga

Niên-hoa bao tuổi chị Thường-Nga,
Mà cái xuân-xanh vẫn thế mà ?
Giăng gió còn vơi lưng giỏ quế,
Nước non chứa chặt một bầu đạ.
Khi soi gương nước lồng mầu thủy,
Lúc ngắm vườn xuân suốt bóng hoa,
Thử vén cung mây cho kẻ biết,
Thanh quang rõ mặt tuyết non già.

VII

Vịnh cảnh Huyện Sơn-Vi

(Tức là Huyện Bất-bạt, tỉnh Sơn-tây bây giờ, lúc đó cụ ông đương làm tri-huyện đấy)

Khen ai khéo vẽ cảnh Sơn-vi,
Cảnh lạ giang sơn lắm cảnh kỳ.
Nhạn múa đầu ghềnh in chận-tự,
Thông reo sườn núi họa cầm-ti.
Sênh sang mặt đất dăm thằng mục,
Díu dít chân đèo mấy đứa đi.
Đài-thánh [1] bầu giời riêng một thủ,
Khách nhàn hoa cỏ cũng tương-tri.

Vịnh thằng-hề

Đông-phương đâu đó mới sinh ra,
Lừng lẫy vì anh khéo nói pha.
Lấy cảnh giang sơn mà nhắc lại,
Đem gương kim cổ để soi qua.
Trông người tai mắt ngay như thật,
Ngó bộ cân-đai chẳng hóa ngoa.
Sự nghiệp công danh coi cũng lạ,
Mặt nào cũng thấy có anh ta.

Hồng, điệp, phong

Lơ thơ trong bụi mấy bông hồng,
Bướm đã len vào lại thấy ong.
Bởi chút hương thơm nên lịch cảnh,
Vị gì mật ngọt phải ra công.
Chẳng không ai đúc ngay cùng chúa,
Phấn sẵn giời tô đẹp với chồng.
Sự nghiệp trăm năm còn mãi mãi,
Vẫy vùng đôi cánh với non sông.

(1) Ở gần huyện có đền thờ đức Tản-Viên-sơn-thần.

Sáo biết nói

Đủ điều ăn nói cũng nên khen,
Chẳng lặn thì bay sáo chẳng hèn.
Nước biếc non xanh xưa vẫn nhớ,
Lầu son gác tía mới làm quen.
Vài câu thỏ thẻ nghe thày dạy,
Một tấc nông sâu hỏi dạ xem.
Ba bảy loài chim ba bảy giống,
Đủ điều ăn nói cũng nên khen.

HOÀNG HẠ-UYÊN.

GIÓ NỒM ĐƯA LẠI.....

Gió nồm đưa lại hai tin sau này để các bạn đọc báo biết.

Một là :

Bản-báo định in một số đặc-biệt, ngoài những số báo thường, gọi là « Số ngày Tết » (numéro du Tết), *để đến tết ta này tặng các bạn mua báo đồng-niên từ đầu đến nay. Số ấy đăng toàn những thơ, văn, tiểu-thuyết, cùng những truyện hay, truyện lạ, để làm một món quà đích đáng biếu các nhà đã có bụng tin yêu bản-báo trong buổi mới này.*

Vậy ai có thơ văn gì muốn đăng vào số ấy xin gửi lại cho bản-báo Chủ-bút trước ngày 31 tháng 12 tây.

Ai muốn mua báo đồng-niên để được số ấy cũng xin kịp gửi giấy lại trong hạn trên kia

Hai là :

Bản-báo định từ sang năm mở một cuộc thi thơ văn. Hiện nay còn đương nghĩ đặt chương-trình về việc ấy, khi nào xong sẽ đăng báo cho các thi-nhân văn-sĩ ta được biết. Nhưng có thể nói trước được rằng sẽ thi một bộ tiểu-thuyết, một tập thơ và một tập nghị-luận, mà vừa thi bằng quốc-ngữ, vừa thi bằng chữ nho. Quyển nào hay sẽ có phần thưởng xứng đáng ; bản-báo lại nhận đem in cho, tác-giả vẫn được giữ bản quyền.

TẠP-TRỞ

TỰ NGUYỆN HÓA CHỒNG

(Đoản-thiên tiểu-thuyết)

Truyện dịch sau này cũng là thuộc về lối « đoản-thiên-tiểu-thuyết » như Truyện người linh bằng tuyết, *đăng trong số báo thứ 2.* [1] *Văn-chương tuyệt sảo. Nhời văn như có sinh-hoạt vận-động ; cái thảm-kịch hiển-nhiên như thực, như diễn ra trên sân khấu vậy. Các nhà văn-sĩ ta nên kíp mà tập lấy cái lối truyện đoản-thiên này. Tức cũng như lối truyện* Liêu-trai, *nhưng nhời văn thành-thực, nghĩa truyện thâm-thiết hơn biết chừng nào! Văn quốc-ngữ quyết là có thể làm được những tiểu-thuyết ngắn như thế. Xin cố lên!*

* * *

Hai chị em gái sinh-trưởng ở làng Duy-lặc-lỗ-đức, huyện Bối-lí-ái, giáp giới quận Lực-sâm-bảo với châu Lô-liên.

Có hai chàng trẻ tuổi người Đức, một chàng tên là Uy-lịch, một chàng tên là Uy-liêm, đến ngụ ở Duy-lặc-lỗ-đức, mở một ngôi hàng bào-chế. Hai chàng xin nhập-tịch Pháp, làm người dân Pháp, muốn lấy hai chị em làm vợ.

Cưới nhau năm 1912.

Hai chị em một người tên là Lư-tát, một người tên là Mã-lí-nặc, cũng một lòng thương yêu hai chàng đã vị tổ-quốc Pháp mà bỏ quê-hương mình. Buôn bán mỗi ngày một thịnh-vượng. Một nhà vui vẻ, một lòng tin cậy sự tương-lai. Hai chị em chỉ còn một người bà già ở thành Long-vệ gần đấy. Bà cũng cám ơn Giời đã phù-hộ cho hai cháu được vừa đôi phải lứa như thế.

Chợt đến ngày 29 tháng 7 năm 1914. Ngày hôm ấy hai chàng Uy-lịch Uy-liêm trông ra sắc mặt lo-lắng. Vợ hỏi thì nói rằng nghe đồn sắp có chiến-tranh, nên không được yên lòng. Nói thế rồi chàng Uy-lịch bảo rằng :

— Nếu có chiến-tranh thì ta phải chạy về Long-vệ.

Đến ngày hôm sau là ngày 30, vào 5 giờ chiều, anh ta định cho hai chị em về với bà, để cùng thu xếp trước việc chạy giặc, rồi sáng mai lại về Duy-lặc-lỗ-đức.

Hai nàng đến Long-vệ thì không gặp bà. Hỏi người láng giềng nói rằng bà già có việc đi ra Long-vệ-ôn, đến ngày kia mới về.

Chị em bấy giờ đành phải bảo nhau về nhà vậy. Đi chuyến xe lửa tối, 9 giờ rưỡi về đến nhà ga Duy-lặc-lỗ-đức.

Ở miền địa-giới bấy giờ dân-gian đương lo sợ. Ai nấy đóng cửa ở nhà. Trong nhà ngoài phố không có tiếng động.

Hai chị em đi dảo cẳng, trông quanh mình mà rợn. Đi một thôi đến cửa hàng bào-chế, tức là nhà mình. Cửa đóng im-ỉm, gióng sắt đóng ngoài. Trông cái khung con trên cửa nhớn thấy tối đen, mới biết trong nhà hàng không thắp đèn.

Nhưng chẳng hề gì. Lư-tát đi trước, Mã-lí-nặc theo sau, cùng đi quanh nhà, mở cửa vườn, cửa chỉ đóng có cái then con, rồi vào trong vườn ở sau nhà.

---

(1) Xem *Nam-Phong*, số 2, trang 121-123.

Đêm hôm ấy giời đầy những sao ; gió ấm thoảng qua, mơn-man cây cỏ. Hoa hết khí nóng bắn ngày, hương vừa thơm, mùi vừa ngạt.

Hai chị em vào đến đấy thấy phong cảnh nhà bình-tĩnh như thường, lấy làm vững dạ. Giời đất yên-ổn như thế, ai là người nghĩ đến sự chiến-tranh !

Hai chị em cứ thong thả đi trong vườn. Mã-li-nặc nói :

— Để họ ngồi trong buồng nhà dưới.

Thực thế. Trông qua cửa chớp mở hé thấy có bóng đèn sáng. Chắc là gió mở hé cửa ra thế. Xưa nay gió vẫn có phần trong việc thảng-lai !

Tưởng bấy giờ hồn-via thất kinh.

Cửa kinh mở toang, đêm ngày 30 tháng 7 ấy giời nóng quá, trông qua khe cửa chớp thì thấy... thấy một cái cảnh-tượng mà trong tâm trong tri cố cưỡng không chịu tin là thực.

Thấy ngồi ở bàn ăn, chàng Uy-lịch Uy-liêm đối diện với hai người lạ mặt. Hai người ấy tức là hai tên kỵ-binh Đức ! Ở nơi địa-giới, ai là người chẳng biết cái giống kỵ-binh khốc-hại ấy !

Nhưng họ đến làm gì đây ?

Hai chị em đương băn-khoăn cái vấn-đề ấy, thì nghe tiếng chàng Uy-lịch trong buồng nói, vô-tình mà thực là giả nhời cái vấn-đề khốn-nạn vậy. Chàng ta nói :

— Đàn bà chúng nó đi vắng cả. Ta cứ bình tâm. Tôi đã để gói « nhân-ngôn » vào trong lọ long-não... ; đến mười một giờ thì ta đổ cả vào các thùng rượu, rồi ta tếch cung mây... Nghĩ mình làm dân Pháp cũng tiện thật !... Được lĩnh-chưng rượu cho cả trại lính Long-vệ...

— Anh có chắc mỗi liều bấy nhiêu là đủ không ?

— Tôi lại muốn bắt chước Hoàng-đế ta mà thề với anh một câu : Xin Thiên-Chúa chứng-minh ! Ngần ấy có đến đầu độc cả trại lính, cả lính trừ-bị cũng còn dư !

Hai chị em đứng trong vườn nghe bấy nhiêu câu rùng mình, ôm chặt lấy nhau.

Người run cầm-cập, ngực thổn-thức, nói không ra hơi :

— Giời ôi ! Chồng ta !... Chồng ta nó mưu bỏ thuốc độc cho quân lính ta !

* * *

Việc có sẩy ra không ?... Có sẩy ra như thế không ?

Phải phục-hồi lại cái đêm ngày 30 tháng 7 ấy mới biết được. Phải sé cái màn ác-mộng nó che đêm ấy với ngày nay.

Hồi tưởng lại mà đau đớn thay ! Đau đớn mà nặng lòng, nặng lòng thay !

Nhưng mà thôi, phải hồi-tưởng thì cũng hồi-tưởng cho đành.

Mã-li-nặc nắm lấy cánh tay chị, lôi vào trong nhà, vào trong cửa hàng, đẩy xuống cái ghế, bảo :

— Ngồi đấy.

Lư-tát ngồi gục xuống đấy. Run như sốt rét, tưởng mình như chết rồi. Lúc bấy giờ trong bụng không có tư-tưởng gì nữa, như một vật vô-hồn vậy.

Chỉ nghe tiếng cốc sẽ chạm, rồi tiếng nước ùng-ục chảy.

Bỗng đứng bắn người lên. Thì thấy Mã-li-nặc ở bên cạnh, lấy tay chặn vào vai, giữ thật chắc. Mã-li-nặc bấy giờ mới nói.

Nói rằng hai thằng chồng chị em mình nó là người ngoại quốc, nó đến nó đánh lừa mình nó lấy làm vợ, mình một cật một dạ với nó mà nó nỡ giả-dối mình.

Chúng nó có cái *ái-tình* gì với mình đâu, chẳng qua là chúng nó dùng mình để giúp cho cái mưu phản-bội của chúng nó.

Thôi ! thân chị em mình thì kể làm chi ! cái khổ-nhục của hai người đàn-bà có là mấy tí !

Mình khờ, mình dại,... thì thây quách cái đời mình. Nhưng mà những người khác kia, những quân lính của nước nhà ta, không nên để cho người ta vì ta mà bị hại.

Ta dành phạm cái ác này để ngăn-ngừa cái ác tầy đình kia.

Lư-tát nghe đến đấy nói : — Em nói chị đau lòng lắm, em ạ.

Nhời than ấy như chưa nói đã tắt. Mã-li-nặc lại nắm lấy cổ tay Lư-tát, lôi bắt phải theo. Vừa đi vừa nói :

— Chị cứ yên. Ta cũng phải nói dối mới xong.

Mã-li-nặc đẩy cửa buồng ăn ra, ánh sáng bỗng như chan-chứa vào mặt. Uy-lịch Uy-liêm cùng hai người khách kinh-ngạc đứng dậy, tưởng hai chị chàng đã ở Long-vệ rồi mà nay lại thấy đấy lấy làm lạ lắm.

Nhưng Mã-li-nặc nói đầu đuôi cho nghe thì ai nấy đều vững dạ. Lại nói trông thấy hai ông kỵ-binh ngồi đấy lấy làm mừng lắm. Các ông còn thong-dong vô-sự ngồi chơi ở Duy-lặc-lộ-đức này thì chắc là không có chiến-tranh được.

Bốn người ngồi ăn nghe nói ôn-tồn như thế, lấy làm ưng-ý lắm.

Chị chàng lại nói :

— Sẵn các ông ngồi đây, tôi muốn hiến một trai rượu ngon : ta cùng đụng cốc để chúc cho cuộc hòa-bình, mừng hai nước ta cùng giữ tình lân hảo.

Chị chàng chạy đi lấy, chốc đem lại một trai rượu bọt, mở ra, rót vào, bốn chàng cùng uống . . .

Sáng sớm mai, Mã-li-nặc với Lư-tát đi đường đồng chạy trốn. Thế là hai chị em hóa chồng từ đấy.

* * *

Đến trước quan nói rằng :

— Sự-tình như thế. Chị em tôi đầu độc như thế. Xin một là kết án chúng tôi, hai là cho chúng tôi sung việc nhà thương, thang thuốc cho quân lính nước nhà.

Ôi ! hai chị liệt-phụ ! Nhà nước có thể vững lòng mà giao cho hai chị trông nom lính bị thương ta. Hai chị chẳng đã tận hiến mình làm hi-sinh cho quân-lính nước Pháp ta dư ?

PH. Q.

Dịch Pháp văn của PAUL D'IVOI *trong sách* « Femmes et Gosses héroïques »

GIẦU SANG CHƯA CHÍN MỘT NỒI KÊ

(*Truyện Tầu*)

Đời Khai-nguyên nhà Đường có đạo-sĩ họ Lã qua chợ Hàm-đan, vào nhà hàng đặt giường giải chiếu, để khăn gói ngồi.

Một lúc, có kẻ thiếu-niên trong làng, tên là Lư-sinh, mặc áo cừu ngắn, cưỡi ngựa câu, sắp đi săn, cũng vào hàng nghỉ, ghé ngồi với ông Lã, truyện trò vui vẻ lắm.

Ít lâu, Lư-sinh ngắm áo quần mình mà than rằng : « Tài giai không làm nên gì, cứ chịu khổ thế này mãi du ? » — Ông rằng : « Tôi trông anh cũng tốt bộ vẻ vang lắm, cớ gì mà kêu khổ ? »

— Sinh rằng : « Tôi nghĩ tôi sống cũng thừa, chẳng thích gì ! » — Ông rằng : « Thế còn chưa thích, thế nào mới bằng lòng ? » — Sinh rằng : « Tôi nghĩ làm người sống ở đời, phải nên lập công to, làm quan lớn, ăn miếng ngon, mặc của tốt, nghe hát hay, họ-hàng vẻ vang, nhà cửa lừng lẫy, thế mới thỏa chí làm giai. Chứ tôi từ bé đi học, cũng tính rằng giầu sang như vỗ tay, bây giờ tuổi đã đứng bóng, vẫn còn chân lấm tay bùn, còn sướng gì nữa . . . !

Nói rồi buồn thiu, mắt dim dim muốn ngủ ; chủ nhà hàng đương quấy kê đãi khách. Ông giở dậy lấy cái gối đưa bảo sinh rằng : « Anh ra dáng mệt, hãy tạm ngả lưng. »

Gối ấy bằng xứ, hai đầu trổ hồng. Sinh dựa gối thiu-thiu, trông lỗ hồng sáng và nhớn lắm, chui qua đó hóa ra về nhà ! Lấy vợ họ Thôi, người đẹp nhà giầu. Từ đó ngựa xe rậm rịch, quần áo xênh-xang, năm sau thi đỗ tiến-sĩ, được bổ quan ngay. Ba năm đã ra tri-phủ Đông-châu. Sinh thích hồ-công, đào một con sông vận-hà dài 80 dặm, đi lại buôn bán tiện lợi lắm, hàng phủ dựng bia để kỷ-công. Sau thăng án-sát đạo Lĩnh-nam, lại về kinh làm Kinh-triệu-doãn.

Bấy giờ vua Thần-vũ Hoàng-đế gây đánh các rợ mọi. Rợ Thổ-phồn vào ăn cướp đánh lấy mất châu Qua-xa. Tiết-độ-sứ tên là Vương Quân-Hoán bị thất trận chết, trong nước sợ quá. Vua nghĩ kén lấy tướng tài, liền cắt sinh làm ngự sử trung thừa, kiêm lĩnh tiết-độ-sứ hai quận Hà-tây và Lũng-hữu. Đánh một trận được to lắm, chém vạn thủ cấp, mở thêm đất 900 dặm ; đắp 3 thành to để giữ các nơi hiểm-yếu. Dân mạn bắc được nhờ lắm. Sinh danh-vị đã cao, lắm kẻ yêu cũng nhiều người ghét. Quan Tể-tướng ghen tức, rèm với vua phải giáng làm Thứ-sử châu Đoan.

Cách ba năm lại được về làm tướng, giữ chính nước mười năm, dâng mưu hay, dự bàn mật, mỗi ngày vua tiếp ba lần, nức tiếng rằng hiền-tướng. Cả triều-đình ghen ghét, lại rèm với vua rằng sinh mật mưu thông với biên-tướng định làm phản, phụng chỉ tống ngục, lính đến bắt kíp lắm. Sinh sợ hãi quá, khóc bảo vợ rằng : « Ta vốn nhà làm ruộng ở Sơn-đông, cấy dăm ba mẫu không đến nỗi đói rét, quan quí làm chi cho đến nỗi này. Bây giờ dẫu muốn áo ngắn ngựa câu, dong chơi săn bắn sao được nữa ! » Liền giơ dao muốn tự tử, vợ con giữ không cho. Vào ngục bao nhiêu người đồng tội phải chết chém cả, sinh may có tay trong cứu, được giảm tội, giáng làm quan mục châu Hoan. Sau vua biết oan, cho phục chức làm quan Trung-thư-lệnh, phong tước Triệu quốc-công, ân sủng rất hậu. Sinh có năm con giai đều làm quan to cả ; con út là Ỷ-lạc người rất hiền, hai mươi tuổi đã làm quan hữu-bổ-khuyết ; thông gia rặt là họ sang-trọng cả, các cháu hơn mươi đứa. Sinh dẫu hai lần phải biếm, mà lại hai lần vào làm tướng, ra vào chốn đài-các hơn ba mươi năm, hách dịch vẻ vang, thiên hạ có một. Giở về già sinh chơi bời, con hát đầy nhà, thanh sắc nhất đời ; suốt trước sau vua cho ruộng tốt, nhà to, ngựa hay, hầu đẹp, không biết bao nhiêu mà kể.

Đã già lắm, sinh cáo hưu mãi không được, đến lúc ốm, vua sai trung-sứ trông nom, hết bọn này, lại bọn khác, thầy hay thuốc quí, chật cửa đầy nhà. Sắp mất dâng sớ rằng : « Tôi vốn học trò, con nhà làm ruộng, may sinh đời thịnh, được dự hàng quan, quá đội ơn giời, trộm lên ngôi tướng, văn đến điện-các, vũ đến đồng-nhung, hơn 30 năm, vào triều ra quận, những là hồ-lộc, chưa chút đền ơn, cũng cam kéo tơ tằm, chết không dám quản, nào ngờ ngày cao tuổi ngựa, già đã theo sau. Tôi nay ngôi nhất tam-công, tuổi ngoài bát-thập ; sống thừa, chết đã đến ; dầm dìa giường bệnh, hấp hối hơi tàn, ân vẫn ghi lòng, chết không nhắm mắt, kính dâng ba chữ, lạy tạ chín lần. » Vua cho tờ chiếu đáp lại rằng : « Ngươi thực hiền tài, trẫm được trông cậy. Ra yên trộm giặc, vào chính triều đình, mấy mươi năm thiên-hạ trị bình, là công ngươi cả, chẳng may khí ấm lạnh, đâu đến nỗi nào. Trẫm nay sai quan Đại-tướng là Cao Lực-Sĩ

đến thăm ngươi, cứ cố uống thuốc thang, trẫm chúc mong cho chóng khỏi ». Đến chiều sinh mất...

Đến đấy sinh bất thình lình vươn vai thức dậy. Trông ra hóa mình vẫn nằm ở nhà hàng. Ông Lã vẫn ngồi cạnh, chủ nhà quấy kê cũng chưa chín.

Sinh bâng-khuâng đứng dậy, trông ngơ ngác mà hỏi rằng : « Ô hay ! có nhẽ chiêm bao ư ? » Ông Lã cười mà đáp rằng : « Ấy trò đời cũng như thế thôi.... » Sinh bùi ngùi một lát, tạ ông Lã mà rằng : « Thôi cái cảnh vinh nhục, cái nhẽ được hỏng, tôi biết cả rồi. Thực là cụ có lòng thương mà nên lòng dục cho tôi đó, xin lĩnh nhời dạy »

Nói rồi lạy, xin theo ông Lã đi tu tiên.

TRỊNH-XUÂN-NHAM *trích dịch sách Tàu*

NHỜI NGƯỜI TÂY-BAN-NHA TẶNG NƯỚC PHÁP

Có một nhà văn-sĩ nước Tây-ban-nha tặng nước Pháp mấy nhời như sau này, thực tả được hết cái cảm-tình của bọn tri-thức bên Âu-châu đối với văn-minh học-thuật nước Pháp. Xin đăng cả nguyên văn cùng dịch ra sau này.

***

Cette guerre a prouvé l'infériorité de l'évolution collective sur le développement individuel dans le progrès de la civilisation. Pour moi, entre l'espèce et l'être conscient, il y a la même distance qu'entre le singe et l'homme. La lutte entre la France et l'Allemagne est un immense *Râmâyana* : d'un côté l'homme affiné, victime de sa propre délicatesse, de l'autre le « Raxasa » qui écrase les sélections sous le poids de la matière. Aussi n'est-ce pas la vie d'une nation qui se joue aujourd'hui, ni celle d'une race ; c'est le sort du monde qui est mis en question. Ou singes éternels, ou futurs dieux !

La France, comme un fleuve irrésistible, déborda un jour sur toutes les terres d'Europe, mais elle les féconda en même temps en y laissant le germe des riches moissons des temps... D'autres nations pourront s'abattre sur le monde comme un gantelet de fer, aucune ne saura comme la France, se poser sur l'assemblée des nations comme une langue de feu !

Souvenez-vous ! Nous sortions de l'Université, gorgés de science officielle, victimes d'une pédagogie dogmatique, et nous avons voulu commencer notre propre éducation. C'est alors que nous fîmes ta connaissance, France aimée ! Tu fus la claire fontaine dont s'approchèrent nos lèvres altérées d'eau pure. Tu nous appris ta langue exquise, faite de souplesse et de subtilité. Tu fus la lumière qui éclaira notre chemin. Tu nous fis vivre avec ton peuple, triompher avec tes armées, discuter dans tes assemblées. Jusqu'à nous monta l'haleine de tes femmes à travers les salons de jadis. Tu nous as donné le sens d'aristocratie !

A un peuple libre, le sort d'un peuple libre ne saurait demeurer indifférent. Nous avons commis la grande faute de tuer la spiritualité dans notre patriotisme ; nous n'avons plus, comme bien

collectif, que la grossière matérialité du terroir. Nous ne nous sentons plus concitoyens de lointaines cités, nous n'avons plus la glorieuse puissance de souffrir dans la douleur d'autrui. Nous avons un patriotisme de fermiers mesurant leur domaine au profit du sol, et incapables de retrouver dans l'eau de la rivière les baisers des terres qu'elle a traversées !... Ah ! la patrie intellectuelle, c'est elle qui opère les vrais sélections : elle s'étend sur les frontières, elle se forme d'étreintes et non d'agressions, d'affranchissements et non de conquêtes. Et c'est cette grande patrie là qui mourrait de la mort de la France, car la France est sa capitale ! Nous disons familièrement : la liberté, la justice, la patrie, la république, la cité, en mettant dans la désignation de ces allégories toute la secrète douceur du féminin ; il y a je ne sais quoi de maternel dans ces symboles familiers. Et bien, la France garde un reflet de cette maternité spirituelle et son assassinat nous rendrait orphelins.

GABRIEL ALOMAR.

⁂

Sự chiến-tranh này đã chứng rõ rằng trong cuộc văn-minh tiến-bộ, sự tiến-hóa chung trong xã-hội không bằng sự tiến-hóa riêng của từng người. Cứ như tôi thì một giống người với một con người có tư-tưởng cách xa nhau bằng con vượn với loài người vậy. Sự cạnh-tranh nước Pháp với nước Đức thực là một truyện *Lạp-mã-gia-nã* (1) nhớn nhao : một bên thì người lọc-lõi, khổ vì cái cao-nhã của mình ; một bên thì con « la-sát », lấy sức nặng vật-chất mà đè bẹp những sự lọc-lõi tinh-hoa. Bởi vậy mà sự chiến-tranh ngày nay không phải là chỉ quan-hệ đến cuộc sinh-tồn một nước, một giống, thực là quan-hệ đến vận-mệnh cả thế-giới vậy. Một là loài người cùng-kiếp phải làm giống vượn, hai là loài người sau này lên bực thần-tiên !

Nước Pháp như con sông cuồn-cuộn, một ngày chảy ra khắp các đất Âu-châu, nhưng lại bón cho những đất ấy được thêm tốt mà gieo cho cái hạt giống những công-cuộc nhớn-nhao của muôn đời... Cũng có nước khác như cầm nắm tay sắt mà nện xuống thế-giới. Không có nước nào như nước Pháp biết đem cái « lưỡi lửa » ra mà đứng chủ-trương trong hội vạn-quốc.

Ai ôi ! thử nhớ mà xem ! Bọn ta khi ở trường Đại-học ra, trong óc đầy cái học cử-nghiệp, lại khổ vì cái lối sư-phạm độc-đoán, phẫn-nhiên muốn tự mình giáo-dục lấy mình. Bấy giờ chúng tôi mới được biết chị, chị Pháp yêu ôi ! Chị là cái giếng nước trong cho chúng tôi được uống đương khi khao-khát. Chị dạy cho chúng tôi nhời văn tiếng nói nhã-thú của chị, êm-đềm mà mầu-nhiệm. Chị là cái đuốc sáng soi đường cho chúng tôi. Chị cho chúng tôi được cùng sinh-hoạt với người dân chị, cùng chiến-thắng với quân-đội chị, cùng nghị-luận trong quốc-hội chị. Chúng tôi thường được phảng-phất ngửi cái hương thơm của những bậc giai-nhân mĩ-nữ của chị, trong các hội « giao-tế » (2) khi xưa. Chị đã dạy cho chúng tôi biết cái cách nho-nhã phong-lưu vậy.

Một dân-quốc tự-do trông thấy một dân-quốc tự-do khác đương gặp hoạn-nạn không thể điềm-nhiên mà không lo thay cho cái vận-mệnh của dân-

(1) Lạp-mã-gia-nã (*Hàmâgana*) là một truyện Ấu-độ kể ông thần Lạp-mã đánh nhau với giống ác-ma gọi là « la-sát ».
(2) Nước Pháp về thế-kỷ thứ 17, 18, thường có những bà quí-tộc, người nhan-sắc tài-tình, mở ra những hội gọi là *Salons* (giáo-tế-hội) để họp tập các bực tài-tử giai-nhân trong nước mà bàn về văn-chương triết-học.

quốc ấy. Huống bọn ta đã phạm lỗi nhớn làm mất cái phần tinh-thần trong lòng ái quốc của ta, chỉ còn cái phần vật-chất thô-bỉ là cái bờ-cõi đất nước làm của chung mà thôi.[1] Ta không thấy trong mình có cái cảm-tình xa với những đất nước khác, tựa-hồ như vừa làm dân nước mình mà lại vừa làm dân những nước ấy nữa. Ta không có cái sức mạnh vẻ-vang biết khổ vì cái khổ của người. Lòng ái-quốc của ta là cái ái-quốc anh chủ đất, đo đất ruộng đến đâu là bờ-cõi đến đấy, không biết rằng cái nước con sông kia đã chảy qua bao nhiêu đất mới đến đây, đem lại cho ta cái ái-tình những nơi dị-vực ! . . . Ôi ! cái « trí-thức thượng chi tổ-quốc », chỉ có cái tổ-quốc ấy mới làm được những sự đào-thải chân-chính ; cái tổ-quốc ấy siêu-việt cả các bờ-cõi, cái tổ-quốc ấy bởi sự yêu-mến, không bởi sự xâm-phạm, bởi sự giải-phóng, không bởi sự chiếm-đoạt. Ví nước Pháp mà bị hại, thì cái tổ-quốc nhớn ấy cũng bị hại vậy, vì nước Pháp là kinh-đô của cái tổ-quốc ấy. Ta thường nói : *la liberté* (tự do), *la justice* (công-lý), *la patrie* (tổ-quốc), *la république* (dân-quốc), *la cité* (thành-thị), toàn là những tiếng thuộc về giống cái cả, có cái ý-vị êm-đềm mà kín-đáo. Những tiếng ấy là biểu-hiệu những sự ta quen biết, đối với ta như có cái tình thân-ái người mẹ đối với con. Vậy thì nước Pháp cũng thế, ta đọc đến tên nước Pháp cũng thấy phảng-phất có cái tình thân-ái thuộc về tinh-thần ấy. Nếu vạn-nhất mà nước Pháp bị hại thì cả bọn ta phải bồ-côi mẹ vậy.

CẢM-TÌNH CỦA BẠN ĐỌC BÁO

Bản-báo mới tiếp được bài lai-cảo của một nhà nữ-sĩ gửi đến mừng bản-báo. Tuy trong bài có nhiều chỗ quá khen, bản-báo tự lượng chưa được xứng đáng chút nào, song nữ-sĩ đã có bụng yêu mà biểu đồng-tình như thế, xin cám ơn và trích đăng mấy đoạn như sau này.

* * *

. . . Trong tháng năm tây tôi có tiếp được cái thư của một người bạn, biết là nước Việt-Nam ta lại có một thứ báo riêng, sắp sửa phát-hiện ra trong vài tháng nữa.

« Giời Nam mở rộng dần dần,
« Gió Nam thổi khắp xa gần từ [đây ».

Đọc đến câu đó thì trong bụng tự nghĩ ngay rằng hai chữ *Nam-phong* tất là cái tên của báo mới sắp sửa xuất hiện đó thì phải. Vậy thực lấy làm mong mỏi lắm. — Khi báo đã phát-hiện ra thì vào giữa lúc tôi đang ngọa-bịnh, bởi vậy trong mấy tháng giời mà tay vẫn chưa được cầm đến báo trương, tai vẫn chưa được nghe câu văn mới.

« Gió Nam thổi khắp bao giờ ?
« Chốn thâm-khuê vẫn đợi chờ [gió Nam ! »

Hai câu đó là bịnh-trung lúc nào cũng ngâm đến . . .

Vừa đây tiểu-giạng đã được tạm khỏi, song chân vẫn chưa bước ra khỏi

---

(1) Cái lòng ái-quốc cũng có nhiều cách, có cách thuộc về tinh-thần, có cách thuộc về vật-chất. Thuộc về tinh-thần là yêu cái tinh-thần nước mình, nhân đấy mà yêu rộng đến cả tinh-thần các nước khác có thanh-khí với nước mình. Thuộc về vật-chất là chỉ yêu cái đất nước mình, khu cái lòng ái-quốc trong bờ cõi nước mình mà không biết yêu rộng đến nước khác.

cửa. Sực tưởng nghĩ ra mới biết : tuần giăng thấm thoát nay đã sang thu. Bên giời góc bể đã chẳng được vui vẻ như chốn thành thị, sang đến tiết thu, thỉnh thoảng lại có trận gió hiu hắt, cơn mưa giầm gì, làm cho lắm lúc cũng buồn tênh ! Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ ! Bởi vậy đêm hôm trung-thu ngồi tựa bên lầu mà ngửa mặt trông chị Hằng-nga một mình vậy...

Thế mà đương khi trông giăng, bàng khuâng một mình, thì sực nghe có tiếng người gọi cửa.

Vội vàng mở cửa rước vào, thì là một chị bạn đưa lại cho ta mấy tập báo... rành rành trông rõ hai chữ *Nam-phong*.... Vậy giật mình nghĩ ra mới biết là báo đã xuất-hiện, mà ta đến bây giờ mới được gặp báo.

Chưa giở đến báo, trước hết hãng giò xem tên người soạn báo :

Phần chữ nho trông rõ tên ông Bá-Trác.

Phần Quốc-ngữ trông rõ tên ông Phạm Quỳnh.

Đã biết rõ tên hai ông chủ-bút, bấy giờ mới vội vàng giở xem đến báo.

Từ kỳ một đến kỳ ba,
Mục nào mục ấy xem qua vài lần.
Hán-văn đã rõ tinh thần,
Quốc-văn lại đủ mọi phần thanh-cao...

Báo Nam-phong chính là một lối văn-chương rất mới, mà người soạn báo lại vẫn là người cũ.... Văn theo lối mới mà bồ thêm lối cũ, mới đáng gọi là tân-văn ; người là người cũ mà kiêm thông học mới, mới đáng gọi là chủ báo. Vậy thì ngày nay người cũ mà đem cái tư-tưởng mới, văn-chương mới, gây nên cái công-cuộc mới, chắc hẳn người nước ta sau này ai xem đến báo cũng có thể mới thêm ra được nữa. Đó thực là một sự nên mừng trước.

Hồi tưởng từ khi nhà nước bảo-hộ thực là rộng lòng mà khai-hóa cho nước Nam ta. Trước kia bắt đầu mở ra nhật-báo như là *Đồng-văn nhật-báo*, *Nam-việt công-báo*, chính là mở rộng cho ta cái con đường ngôn-luận.

Giá thử khi trước mà người nước ta biết dùng cách ngôn-luận cho hợp với nghĩa-vụ, thì báo *Đại-Việt*, báo *Đăng-cổ* cũng có thể được tự-do mà trường thọ đến bây giờ thì phải. Song đó là việc đã qua rồi, không cần nói đến...

Vậy các ngài lại lấy bụng nhiệt-thành mà mở ra hội báo, nhà nước cũng sẵn lòng rộng rãi mà giao quyền ngôn luận cho các ngài. Đó chính là lúc các ngài được tự-do mà soạn báo... Cái trình-độ trong nước càng ngày càng tiến lên, thì báo-giới càng ngày càng phải mở rộng, báo càng mở rộng thì nước càng được vẻ vang. Vậy mỗi khi báo mới phát ra, thì người trong nước lại nên vỗ tay một lần mới phải.

Báo *Nam-Phong* này chính là quốc-túy, quốc-hồn của nước Nam ta đó ! Tôi xin chờ xem cái công cuộc báo mai-sau phát-đạt, trước hết là xin chờ xem cái thủ-đoạn của các ngài khéo lựa cách ngôn luận cho hợp cái nghĩa-vụ đối với nhà nước.

Vô-danh thiếu-nữ, ở về miền bể, chửa từng lịch-thiệp cho lắm, đâu đã dám học nói hay...

Vậy mà lần này mừng báo *Nam-Phong*, tự nhiên sinh ra được ít tư-tưởng; họp những tư-tưởng ấy lại, thành được một bài mừng báo *Nam-Phong*...

Thái-bình TRỊNH THU-TÂM *lai-cảo*.

TIỂU-THUYẾT

TRUYỆN CÁI DẤU ĐỎ (1)

Tiểu-thuyết Pháp của ALFRED DE VIGNY

PHẠM QUỲNH *dịch ra quốc-ngữ*

CHƯƠNG THỨ NHỈ

(*Tiếp theo kỳ trước*)

Nói đến đấy thì viên lão-tướng đứng dừng lại. Tôi cũng giữ ý không nói gì, sợ nhãng mất trí ông ta. Sau ông ta vỗ vào ngực mà lại nói rằng :

Cái lúc bấy giờ, ông ạ, đến ngày nay tôi vẫn chưa giải được nó. Tôi thấy tức giận bừng lên đầu, ấy thế mà không biết có cái gì nó bắt tôi phải theo, nó xui giục tôi. Tôi gọi những viên quân-quan đến, tôi bảo một người rằng : — « Nào, nào, cho một chiếc thuyền xuống bể đi.... bây giờ chúng mình đã làm cái nghề thằng xử tù rồi kia mà ! Đặt cái người đàn-bà kia vào trong thuyền ấy, chở ra ngoài giữa bể, cho đến lúc nghe thấy tiếng súng, bấy giờ hẵng về. » Than ôi ! rút lại chỉ có một miếng giấy, mà phải vâng nhời một miếng giấy như thế ! Chắc bấy giờ có cái ma-lực gì nó xui-giục tôi. Tôi đứng xa nhác trông thấy anh chàng... trông mà ghê thảm thay !... quì ở trước mặt vợ, hôn gối, hôn chân vợ. Ông nghĩ bấy giờ tôi đã khổ chưa ?

Tôi kêu lên như thằng dại : « Bay đâu, lìa hai người ra... Lũ mình là lũ tán-ác hung-đồ cả mà thôi ! — Lìa chúng nó ra ! .. Thương thay dân-quốc cũng là một cái xác mục ! Nào Giám-quốc, nào Giám-quốc chính-phủ, chẳng qua là sâu ăn mục nước mà thôi ! Tao bỏ cái nghề bể này ! Tao không sợ gì cả mấy thằng trạng-sư (2) của chúng bay. Tao nói thế đấy, có đứa nào về tâu lại cho chúng nó biết thì cứ việc, biết thì làm gì tao ? » Ừ, mà thật thế, tôi có sợ gì chúng nó. Tôi muốn nắm lấy cả năm thằng côn-đồ ấy, mà bắn chết nó đi ! ừ, tôi làm thế thật ! Tôi có cần gì cái đời người, đời người chẳng qua cũng như cái nước chảy đây này, ông trông... Tôi mới cần lắm chớ !.... Một cái đời như đời tôi... À phải ! một cái đời đáng thương thay... thôi !...

Viên trung-tá nói đến đấy thì tiếng nhỏ dần dần mãi đi, sau cũng vất-vưởng như nhời nói vậy. Vừa đi vừa cắn môi cau mày, như người sẵng, coi khả-kinh khả-hãi lắm. Người hơi rung động, cứ lấy cái vỏ gươm đập vào con la, như muốn đâm chết nó. Tôi lấy làm lạ nhất là cái da mặt ông ta vốn vàng mà bấy giờ trông ra đỏ sẫm. Ông ta cởi mạnh cái áo trên ngực, phơi ngực ra gió ra mưa. Hai người cứ đi lẳng-lặng như thế. Tôi xem chừng cứ để một mình thì ông ta không nói nữa, phải đánh liều hỏi.

Tôi bèn nói, tựa hồ như đã nghe hết truyện rồi : « Cái việc bi-thảm ấy chi hậu, tôi thiết-tưởng ngài chán nghề bể lắm thì phải ? »

---

(1) Xem *Nam-Phong*, số 4, trang 269-270.

(2) Trạng-sư đây là 5 viên giám-quốc, bình-sinh đều làm nghề trạng-sư cả.

Hắn ta đáp ngay rằng : — Ông nói cái nghề bể, à ? Ông này điên thật. Có phải tại nghề đâu ! Có đời nào một viên thuyền-trưởng lại phải làm thằng xử tù bao giờ, chỉ trừ khi chánh-phủ là những phường giặc cướp côn-đồ nó lợi-dụng cái thói quen của một con người chỉ biết nhắm mắt mà vâng nhời, bao giờ cũng chỉ biết vâng nhời, vâng nhời như cái máy khốn-nạn, dù trái với trong lòng cũng vâng nhời. — Nói thế rồi rút trong túi ra một cái khăn mặt đỏ, khóc rưng-rức như đứa trẻ con. Tôi dừng lại một chốc để sửa chân đăng, rồi tôi đi theo sau xe một lúc, sợ trông hắn ta khóc nhiều như thế thì hắn ta xấu hổ chăng.

Tôi nghĩ thế cũng phải, vì được độ một khắc đồng-hồ thì hắn ta cũng đến đằng sau xe, hỏi tôi có mang dao cạo trong áo tơi không. Tôi giả nhời rằng tôi chưa có râu không phải dùng đến dao cạo. Nhưng mà hắn ta cũng không cần lắm, hỏi thế để mà nói truyện khác đấy thôi. Song tôi thấy lại nói đến truyện kia tôi cũng thích, vì hắn ta bỗng nhiên hỏi ngay tôi rằng :

— Bình sinh chàng chưa trông thấy cái tầu bể bao giờ, có phải không ?

— Tôi chỉ mới trông thấy ở trường đấu-sảo Ba-lê thôi. Cái « hằng-hải học-vấn » của tôi chỉ do có một đấy, thì không lấy gì làm chắc lắm..

— Thế thì chàng không biết cái « phản trước » tầu là cái gì, có phải không ?

— Tôi không biết thật.

— Nó là một cái sân bằng gỗ thò ra ngoài mặt trước tầu, để đứng đấy mà bỏ neo xuống bể. — Hắn ta lại nói nhỏ thêm rằng : Bao giờ có bắn người nào thì thường để đứng ở đấy.

— À ! tôi hiểu rồi, để ở đây cho nó rơi xuống bể. — Hắn ta không đáp lại, mà bắt đầu kể các thứ thuyền nhỏ mang ở trong một chiếc tầu bể, cùng là cái vị-trí nó ở trong tầu, rồi cứ kể dương việc nọ sang việc kia, không có thứ tự gì sốt, làm ra cái dáng không thiết gì ; phàm những người đã làm việc lâu thường thường là có cái dáng ấy, vì phải tỏ cho người dưới biết rằng mình coi thường cái nguy-hi ềm, coi thường con người ta, coi thường cái sống, coi thường sự chết, coi thường cả mình nữa ; nhưng mà cái bộ-dạng ngoài ấy khác nào như cái vỏ rắn, ở trong thường ẩn cái tình-cảm sâu. — Cái bộ nghiêm-khắc của người quân-nhân cũng vi như cái mặt nạ bằng sắt nó che mặt người cao thượng, vi như cái ngục bằng đá giam một người « vương-giả chi tù-nhân » vậy.

Hắn ta lại nói :

— Những cái thuyền ấy dựng được sáu người. Họ nhảy xuống, mang chị chàng ta đi, không kịp cho kêu nói gì sốt. Than ôi ! phàm người đã có chút lương-tâm mà khiến nên một việc như thế thì không bao giờ an-ủi trong lòng được nữa. Cứ nói rằng quên, nhưng bao giờ quên được một việc như thế !... À ! mà giời lúc bấy giờ mới thảm chứ ! — Không biết cái ma gì nó xui tôi kể truyện này ! Tôi đã kể thì tôi không dừng được nữa, chịu thôi. Cái truyện này nó làm cho tôi say như rượu đất Nhược-lan-tôn (Jurançon) vậy. — À ! mà giời lúc bấy giờ mới thảm chứ ! Cái áo tơi tôi ướt suốt...

Nghe như vừa rồi tôi đã nói đến cái chị chàng La-lôi-đức ấy ! Khốn nạn thay cho chị ta ! — Sao mà ở đời lắm kẻ vụng-về thế ! Viên quân-quan tôi sai mang chị ta đi lại xuần cho đến nỗi chở thuyền ngay ra mặt trước tầu. Nói thế, nhưng cũng phải biết rằng không thể nhất-thiết liệu trước được. Như tôi, tôi vẫn mong giời tối để giấu được việc đó, mà không nghĩ đến cái sáng mười hai

khẩu súng cùng bắn một lúc. Quả vậy, chị ta ở trong thuyền trông thấy chồng bị bắn mà ngã xuống bể...

Nếu trên giời kia có ông Thiên-chúa thì ông ấy mới biết được vì đâu mà nên cái sự tôi kể sau này. Tôi thì tôi không biết được, nhưng sự ấy người ta thực đã trông thấy nghe thấy cũng như tôi trông thấy ông, nghe thấy ông bây giờ. Sợ là lúc bắn thì chị ta để tay lên đầu như thể có hòn đạn trúng vào trán, rồi ngã xuống ở trong thuyền, không ngất đi, không kêu, không nói gì cả, đến lúc bảo về tầu thì cũng cứ theo nhời mà về. Tôi chạy lại, nói thật dài và hết sức giảng-dụ cho mà nghe. Xem ra cái bộ nghe tôi, lại nhìn vào mặt tôi mà soa trán. Thì ra nghe mà không hiểu gì cả, trán thì đỏ mà mặt thì sám hẳn. Chân tay run cầm-cập như sợ-hãi cả mọi người. Đến nay cũng còn thế. Thương thay! bây giờ cũng vẫn như vậy, như ngẩn-ngơ, như ngây-ngốc, như người hóa dại vậy. Không ai hỏi được một câu nào, chỉ biết nói một điều là bảo rút hộ cho cái gì ở trong đầu ra mà thôi...

Từ lúc bấy giờ tôi cũng thành ra buồn rầu như chị ta, tôi tưởng như trong người tôi có cái gì nó bảo tôi rằng: *Phải đứng trước hắn cho đến ngày mày chết, phải giữ lấy hắn.* Tôi cũng làm như thế. Khi tôi về Pháp thì tôi xin đổi hàm đổi sang bên bộ binh, tôi gớm cái nghề bể vì tôi đã đổ xuống bể cái máu kẻ vô-cô. Tôi tìm nhà cửa chị ta. Người mẹ đã chết rồi. Có mấy người chị em gái thì tôi đem đến thấy hóa dại họ không muốn giữ, bàn với tôi đem để vào nhà-thương Sa-lan-đốn. Tôi không thèm hỏi nữa, tôi giữ hắn với tôi... À mà! cùng bọn nhà quân với nhau, ông có muốn xem hắn thì xem.

Tôi hỏi: — Chị ta ở trong ấy à?

Hắn nói: — Chính đấy! Đây này! Ông đợi một tí... Này, này, con « la cái » ta đâu [1]..? »

CHƯƠNG THỨ III

Nghe truyện xong tôi lại đi...

Nói thế rồi hắn ta dừng con la con lại, con la ấy được đứng lại xem ra sướng lắm. Hắn ta lại nhấc cái vải sơn ở cái xe nhỏ ra, hình như để xếp lại cái rơm chất đầy trong xe, thì bấy giờ tôi trông thấy một vật rất thảm. Tôi thấy hai con mắt xanh, nhớn lạ-lùng, hình rất đẹp, thô-lố ở giữa một cái đầu xanh-sám, gầy mà dài, cái đầu ấy như chìm đắm trong một đám tóc vàng dẹp hẳn xuống. Thực ra thì tôi chỉ trông thấy có hai con mắt ấy thôi, nó gồm cả cái người đàn-bà khốn-nạn ấy, vì cả người hình như đã chết rồi. Trán thì đỏ, má lõm và trắng, gò má xanh tràm. Chị ta ngồi qui ở giữa đống rơm, ngồi thế nào mà chỉ hơi trông thấy hai cái đầu gối thò lên thôi, trên đầu gối thì bầy quân cờ đánh chơi một mình. Hắn nhìn hai người một lúc, run một giờ lâu, tủm-tỉm cười với tôi một tí, rồi lại bắt đầu chơi. Tôi xem ra hắn cố nhận xem cái tay phải mình đánh cái tay trái mình thế nào.

Viêu trung-tá bảo tôi rằng:

« Hắn đánh cái ván này đã một tháng nay rồi; ngày mai để đến ván khác, lâu rồi mới lại bỏ. Cũng buồn cười, nhỉ? »

Vừa nói thế thì hắn ta lại để lại cái vải sơn ở mũ, giời mưa đã đánh chệch đi một tí.

Tôi nói: — Ôi! La-lôi-đức, thương thay! thôi thế là mất một đời, thôi! »

Tôi đi ngựa gần lại cái xe; tôi chìa tay cho chị ta, chị ta cũng theo mà chìa

---

(1) « La cái » đây là tiếng gọi thân, chỉ chị chàng ta.

tay lại cho tôi, tủm-tỉm cười một cách rất là êm ái. Tôi nhận thấy ngón tay dài mà có hai cái nhẫn bằng kim-cương, lấy làm lạ ; tôi nghĩ vẫn là cái nhẫn của mẹ đấy, mà tự hỏi làm sao sự cùng-khổ nó còn để lại được hai cái nhẫn ở trên tay ấy. Vì bằng tôi được làm vua cả thế-giới lúc bấy giờ, tôi cũng không hỏi viên lão-tướng cái câu ấy, nhưng viên ấy mắt nhìn theo tôi, dừng vào tay nàng La-lôi-đức, hơi có ý tự-cao mà bảo tôi rằng :

— Cái kim-cương ấy cũng to đấy chứ, có phải không ? Túng sử có dịp bán thì cũng được giá, nhưng tôi không muốn cho con bé này phải lìa mất cái vật ấy ; thương tình thay ! Hễ mó đến thì hắn khóc, hắn không muốn bỏ ra. Song mà hắn không hề than-thở bao giờ, thỉnh thoảng cũng khâu vá được. Tôi vẫn giữ ước với chồng hắn, — thương thay thân con trẻ ! — mà thực ra tôi cũng không có hối-hận gì điều ấy. Tôi không hề dời hắn bao giờ, đến đâu tôi cũng bảo là con gái tôi nó hóa dại. Người ta cũng biết trọng cái đó. Trong bọn quân, thế mà xử-sự lại ôn-thỏa lắm, chớ không như ở kinh-đô người ta tưởng đâu. — Bao nhiêu trận của Hoàng-đế là hắn cùng với tôi đi tòng-chinh cả, phen nào cũng được thanh-thoát. Bao giờ tôi cũng giữ cho hắn được nóng-ấm. Chỉ một ít rơm với một cái xe nhỏ là không khó gì. Hắn vẫn được ăn-mặc chỉnh-đốn, tôi thì cứ cái chức trung-tá, lương bổng cũng khá, lại thêm cái lương Bắc-đẩu bội-tinh với cái « lương tháng Nã-phá-luân » (1) ngày xưa còn được gấp đôi bây giờ, thì kể tính việc ăn-dùng cũng được thừa phần đều-đủ, hắn cũng không phiền-bận gì tôi, mà hắn chơi-đùa nói-năng như con trẻ lại thường làm buồn cười những quân-quan trong đội khinh-bộ thứ 7. »

Bấy giờ viên trung-tá đến gần chị ta, đập vào vai, như thể đập con la mà bảo rằng :

« Này, con ơi ! ta bảo, con nói một tí với trung-úy đứng đây : nào, gật đầu một tí xem. »

Chị ta cứ đánh cờ.

Ông ta nói : — Không, hôm nay hắn hơi khó tính một tí, vì giời mưa. Song may hắn không ho đờm sổ mũi bao giờ. Những người điên, ra nó không có ốm bao giờ, cũng được tiện về mặt ấy. Như ở trận Bối-lặc-tây-na, cùng suốt hồi chạy quân ở Ma-ti-cồ, hắn vẫn đi đầu không. — Thôi, con ạ ! con cứ chơi đi, con mặc chúng ta đây ; con muốn chơi gì thì chơi, La-lôi-đức, ạ ».

Chị ta cầm lấy bàn tay ông ấy đương để tựa vào vai, tay to nhớn, đen và răn-reo, rồi sẽ đưa lên môi mà hôn, như bộ một đứa tôi-đòi khốn-nạn vậy. Trông thấy cái hôn ấy mà tôi đau lòng, bèn quay mạnh cương ngựa đi.

Tôi bảo ông ta rằng : — Trung-tá, ta phải tục-hành đi chứ, không có thì tối đến nơi mà chưa đến được Bối-thổ-ni. »

Viên trung-tá bèn lấy đầu gươm mà cạo cẩn-thận cái bùn vàng bết vào ủng, rồi trèo lên bực xe, kéo cái mũ bằng dạ của cái áo tơi nhỏ chị ta mặc lên trên đầu chị ta. Rồi lấy cái dải lụa đen ở cổ áo mình mà đặt vào chung quanh cổ con gái nuôi. Xong rồi thích chân vào con la con, đưa vai lên một cái, mà nói : « Khởi-hành đi, cái đoàn quân xấu này ! »

Rồi hai người cùng bắt đầu đi.

(Còn nữa đến kỳ sau)

---

(1) Những quân-quan cũ của Nã-phá-luân được lĩnh thêm một thứ lương, gọi là «lương tháng Nã-phá-luân ».

THỜI-ĐÀM

(Từ ngày 20 tháng 10 đến ngày 20 tháng 11)

VIỆC THẾ-GIỚI

Việc chiến-tranh

Tình-thế bên Âu-châu trong tháng mới rồi có một vài điều bất-lợi. Về việc chiến-tranh thì trừ mặt quân Pháp-Anh là vẫn giữ được vững, tiến được nhiều, còn các mặt quân khác đều bị tổn-hại, nhất là mặt Ý và mặt Nga. Về đường chính-trị thì cái tình-hình nước Nga càng ngày càng nguy-cấp, chưa biết sau này kết-cục đến thế nào. Vả cũng chỉ vì sự nội-loạn nước Nga mà cái ảnh-hưởng đến việc chiến-tranh mới đến nỗi xấu như thế. Vì nước ấy có chính-phủ mạnh giữ được yên-ổn trong nước, để nhất-tâm mà chống-cự với ngoại-địch, thì có nhẽ quân Ý không đến nỗi gặp bước khó-khăn như mới rồi, mà cuộc chiến-tranh tất được ngắn bớt đi nhiều. Nhưng xét về một phương-diện khác thì có nhẽ càng lâu lại càng hay cho Đồng-minh, vì hiện nay nước Mĩ đương kinh-doanh về việc quân rất cần, không bao lâu sẽ dựng thành quân-đội nhiều đến hơn triệu người, đến bây giờ thì cái thế-lực của đảng Đức-Áo đã kém đi nhiều, cái thế-lực của phe Đồng-minh lại tăng lên rất dữ như thế, thì lo gì sự kết-cục không lợi cho bên này mà hại cho bên kia ?

∴

Mặt quân Pháp. — Các trận-địa vẫn giữ vững như tháng trước. Tháng này lại thêm đánh lấy lại được đồn Man-mãi-tôn (Malmaison), đuổi được quân Đức ở nơi gọi là « Đường các bà » (Chemin des dames). Cái chiến-tích sau ấy rất là quan-trọng. Hai quân đánh ở nơi « Đường các bà » từ tháng tư đến nay, có phần kịch-liệt hơn trận ở quanh thành Hoa-đốn (Verdun) ; trong sáu tháng giời quân Đức mất hơn mười vạn người, thế mà nay đành phải chịu bỏ, rút quân đi nơi khác, thực là cái chứng rằng thế quân đã núng vậy. Ít lâu nữa, quân Pháp sẽ có quân Mĩ sang giúp nhiều, thì còn có thể tiến lên hơn nữa mà đuổi dần được hết quân Đức ra ngoài địa-hạt.

Ở mặt Tỉ thì quân Anh vẫn còn đánh ở khoảng thành Ý-bối-nhĩ (Ypres) và thành Lỗ-lặc-nhĩ (Roulers). Các trận-địa đều giữ được cả, mới rồi tiến lên ngót 10 cây-lô-mét, cướp lại được nhiều làng nhiều xóm.

∴

Mặt quân Ý. — Thế quân ở mặt này đã qua một buổi nguy-hiểm. Từ hạ tuần tháng mười có điện nói rằng quân Áo hội sức với quân Đức đánh vào suốt dọc quân dữ lắm. Đến cuối tháng thì thấy nói quân Đức Áo đã tràn vào đất Ý, quân Ý phải bỏ các nơi đã chiếm được mấy tháng trước, như thành Khắc-li-tát (Goritza), thành Ngô-đinh (Udine) là nơi đại-doanh đóng, mà rút về hữu-ngạn sông Đạt-khắc-li-á-môn-đô (Tagliamento). Từ đấy lùi dần về đến đường sông Tỉ-á-phu (Piave). Hiện nay thì tựa vào sông ấy làm nơi căn-cứ mà chống lại quân Đức. Còn sợ quân Đức tràn vào đến thành Duy-ni-ti (Venise) là một nơi danh-đô của nước Ý, một chốn danh-thắng nhất trong thế-giới. Được tin quân Ý phải

rút về, nước Pháp nước Anh lập tức đem quân sang cứu-viện. Hiện đã sang được nhiều, đóng ở quanh miền thành Duy-ni-ti, giao quyền đái-lĩnh cho một tướng Pháp, Phi-nhạc-nhĩ tướng-quân (Général Fayolles), đã chước danh ở trận sông Tô-mặc (Somme) độ trước. Lại đặt một hội-đồng gồm các danh-tướng ba nước Pháp, Anh, Ý, để bàn định về việc hành-chiến.

Mong rằng nước Ý nhờ được quân cứu-viện sẽ hết sức mà đánh dấn lên để đuổi được quân Đức-Áo ra ngoài bờ cõi mà khôi-phục lại cái hàng trận đã giữ được hai năm nay.

∴

Mặt quân Nga — Nước Nga chìm đắm vào trong sóng nội-loạn, không thiết đến việc chiến-tranh nữa. Các nơi trận-địa thì cũng chỉ giữ thế thủ, chưa dám dùng thế công. Bởi thế nên quân Đức-Áo được thư về mặt ấy mới rút nhiều quân đem xuống hai mặt Ý-đại-lợi và Lỗ-mã-ni, làm cho quân Ý phải thất-lợi như trên kia.

Còn các mặt quân khác thì vẫn như thường, không có đâu đánh trận nào to cả.

∴

Quân đội nước Mĩ. — Trên kia ta đã nói các nước Đồng-minh có thể mong nước Mĩ giúp được nhiều. Nay dịch một bài trong « Ba-lê Thời-báo » (*Le Temps*), nói về cách nước Mĩ lập quân-đội, luyện quân-lính thế nào.

« Hiện nước Mĩ đã đem sang Pháp một sư-đoàn quân để luyện-tập sắp ra chiến-trường; ở bên Mĩ thì các sổ tuyển-lính đã làm xong, đem ra rút thẻ có nhẽ nay mai được đến 60, 70 vạn người nhập-ngũ. Vậy giữa lúc này nên xét xem nước Mĩ trong ba tháng đầu đã làm được những việc gì để giúp cho việc chiến-tranh. Cái công-phu của nước ấy thật là to tát mà sự kết-quả đến nay cũng đã rất là nhớn-nhao. Nước Mĩ vốn không định can-thiệp vào sự chiến-tranh, nhất-đán nhập-cuộc, chưa có dự-bị gì, nhất-thiết phải sáng-tạo cả, thế mà làm được nhanh như thế, mạnh như thế, thì khá biết cái khí-lực nước ấy mãnh-liệt là dường nào.

« Quân-đội nước Mĩ thì đại-khái cũng như quân-đội nước Anh, có nhiều hạng người khác nhau, gồm lại theo thể-chế chung: phần cốt là quân thường-bị trong nước, rồi đến quân vệ-binh của các liên-bang, rồi đến quân trưng-điệu. Quân thường-bị thì nguyên 12 vạn, tăng thêm đến 29 vạn, bộ-binh tăng được 27 đại-đội, kỵ-binh 6 đại-đội, dã-pháo 12 đại-đội, không kể đội trọng-pháo, đội máy bay, quân thuộc-địa, các bộ-tì phụ-thuộc, cùng bộ-binh của thủy-quân nguyên có một sư-đoàn nhớn (1 vạn 7 nghìn người) mà tăng đến một quân-đoàn. Quân vệ-binh cũng tăng đến quá gấp hai, trước 16 vạn, nay 40 vạn, chia làm 16 sư-đoàn bộ-binh (là tính theo sư-đoàn của Mĩ, mỗi sư-đoàn 9 đại-đội bộ-binh, 1 đại-đội kỵ-binh, 3 đại-đội dã-pháo). Còn số quân trưng-điệu thì sẽ được 16 sư-đoàn bộ-binh, thêm 2 sư-đoàn kỵ-binh, ít nhiều đại-đội trọng-pháo, 8 đội máy bay, không kể các đội chuyên-môn về công-binh, các đội pháo-binh ở bờ bể (pháo-binh ấy ở bên Mĩ là một quân-đội đặc-biệt).

Tổng-cộng lại thì cả quân-đội Mĩ sẽ được đến 40 sư-đoàn bộ-binh, tính theo số-ngạch riêng của nước Mĩ, tức là được đến 1 triệu 20 vạn người. Trong số ấy thì những đại-đội của các hạng quân cứ đánh số liền nhau, không có phân-biệt, mà theo thứ tự như sau này: thứ nhất quân thường-bị, thứ nhì quân vệ-binh, thứ ba quân trưng-điệu. Hiện bây giờ thì các trại chứa, các đồn giữ bờ bể, các thuộc-địa (một sư-đoàn

ở Phi-luật-tân), các đồn giữ địa-giới Mạc-tây-kha, còn yêm-trệ mất một phần quân-đội ấy. Nhưng chính-phủ Mĩ định còn rút thăm tuyển một lần nữa, lấy ước chừng 50 vạn người chiếu theo các sổ tuyển đã làm xong từ lần trước.

« Cái số 70 vạn người đã tuyển xong sắp cho nhập-ngũ năm nay thì chia ra làm 16 trại, hiện đương luyện-tập riết lắm. Trong mỗi trại thì có 2 nghìn 5 trăm người tập làm quân-quan, chọn trong số ấy cũng đủ quân-quan cho một sư-đoàn bộ-binh và một đại-đội kỵ-binh. Tự nửa tháng 5 đến nửa tháng 8 thì dạy một tháng phổ-thông, hết thảy phải tập phép vận-động của bộ-binh, rồi đến hai tháng sau thì dạy chuyên-môn, ngạch-quân nào tập riêng phép của ngạch-quân ấy.

« Cả cái số những người tập làm quân-quan được 4 vạn người, và đã lọc một lần rồi trong số 20 vạn người đầu đơn. Phần nhiều là những người thiếu-niên học-trò các trường đại-học, đã sành nghề thể-thao lắm, tình-nguyện xin vào tập ; nhưng ngoài những hạng ấy còn cho cả các chân cai-đội quân thường-bị cùng những viên quân-quan của quân vệ-binh và quân trừ-bị, vào tập nữa. Phép dạy thì đều cả, ai cũng như ai ; đến khi bổ sung quân-quan thì ai có tư-cách là được bổ, không có phân-biệt hạng nào cả. Bổ thì bắt đầu từ chức thiếu-úy (*sous lieutenant*) cho đến chức thiếu-tá (*major*), hạn tuổi đại-úy (*capitaine*) thì phải 40, mà thiếu-tá thì 45 tuổi. Cứ theo lệ thì người nào giỏi có thể bổ ngay làm đại-úy hay thiếu-tá được.

« Những quân-quan mới ở các trường tập ra thì sẽ được đến 1 vạn người, thêm với quân-quan cũ thì được đến 3 vạn, vừa đủ để kèm dạy các lính tuyển mới, vừa đủ để bổ khuyết cho các ngạch quân-quan sau này. Hiện lại còn sắp mở một lượt trường quân-quan nữa, những người đầu đơn vào học đã được đến hơn 1 vạn 6 nghìn là cái số định sẵn.

« Nước Mĩ đã giải-quyết cái vấn-đề về quân quan một cách vừa bạo vừa nhanh như thế rồi, bèn cũng dùng một phương-pháp giản-dị ấy mà tập-luyện những lính mới tuyển. Đặt ra làm 16 khu nhớn để cho lính đóng, mỗi khu như một tỉnh con, bộ lục-quân hết sức sây dựng xếp đặt rất chỉnh-đốn. Lại sắp đặt thêm bấy nhiêu khu nữa để nhận lính vệ-binh.

« Ấy cái thể-chế đại-khái của quân-đội nước Mĩ hiện nay như thế. Chắc đó mới là định xong cái chương-trình nhớn mà-thôi, trong khi thi-hành còn nhiều cái vấn-đề nhỏ nữa. Nhất là có hai cái như sau này :

« Một là về pháo-binh, thì tuy các hạng khinh-pháo trọng-pháo chế theo kiểu của nước Pháp đã đủ cả và tốt lắm, nhưng các ngạch quân-quan còn khiếm-khuyết nhiều lắm. Hiện những quân-quan về pháo-binh của quân thường-bị không có mấy, thế tất phải mượn một phần quân-quan của các đội pháo-binh giữ bờ bể.

« Hai là về đạn-dược thì hiện đã có một tòa « Đạn-dược tổng-cục » (*General munition board*) họp quan các bộ cùng những đại-biểu của các công-nghệ, của lục-quân hải-quân để chủ-trương điều-đình về việc chế-tạo, làm khế-ước với các xưởng nhớn khiến cho phải kiệt-lực mà cung-cấp đạn-dược cho nhà nước.

« Lại còn có một tòa nữa gọi là « Phi-cơ chế-tạo cục » (*Aicraft production board*) để coi sóc về việc chế các tầu bay. Cái chương-trình về tầu bay rất là rộng. Mới đầu định chế 3 nghìn 5 trăm chiếc một năm, kế sau có luật định để riêng một khoản 6 trăm triệu đồng bạc (*dollars*) để chế 2 vạn 2 nghìn chiếc tầu bay và 4 vạn 5 nghìn cái máy động-cơ (*moteurs*)

cùng các cơ-quan khác. Đến việc dạy nghề bay thì ngoài sáu ban dự-bị đặt ở các trường kỹ-sư ở miền đông-bắc nước Mĩ, hiện còn đương lập ra chín trại máy bay nữa, mỗi trại sẽ có thể nhận được ngay 3 trăm học-trò. Vả về đường luyện-tập thì đã có một toán quân máy bay của Mĩ sang tập bên Pháp, mà nước Pháp thì gửi sang Mĩ một phái-bộ những nhà chuyên-môn nghề bay chia ra các trại.

« Còn như quân vệ-sinh thì ngạch quân quan, đồ dụng-cụ, nhất-thiết phải sáng-lập cả. Hiện từ đầu tháng 6 đã mở được 4 trại dạy học các học-trò thầy thuốc, mỗi trại là 6 trăm người. Như thế thì cũng có thể chóng luyện-thành được đủ người dùng.

« Ấy là kể đại-lược cái tình-hình nước Mĩ về việc quân như thế, chỉ kể những điều đã từng công-bố cho thiên-hạ biết, mà không nói đến các quân chuyên-môn, các bộ vận-tải tri-trọng (*transports et équipages*), phần ấy là phần công-việc dễ nhất cho nước Mĩ, vì nước Mĩ là nước công-nghệ thịnh nhất trong thế-giới. Cứ xét thế thì cũng đủ biết cái đại-thế của quân-đội nước Mĩ hiện bây giờ mà lượng được cái kết-quả về sau này. Đó là công-phu của quan lục-quân tổng-trưởng nước Mĩ họ Ba-cơ (Baker) đã tận-tâm tận-lực mà đảm-nhiệm mọi việc, lại được những người giúp việc giỏi như tướng Ti-khuê (Squier) coi bộ máy bay, họ Cô-phân (Coffin) làm trưởng Phi-cơ-chế-tạo-cục (*Aicraft production board*), tướng Khắc-lâu-đức (Crowder) là người đốc-suất việc kê sổ tuyển lính, làm khéo và ổn-thỏa lắm, chưa đến hạn đã xong cả, rất là đáng khen, vì làm sổ một dân hơn trăm triệu người như dân Mĩ không phải là một việc dễ vậy. »

VIỆC CHÍNH-TRỊ

Tình-hình nước Nga. — Tình-hình nước Nga rối như mớ bòng-bong. Những điện-tín ở Nga-kinh lại cũng mập-mờ, không biết thực-hư thế nào. Hiện bây giờ không rõ chính-phủ vào tay ai. Đảng quá-kích (*maximalistes*) mỗi ngày một lộng lẫy, lại kết-liên với những hội ủy-viên của các quân-đội (tiếng Nga gọi là *soviets*) vào cướp Nga-kinh, đuổi chính-phủ cũ của thủ-tướng Kiệt-lăng-ti-cơ (Kerensky). Thủ-tướng Kiệt phải chạy trốn, mấy viên chính-phủ phải bị bắt. Đảng quá-kích đã thắng-thế rồi, giao cho lĩnh-tụ là tên Lê-ninh (Lenine) lập chính-phủ mới. Lê-ninh thì nghe như có ý về bè với Đức để phản nước, chỉ bàn sự giải-hòa, sự đình-chiến. Có điện gần đây nói thủ-tướng Kiệt đã kết-liên với thống-tướng Cô-nhĩ-ni-la-phu (Kornilof), và đại-tướng Cát-li-đinh (Kalidin) coi quân Kha-tát-khắc (*Cosaques*) vào đánh lấy lại được Kinh-đô và phá được chính-phủ của đảng quá-kích. Nhưng lại có tin khác nói rằng đảng ấy vẫn còn thế-lực lắm. Cái chân-tình còn chưa được rõ. Cứ như thế thì không khỏi có ngày lưu-huyết được.

Đáng ái-ngại thay là cái vận-mệnh của Kiệt thủ-tướng đã hết lòng hết sức vì nước mà nay trông thấy nước như thế thì trong bụng đau đớn biết chừng nào !

*
* *

Nước Pháp lại đổi Nội-các. — Tòa Nội-các Painlevé mới cầm-quyền được hai tháng giời, nay đã đổi rồi. Sự thay đổi ấy là cái lệ thường của các nước dân-chủ. Nhân vì việc mấy cái án tư-thông với giặc, tòa Nội-các trước không quyết xong, nên nghị-viện không biểu lòng tin, các viên Nội-các phải từ chức. Tòa Nội-các mới giao cho ông Clémenceau lập. Ông là một tay cự-phách trong chính-giới, mà là một người rất

hách-dịch, các đảng chính-trị đều khiếp sợ, thường gọi là « ông Hầm » (*le tigre*). Ông năm nay đã 76 tuổi mà người còn mạnh-mẽ lắm, còn dư sức mà gánh vác việc nước. Tòa Nội-các mới lập như sau này ;

Nội-các tổng-lý kiêm binh-bộ . . .	CLÉMENCEAU
Tư-pháp bộ . . .	NAIL
Ngoại-vụ bộ . . .	PICHON
Nội-vụ bộ . . .	PAMS
Tài-chính bộ. . .	KLOTZ
Thủy-quân bộ . .	LEYGUES
Thương-vụ bộ . .	CLEMENTEL
Công-bộ. . . .	CLAVEILLE
Quân-giới bộ. . .	LOUCHEUR
Học-bộ	LAFFERRE
Thuộc-địa bộ . .	SIMON
Lao-động bộ. . .	COLLIARD
Quân-nhu bộ. . .	BOLT
Hải-chiến phong-tỏa bộ.	JONNART[1]

Phần nhiều các viên tổng-trưởng mới là những người lạ cả. Trừ mấy viên đã thuộc về tòa Nội-các trước, còn có hai người nữa chước-danh hơn cả là ông PICHON và ông JONNART. Ông PICHON đã nhiều lần sung ngoại-vụ bộ, ông JONNART thì khi xưa làm toàn-quyền Bắc Phi-châu, mới rồi làm đặc-sứ sang Hi-lạp, bắt được vua Hi-lạp cũ là em rể Đức Hoàng phải thoái-vị. Nhưng trong một tòa Nội-các, trọng yếu nhất vẫn là chức tổng-lý, mà chức ấy đã vào tay ông CLÉMENCEAU thì còn ai chắc bằng? Chỉ mong rằng ông được khỏe mạnh mà giữ lấy trọng trách lâu dài.

⁂

THỜI SỰ NƯỚC TÀU

Cái ám-trào về chính-trị. — Nước Tàu hiện nay, tuy là các tỉnh miền tây nam phản đối miền bắc ; nhưng cái mục đích cốt nhất là đạp đổ quyền nội-các của ĐOÀN KỲ-THỤY mà người đứng lên để đạp đổ ĐOÀN KỲ-THỤY, thì không những là các tỉnh phía tây nam đem quân chống cự thôi đâu, trong việc đó chắc có cái thế-lực ngầm bức cận với Đoàn, nhân dịp khua động chớ chẳng không.

Cứ trong báo « *Đại-lục* » xuy xét thì cái ám-trào chực để đạp đổ họ ĐOÀN khởi ra từ Nam-kinh, mà người tay trong về các sự ấy trong hai tháng nay, có lẽ là Tổng-thống PHÙNG QUỐC-CHƯƠNG. Nguyên từ khi PHÙNG đến Kinh, thì PHÙNG với ĐOÀN hai người vẫn ganh cạnh nhau luôn luôn, mà Đốc-quân các tỉnh như Nam-kinh, Giang-tây, Hồ-bắc, thì lại thuộc về trong vòng thế-lực bè họ PHÙNG.

Tháng trước, LÝ THUẦN 李純 ở Giang-tô, TRẦN QUANG-VIỄN 陳光遠 ở Giang-tây, VƯƠNG CHIẾM-NGUYÊN 王占元 ở Hồ-bắc, ba viên đốc quân ấy tiên danh điện về Bắc-kinh, cầu xin tổ-chức nội-các khác. Cái thái-độ chủ trì thiệt thận-trọng chưa đến nỗi quyết liệt chi cả, nhưng rành rành đã cùng với cái thế-cục miền nam hưởng-ứng, mà PHÙNG thì ném đất dấu tay, giữa cái tiếng tuân giữ ước pháp, công việc đổ cả một mình quan tổng-lý. Cho nên các vấn-đề giao thiệp gần đây, đều đổ cả một mình ĐOÀN nhậm trách, cốt nhất là cái vấn-đề « quân-giới đồng-minh » đối với nước Nhật, đến nỗi các mặt đứng lên phản đối với ĐOÀN, đã tới chia ba hai phần nước, mà Đốc quân Nam-kinh là LÝ THUẦN phản đối càng riết lắm ; chỉ ngại từ đây cả cái trung-bộ hình-thắng trong nước, cũng lại lung tung giống miền nam, rồi mà PHÙNG hở lẽ đơm lấy cái lợi phần hơn, cũng chưa biết đâu đó.

⁂

Tham-nghị-viện nước Tàu mở hội. — Quốc-hội nước Tàu, khi nổi khi tan, không biết thế nào mà hình trạng, kỳ

(1) Mới có điện sau cùng nói ông JONNART cáo bệnh, ông LEBRUN lĩnh chức thay.

trước Bản-báo đã có nói, bây giờ hiện ở Bắc-kinh lại có lệnh mời họp « lâm-thời-tham-nghị-hội ». Ngày 10 tháng 11 đã khai hội, nghị-viên tại hội 98 người. PHÙNG và ĐOÀN hai người cùng tới hội diễn-thuyết với các hàng nghị-viên. Công-sứ các nước cũng đến tham-quan. Hôm đó phần nhiều nghị-viên bầu một người có tuổi tên là TRƯƠNG PHỤNG-DI 張鳳台 ở Hà-nam làm chủ-tịch. Đến như số người trong viện, thì đảng *tiến-bộ* 進步 có 38 người, đảng *thảo-luận* 討論 có 34 người, còn các viên khác thì thuộc về bè trung-lập.

∴

Nước Tầu đối với việc Nhật-Mỹ hiệp-ước. — Cái việc Nhật Mĩ hiệp ước thành-lập, nó quan-hệ về vận-mệnh nước Tầu thế nào? Chưa có thể nói được. Cứ sứ thần Mĩ giải nghĩa với bộ ngoại giao Tầu thì rằng nước Mĩ chả qua vì nước Nhật ở liền với Tầu, các việc thương-nghiệp, thực-nghiệp, đọ với nước khác chiếm nhận riêng một phần hơn, còn như sự thực, thì thiệt là không có ý gì khác. Nhưng xem nhời bàn của báo Nhật thì tựa hồ như thích ý thỏa lòng, mà các báo Tầu thì lại gào to kêu réo, chẳng khác như mình có tội chết, mà người đã đọc án vậy. Chúng ta dò 3 cái phương-diện ấy mà xem, không dám bảo cái hiệp-ước ấy thành lập, đối với vận-mệnh nước Tầu, toàn không quan-hệ, mà cái thế lực của Nhật-bản ở Đông-phương sau này, cũng đủ biết to-tát là dường nào vậy.

VIỆC ĐÔNG-DƯƠNG

MỘT BÀI DIỄN-THUYẾT CỦA QUAN TOÀN QUYỀN XA-LỘ. — Các nhà báo Nam-kỳ, vừa báo tây, vừa báo An-nam, độ trước bàn họp nhau lại thành một hội đồng-nghiệp đặt tên là « Nam-kỳ báo-quán liên-hợp hội » (*Syndicat de la Presse Cochinchinoise*), mục-đích là để đồng-tâm hiệp-lực mà bênh-giữ quyền-lợi cho nhau, cùng đặt phương-trâm chung để cùng nhau thi-thố cho có hiệu-lực. Hội ấy sau khi lập thành có mời quan Toàn-quyền XA-LỘ làm chức « danh-dự-hội-trưởng » (*président d'honneur*), lấy rằng quan Toàn-quyền ngài vốn là một tay « báo-gia cự-phách », lại từ khi ngài sang trọng nhậm xứ này bao giờ cũng có lòng cảm-tình với các nhà báo bản-xứ, nên mời ngài làm người « cha đỡ đầu » cho cái hội đồng-nghiệp mới này thì còn gì vẻ vang bằng. Quan Toàn-quyền quả sẵn lòng vui vẻ mà nhận chức ấy. Bởi vậy các nhà báo Nam-kỳ định mở một cuộc rượu để hoan-nghênh ngài. Ngày 30 tháng 10 trước, họp tại nhà Đại Khách-sạn Sài-gòn, đúng 9 giờ chiều quan Toàn-quyền tựu hội. Ông Hội-trưởng là ông Hắc-lỗ-lí (HÉLOURY), chủ báo « Dư-luận nhật-báo » (*l'Opinion*) đứng lên đọc một bài diễn-thuyết mừng rất dài, thay nhời các bạn đồng-nghiệp mà ca-tụng cái công-nghiệp hay của quan Toàn-quyền ở xứ Đông-dương này. Diễn đoạn, kế đến ông nghị-viên Nam-kỳ ở Hạ nghị-viện, là ông Âu-đích-lôi (OUTREY), đương đi phái-bộ ở bên này, lại nhân cũng có chân hội, đứng lên diễn-thuyết một bài nữa, nói về các vấn-đề quan-hệ đến việc chính-trị kinh-tế xứ Đông-dương. Sau cùng đến quan Toàn-quyền Xa-lộ đại-nhân đọc bài diễn-thuyết bản báo dịch sau này, văn-chương rất hay, ý-kiến rất cao, thực là tỏ lòng yêu mến nghề báo vô cùng. Bản-báo tiếc nhời văn quốc-ngữ non nớt không thể dịch được hết ý.

Thưa các ngài,

Trong bài diễn-thuyết của ông chủ-hội mới rồi có mấy câu quá khen tôi có tài hùng-biện ; tôi cũng ước-ao được như nhời khen ông chủ-hội, mà mong rằng sẽ đủ nhời để cảm ơn ông cái bài diễn-thuyết ấy, tôi nghe lấy làm cảm-động lắm, cùng để tỏ lòng thâm-tạ của tôi với các báo-quán xứ Nam-kỳ đã có bụng hoan-nghênh tôi ngày hôm nay.

Các nhà báo thường giữ cái nhiệm-vụ đánh-hạch chính-phủ, thế mà nay một lòng biểu động-tình với người đứng đầu chính-phủ, thì thực tôi lấy làm một cuộc thú không thường có. Song không phải là chỉ vì một cái thú đó mà tôi muốn giãi cái cảm-tình tôi với các ngài. Cái cảnh-tượng hòa-hợp như ngày hôm nay nó còn có cái nghĩa thiết-yếu hơn, nghĩa ấy rồi chốc nữa tôi sẽ giải. Nhưng hiện nay tôi hằng muốn hưởng cái thú lạ lại được ngửi cái khí-vị nghề nhà, khí-vị ấy từ khi tôi mới biết tư-tưởng với đời đã hình như đằm-thắm cả cái cuộc thân-thế của tôi vậy.

Tôi cùng ngồi với những nhà làm báo, thì tôi lại hồi-tưởng từ xưa tôi vẫn là một tay làm báo, mà tự-nghĩ hiện nay tôi cũng chưa khỏi là tay làm báo, mà về sau nữa cũng vẫn còn là tay làm báo. Vì ai đã từng đem thân vào nghề làm báo thì cái nghề ấy nó thành nghề tuyệt-phẩm, nghề bất-dịch, nghề chung-thân vậy. Nó là cái mũnh áo đã khoác lên vai không bao giờ cởi ra được nữa : hoặc có khi khoác cái áo khác ra ngoài, hoặc có khi đeo cái áo-giáp có vẻ sán-lạn hơn mà nặng-nề biết chừng nào ; nhưng bao giờ sợi vải của cái áo kia nó vẫn xát vào người mà tùy lúc hoặc nóng cháy da, hoặc lạnh buốt thịt. Người nào đã dùng cái áo ấy làm cái khí-giới trong lúc tranh đua thì đến khi già-cỗi rồi cũng mặc một cái áo ấy mà chết. Bởi thế nên tôi gọi các ngài là bạn đồng-sự của tôi, không phải là tôi có ý dùng một câu nói đùa bóng bẩy ; thực là tôi giãi cái lòng tưởng nhớ của tôi, thực là tôi thả cho cái tư-tưởng tôi bay bổng lên những chốn cao-xa.

Kể đến nay đã ngót hai mươi tám năm — tôi nói thế tưởng các ngài nghe tôi cũng không trễ lại được — bấy giờ tôi bắt đầu bước chân vào cái nghề tự-do này. Cha tôi là nhà làm báo, anh tôi cũng là nhà làm báo, tôi tựa hồ như sinh-trưởng trong đống giấy báo cuồn cuộn tự trong máy in bắn ra. Tôi ham nghề nhà đến nỗi mấy tháng nhà trường nghỉ hè mặc áo thợ suốt ngày ở nhà in.

Từ đấy tôi đã đi lần hết cái hành-trình của nhà làm báo, trước còn chuyên những mục « tạp sự », rồi qua đến mục « thời đàm », rồi mới tiến lên đến trang đầu là mục « xã-thuyết ». Mà có nhẽ đến khi tôi giở về già, tuổi nhiều sức yếu, không gánh vác được những công-việc nặng-nề nữa, thì bấy giờ lại quay về làm báo, ở cái nhà cũ ở thành Đô-lỗ-ti (Toulouse) kia, quanh mình những tiếng máy sập-sã, mùi giấy mùi mực thơm lừng, còn có thể ngồi cầm ngọn bút, lấy nhời văn giản-dị mà viết bài thời-đàm nhỏ về thuộc-địa, cũng là có ích-lợi cho xứ Đông-dương ta được chút-đỉnh vậy.

Hoặc có người nghe tôi tính việc về sau thế mà buồn cười, nhưng phàm ai đã biết cái nhiệm-vụ cao-thượng, đã từng được hưởng cái thú tuyệt-phẩm của nghề làm báo, thì mới biết nhời tôi nói là thực. Kể cái nghề làm báo cũng là một nghề khó nhọc thực, mà thường lắm khi lại phẫn chủ nữa, nhưng người nào đã là người nhiệt-thành về nghề ấy thì mới biết rằng nhiều lúc nó cũng cho người ta lắm cái thú thanh cao tuyệt-đích để đền lại cái khổ-não những khi đua-tranh khốn-nạn. Một tờ báo ! một ngọn bút ! Còn cái nguyên-động-lực nào mạnh bằng ! Người ta ở đời như đứng trong cái xưởng sinh-hoạt nhớn, nhân loại đương cố công cùng sức mà tiến lên cho đến cõi Công-lý là cái nơi ai ai cũng nhiệt-tâm mong cho tới đến được, như thế mà mình được đem dùng cái nguyên-động-lực kia để giúp cho cái lòng hi-vọng này, thì trần-gian còn cái khoái-lạc nào bằng cái ấy nữa ! Trong khi nhân-loại tiến lên như thế để cầu lấy sự thực sự hay, thì những tư-tưởng này, chủ-nghĩa kia khởi lên bời-bời, tranh nhau kịch-liệt, mình đứng giữa mà biểu-dương ra cái lý-tưởng nào là cái lý-tưởng chân-chính, cái lý-tưởng khá sáng tạo được những sự-nghiệp hay, đem phô bầy ra cho mọi người biết, đem ban bố trong công-chúng, lấy mà kích-thích tinh-thần người ta, chiếu-diệu tâm-trí người ta, tự coi mình như người lính thổi kèn để truyền sự thực, báo tin lành, tự coi mình như người quân tiên-phong tay cầm đuốc để chiếu-sáng vào trong đám người u-ám sầu-khổ, để mở đường cho cái công-lý nó sắp đến, còn cái nhiệm-vụ nào đẹp bằng, còn cái phẩm-giá nào cao bằng, mà đáng cho một đời người nên tận-tụy vì đấy ! Không những thế ; trong cái công việc hàng ngày, trong sự chiến-đấu hàng giờ để bênh

cho cái quyền-lợi người ta phạm-hại, giữ cho cái tự-do người ta giẫy xéo, biểu cái công-đức người ta không biết đến, cáo những sự tệ-lạm của kẻ gian-phạm, thiên-hạ đều sợ hãi không ai dám nói, mà một mình mình nói to lên cho ai ai cũng biết, mình là cái nhời ngôn-luận tự-do, mình là cái lương-tâm không chịu khuất-nhục, đối với cái cường quyền nó áp-chế người ta, để bênh vực cho kẻ công chúng, cho kẻ nghèo hèn, cho kẻ bị áp-ức khốn-khổ, mình là người võ-sĩ của cái công-lý, nghiễm-nhiên là một cái quyền-thế đối với cái quyền-thế của kẻ có quyền, còn cái thiên-chức nào hay bằng, quảng-đại bằng, tôi thử hỏi một đời người còn cái mục-đích nào cao-thượng bằng cái mục-đích ấy nữa không?

Các ngài nghe tôi nói như thế tất tự-nghĩ rằng đó là những nhời của nhà làm báo khi xưa với nhà làm báo sau này, không phải là nhời của ông Toàn-quyền ngày nay, mà có nhẽ ông Toàn-quyền chốc nữa về buồng giấy trông thấy đống nhật-trình trên bàn chẳng khỏi hối-hận rằng cái nửa người làm báo kia đã phản cái nửa người làm quan này mà quá nói những nhời khuếnh-khoáng. Nếu quả các ngài nghĩ như thế thì là nghĩ nhầm. Về việc này, nhà làm báo với nhà làm quan bao giờ cũng cùng một ý-kiến như nhau. Người ta đã suốt một đời người mang một cái lòng tín-ngưỡng về cái thiên-chức của nghề làm báo — các cụ ta ngày xưa gọi nghề ấy là một tôn-giáo đó — thì không có thể nhất-đán đương ở bên bờ rào này bước sang bên kia, nghĩa là mình trước đã « đầy » người nay bị người « đầy » mình, mà bỏ ngay được cái lòng tín-ngưỡng ấy. Lòng tín-ngưỡng ấy nó vừa có cái sức mạnh thiên-nhiên mà lại vừa bởi sự suy-nghĩ mà ra: trông thấy ngày nay đường ngôn-luận được tự-do, hồi-tưởng ngày xưa ông cha ta phải khó nhọc khổ-sở bao nhiêu mới thu-hoạch được cho ta cái quyền tự-do ấy, thì lòng tín-ngưỡng lại càng vững-bền thêm lên, không thể nhất-đán mà phản-bội được, không thể lấy nhời khôn-khéo mà vùi-rập đi, như Lôi-năng (Renan) tiên-sinh nói đem tấm lụa hồng mà bọc tượng ông thần người đời không thờ phụng nữa. Về phần tôi thì tôi có thể quyết rằng không bao giờ đổi cái lòng tín-ngưỡng ấy, dù những lúc vì đó mà phải những sự bực mình khó chịu cũng vậy.

Vì các ngài tất cũng nhớ rằng năm xưa các báo-quán xứ Đông-dương đối với tôi thực chưa được gọi là có cái cảm-tình hoàn-toàn. Buổi chiều hôm nay là buổi tôi được vui-vẻ mà gặp các nhà báo ở đây, lại là buổi được đồng-tình đồng-ý với ông Nghị-viên Nam-kỳ ngồi đây, tưởng tôi nhắc lại điều ấy cũng không nặng lòng cho ai. Nên dẫu nói rằng các báo-quán khi xưa chưa từng được nhiều lần hái hoa các vườn nhiệt-đái để tặng tôi, cũng không phải là nói quá. Hay muốn nói cho đúng hơn thì phải nói rằng cũng có lắm khi các nhà báo dâng hoa tôi thực, nhưng không phải là để rắc trên đường tôi đi, lại muốn quẳng lên cả vai tôi nữa, khác nào như nhà tế-chủ đời xưa buộc hoa vào con hi-sinh để dắt đến nơi tế trường. Có điều khác là tôi không cam chịu làm hi-sinh, mà tôi ra tay chống-cự lại, có thể thì ngày nay bọn ta mới được cái cảnh lạ này, là cái cảnh bọn tế-chủ lại hòa-hợp mà hoan-nghênh con hi-sinh, họp nhau lại mà uống trên rượu, không phải là chén rượu cùng thần trong truyện cổ. Nhưng mà thôi, tôi dùng cái câu tỉ-dụ ấy thực là không được tốt cho tôi lắm. Tôi chỉ muốn giải để các ngài rõ rằng dù những khi bọn phản-đối hết sức công-kích tôi, tôi cũng không hề bao giờ nghĩ đến giảm quyền ngôn-luận tự-do của các báo-quán để giả thù lại những sự người ta bài-bác tôi, tôi không hề vì một vài người làm lẽ trái phép mà đến nỗi phải bỏ cái lòng tôi tín-ngưỡng xưa nay. Họ đã dùng nhầm cái quyền tự-do, thì tôi lại để cho tự-do mà sửa lại, tôi cố dung-túng mong rằng tự khắc có ngày đâu vào đấy. Miễn là mình biết kiên-nhẫn, biết vững lòng, còn cứ nên phó mặc cho ngày giời tháng bụt. Mà quả như vậy, ngày nay có phải cái tình-thế đã đổi cả không? Chỉ vì hai bên đều biết lấy cái tự-do mà đối-đãi nhau một cách thành-thực, không bên nào đến nỗi mất cái tự-do của mình, bên phản-đối kia thì không ai phải khuất-tất mà tổn-hại đến danh-giá, đến quyền độc-lập của mình, mà bên tôi thì tôi cũng không cần phải dùng đến những thủ-đoạn phản-trái với cái lòng tín-ngưỡng rất sâu rất bền trong một đời tôi.

Cũng vì tôi một lòng tin cậy các báo-quán như thế, nên từ khi mới bước chân về đây tôi bãi bỏ ngay cái lệ kiểm-duyệt. Tôi cũng biết rằng thiên-hạ nhiều người oán-trách cái lệ ấy lắm. Nay tôi đã bãi nó đi rồi, tôi tưởng tôi có quyền được tha thứ cho nó, không những có quyền mà lại có cái nghĩa-vụ nữa. Người ta phải biết đoái thương đến những kẻ mình đã quá tay giết mất. Cái lệ kiểm-duyệt các báo ở nước Pháp ta — tôi nói

đây là nói từ khi mới khai-chiến — đặt ra không phải là vì cái lòng hẹp-hòi muốn tránh cho những người cầm quyền khỏi phải các nhà báo chỉ trích. Nhà làm luật lập ra lệ ấy là vì cái nhẽ cao-thượng thuộc về việc quốc-phòng, muốn giữ những nhời ăn tiếng nói có nguy-hiểm đến việc ấy. Nhưng nước ta là một nước có cái tư-tưởng dũng-dược, không quen chịu những sự hạn-chế như thế, nên muốn thi-hành cái cách hạn-chế ấy không phải là việc dễ. Dù người phải dùng cách ấy, dù người phải chịu cách ấy, hai đằng cũng đều lấy làm phiền-hà cả ; người phải dùng thì không quen, người phải chịu thì cố cưỡng, thành ra cái tệ lại càng thậm. Các quan trước tôi vì tình-thế mà phải dùng qua đến cái cách hạn-chế ấy, may sao đến lượt tôi nhờ vận-mệnh dành cho không phải vào cái địa-vị ấy. Giả-xử tôi phải làm như thế, có nhẽ tôi lại vụng hơn người trước, trừ ra cái hồn cũ nhà làm báo ở trong người tôi nó có giúp được chút nào thì không kể. Dù thế nào nữa, tôi cũng chắc rằng chính cái hồn ấy nó xui tôi gên lấy lòng thành-thực mà đãi các ông, nên để lòng tin các ông ngay từ lúc mới đầu, tin rằng thế nào các ông cũng biết hiểu cái nghĩa tự-do mà trọn cái đạo làm dân của mình. Không những một thế mà thôi đâu. Ông chủ-hội lúc nãy đã nói, nay tôi lại nói lại để ai nấy đều biết rằng tôi thực là phục cái bụng của các ông lắm : là nhiều khi tôi đã từng cho các ông biết lắm việc bí-mật trong nước, giải bày riêng cho các ông nghe cái tình-hình chân-chính của nhiều việc, mà dặn các ông rằng những việc ấy không nên tiết-lộ ra vội, chỉ nên cho thiên-hạ biết vừa vừa mà thôi. Tôi giao cho các ông những điều cơ-mật của tôi, mà tôi chỉ lấy lại có cái nhời ước của các ông mà thôi. Thế mà tôi không hề thấy ai trái nhời ước cả. Tôi tin các ông, các ông cũng tin tôi, tôi thành-thực với các ông, các ông cũng thành-thực với tôi. Các ông đã một lòng với tôi như thế, thì tôi chỉ hứa với các ông một điều : là hễ bao giờ có kẻ nào ra tay xâm-phạm đến các báo-quán xứ Nam-kỳ thì các ông không phải một mình ra nơi quyết-đấu. Tôi cũng sẽ ở đấy với các ông.

Sao vậy ? Có phải là vì các ông đã không thất-ước với tôi, ư ? Chính phải thế, nhưng nhẽ đó mới là một nhẽ, còn một nhẽ nữa, không mấy người nghĩ đến mà không phải là không quan-trọng. Nhẽ ấy thực là một cái gương tốt, ai nấy đều nên theo. Tôi tóm nó lại một nhời như thế này : là tất cả các ông, mỗi người trong các ông, đều biết tuân theo kỷ-luật vậy. Các ông tự mình biết lấy cái nhẽ cao-thượng mà hạn-chế cái quyền tự-do của mình. Không ai phải bảo mà các ông tự biết đem cái lợi-quyền riêng của nghề mình mà để dưới sự công-lợi trong nước.

Tôi nói cái gương ấy thực là một gương cao-thượng đáng cho người ta theo. Tôi lại nhắc lại câu ấy vì cái cách xử-sự của các ông thực là tiệt được một cái nhời bàn giữ-dối của phần nhiều người. Thiên-hạ thường nói *tự-do* với *kỷ-luật*, hai cái danh-hiệu ấy thực là phản-trái nhau, có cái nọ tất không có cái kia được. Một cái là sự bay bổng lên, một cái là sự bó buộc lại. Cái nọ cầm giữ cái kia. Hai cái dù không đến nỗi là không bao giờ điều-hòa được, nhưng hiện không thể hòa-hợp với nhau. Nếu cái nọ không đứt giây thì cái kia tất phải gẫy cánh.

Ấy thiên-hạ thường tưởng sai nhầm như thế, mà sự sai-nhầm ấy là một cái sai-nhầm nhiều người dễ tin lắm ; xem thế thì biết phàm những dân-quốc đã phải chịu nhiều đời áp-chế mới thành được thì cái công giáo-dục về đường tự-do thực là khó-khăn vô-cùng. Muốn cho người trong một nước biết tuân theo kỷ-luật, biết tự đặt mình vào dưới một nhẽ cao-xa, lấy thế làm một sự yếu-cần hơn cả mọi sự khác, thì cái chế-độ trong nước phải thế nào cho quyền người trên không phải mượn cái uy-lực ở ông vua hay ông tướng nào, mà nhận được bởi cái lòng kính-trọng của mọi người biết tự mình theo cái mệnh-lệnh của sự công-lợi công-ích.

Cái kỷ-luật ấy là thuộc về nghĩa-vụ người làm dân, thuộc về lòng ái-quốc, cái kỷ-luật ấy nó khiến cho người ta biết lấy làm một sự danh-giá mà tuân-theo phép-tắc trong nước, không phải là nó làm mất mất quyền tự-do của người ta. Không những thế, nó còn tổ-chức cho cái tự-do thành-hình, mà đặt phép-tắc cho cái tự-do, tức là dựng cái nền cái cốt cho được vững bền vậy. Nó giữ cho cái tự-do khỏi biến-thành ra hỗn-loạn, đã thành ra hỗn-loạn thì sớm trưa tất có cái sức phản-động nó gây ra sự chuyên-chế, đến bấy giờ thì còn gì là cái tự-do nữa ! Ấy hiểu nghĩa kỷ-luật như thế thì kỷ-luật không phải là cái « gông » của sự tự-do, thực là cái « mộc » để che trở cho sự tự-do vậy.

Các nhẽ ấy, các ngài thực đã thấu lắm. Trong khi thi-hành cái quyền tự-do, các ngài

đã có cái quan-niệm rất cao về sự công-ích công-lợi. Nay các ngài lại lập ra hội liên-hợp này cũng là vì một cái quan-niệm ấy mà muốn đem thi-thố ra thực-sự. Thực-thế, cái hội của các ngài lập ra này không một là chủ để họp những người đồng-nghiệp thành đoàn-thể để bênh-vực cho cái lợi-quyền chung của mọi người, vì nghề làm báo xưa nay vẫn là một nghề không được cái thần may rủi phù-hộ lắm. Không một thế, cái mục-đích của các ngài còn cao hơn, cái hi-vọng của các ngài còn xa hơn nữa. Các ngài thu-thập tinh-thần, đoàn-kết thế-lực, không để cho tán-mạn vụn-vặt đi mất, thực là gây nên một cái sức rất mạnh lấy lòng ái-quốc làm biểu-hiệu, tôi mong rằng sức ấy sẽ giúp được nhiều cho cái chính-sách của nhà nước Đại-Pháp ta ở cõi Á-Đông này. Trước kia thì các ông ví như một bọn lính nghĩa-dũng hết lòng giúp cho cái công khai-hóa của nhà nước ta ở xứ này, nhưng mỗi người đứng một nơi, không liên-tiếp với nhau, không theo một chiến-lược, một kỷ-luật như nhau; từ nay thì các ông nghiễm-nhiên thành một quân-đội chỉnh-tề, vừa gồm cả người Pháp cùng người bản-xứ, cái thế-lực tất được tăng lên bội phần vậy. Bởi thế nên các ông đã có bụng yêu mời tôi làm danh-dự-hội-trưởng thì chiều hôm nay tôi xin làm hết cái nghĩa-vụ thứ nhất của tôi đối với các ông, là lấy lòng chí-thành chúc mừng cho hội các ông lập ra đây được sống lâu giầu bền, càng ngày càng phát-đạt, càng ngày càng thịnh-vượng.

Hội ấy các ông lập ra giữa buổi chiến-tranh, giữa đám can-qua kịch-liệt. Các ông phải cố giữ cho được vững bền mãi mãi về sau, để đến ngày nước Pháp ta được toàn-thắng, đem hết tài-trí mà biến-hóa cái cõi Đông-dương này, thì bấy giờ các ông sẽ có dịp mà thi-thố những phép-tắc hay của các ông đặt ra ngày nay để giúp cho cái công nhớn nhao của nhà nước.

Cái cảnh-tượng về sau này, ngày nay ta đã nhác trông thấy nó vẽ-vang mà rực-rỡ biết chừng nào! Nếu các nhà báo hết sức giúp vào công-nghiệp nhớn nhao ấy, thì cái nhiệm-vụ của các nhà báo lại chẳng to tát lắm dư! Tôi ước gì các ông quên đi một lúc đứng nghĩ đến người đương đứng nói với các ông đây mà chỉ nghe nhời cổ-võ về cái công-nghiệp nhớn nhao của các ông sau này, công-nghiệp ấy nếu các ông biết đồng-tâm hiệp-lực, vun giồng cái đất về sau bằng những điều hay nhẽ phải, thì lo gì mà chẳng có ngày thành được!

Vì các ông phải hiểu rõ rằng cái nhiệm-vụ của các ông không phải là chỉ bài-bác chỉ-trích mà thôi đâu. Đó mới là một phần trong cái nhiệm-vụ ấy, tuy là phần rất có ích, nhưng chẳng qua cũng là thuộc về « tiêu-cực » mà thôi. Cái phần thuộc về « tích-cực », phần thiết-thực, làm thành ra được sự-nghiệp hay, thì ở cái công giáo-dục của các ông, ở cái tài các ông biết đem ban-bố ra những tư-tưởng hay. Rẫy cái cỏ xấu còn chưa đủ, phải biết gieo cái hạt tốt mới là hơn. Các ông trông thấy cái cỏ xấu ở đâu cứ nên rẫy đi, nhưng các ông cũng lại phải lấy cái hạt giống tốt mà gieo khắp mọi nơi, cho nó mọc thành cây, sinh hoa kết quả.

Các ông phải tự coi mình là nhà giáo-dục mới được. Giáo-dục cho ai? Giáo-dục cho khắp mọi người. Giáo-dục cho cái dư-luận người Pháp, cho cái dư-luận người bản-xứ, chỉ cho mọi người biết cái đường nên theo, cái việc nên làm, cái ý nên nghĩ. Ta ở trong xứ này, kể công nọ, người việc kia, lúc nào cũng là lao-tâm lao-lực, được mấy khi là thư-thái tinh-thần, nghĩ đến những lý-tưởng cao xa, xét đến những vấn-đề quan-hệ đến sự tiến-hóa các dân các nước, những vấn-đề ấy trông nó xa xa như đám mây mọc ở chân giời kia, bỗng chốc nó kéo lại đầy giời mới không ngờ mà lấy làm kinh-ngạc. Người ta bao giờ cũng phải ngoảnh trông về cái tương-lai, càng trông kỹ càng hay, không sợ quá bao giờ. Nhưng thường ta chỉ chìm đắm vào trong việc hiện-tại, tựa-hồ như cái hiện-tại nó nuốt mất cả người ta. Sống ngày nào biết ngày ấy, chỉ biết một ngày ấy thôi, mà tưởng rằng bao giờ cũng như bây giờ.

Không ngờ rằng địa-cầu này vẫn quay, thế-giới kia vẫn đổi, tư-tưởng mỗi ngày một chiếu rộng mãi ra, nhân-loại hình như đương phôi-thai ra một cuộc Tương-lai mới lạ, hiện nay ta còn gọi là « *Ngày mai* », mà không bao lâu ta sẽ gọi là « *Chốc nữa* ». Vậy thì cái « *Ngày mai* » ấy nó là cái gì, ai bảo trước cho ta biết nó sắp đến, ai báo cho ta rằng nó hay hay là dở, nó mỉm cười mà lại với ta hay là nó cau mặt mà nhìn ta, để ta mở rộng tay ra mà hoan-nghênh hay ta nắm chặt tay lại để chống-cự.

Chắc rằng cái công việc mở đường dọn lối cho cái tương-lai ấy là việc thứ nhất của những người đã nhận trách chủ-trương việc cai-trị, những người ấy phải nhớ rằng cai-trị tức là tiên-liệu đó. Nhưng chính bởi cái phận-sự những người ấy là phải nghĩ phải định trước nên dùng những phương-kế nào khiến cho việc đổi cũ sang mới được tuần-

tự trót lọt mà không đến nỗi vấp váp, nên phải hết lòng hết sức về việc ấy, không có lúc nào rồi mà báo cáo cho quốc-dân biết. Sự khuyết-điểm đáng tiếc thay! Mới rồi quan Tổng-lý tòa Nội-các bên Pháp có nói rằng: « Ta không nói nhiều cho quốc-dân được biết. » Thế mà có nhiều kẻ gần đây lại trách những nhà chính-trị hay nói quá!

Muốn cho điều-hòa được mọi người thì cái trách-nhiệm của các ngài chính là phải làm người đứng giữa mà công-cáo cho dư-luận trong nước biết những vấn-đề nên biết, *những việc có thể sẩy ra sau này mà cần phải liệu-trước*, cùng *những sự biến-cách tất có ngày sinh ra trong cuộc sinh-hoạt, nên xã-hội một dân như dân xứ này, sống ở một thời-đại cả nhân-loại đều biến-động không thể cứ đứng im mãi như xưa được.*

Nào các nhà báo Pháp, các ông nói cho người Pháp nghe, các ông được hơn những kẻ phải bận công việc hằng ngày là có thì giờ mà nghiền-ngẫm mọi điều, cái trách-nhiệm các ông là phải luyện cho người ta cái đồ ăn bổ-não, để mở tư-tưởng, nuôi trí-tuệ cho người ta. Các ông phải cứu xét, phải suy-nghĩ, phải nghiền-ngẫm để diễn-giải phân-minh ra cho người ta biết những vấn-đề quan-hệ đến công-nghiệp nước Pháp ở xứ này, công-nghiệp ấy vừa thuộc về đường tinh-thần, vừa thuộc về đường chính-trị; quan-hệ đến cuộc tiến-hóa của một dân nhờ ta dạy bảo mà sẽ được tài-giỏi, hiện đã gửi người sang giúp mẫu-quốc ta cùng với anh em ta bên kia được hòa máu ở nơi chiến-trường; nhất là quan-hệ đến sự biến-cải trong xứ này, sự biến-cải ấy là bởi cái tình-thế sau này tất khác ngày xưa, những lối đại-công-nghệ, đại-nông-nghiệp mỗi ngày một phát-đạt, dân-gian họp-tập mỗi ngày một đông thêm, tất sinh ra nhiều cái vấn-đề mà những nhà sang khai-thác đây lúc mới đầu chưa từng biết đến, vì bấy giờ còn là thuộc về cái thời-đại tiểu-công-nghệ của từng địa-phương một, nhân-dân ở rải-rác các nơi nhà quê, chưa sô ra những nơi tỉnh-thành mà kiếm ăn. Các ông phải nói rõ cho mọi người biết rằng những cái vấn-đề ấy là xứ nào thời nào cũng có, cứ đến thời giờ nhất-định là xuất-hiện ra, tựa hồ như có cái nhẽ bất-dịch nó khiến như thế, ở đâu cũng thấy những vấn-đề ấy theo sau sự tiến-bộ, như quân đi theo sau lá cờ vậy. Các ông lại phải nói cho thiên-hạ biết nữa rằng *không nên thấy những cái vấn-đề ấy nguy-cấp mà sợ, không nên trốn-tránh mà tri-hoãn không dám giải-quyết, phải nên nhìn vào tận nơi mà xét, phải nên trực-tiếp mà giải, lấy lòng thành-thực, lấy nhẽ phân minh mà giải, cứ mạnh bạo mà giải như lối mạo-hiểm của nước Pháp ta vậy, thế mới là khôn-ngoan thế mới là biết tiên-liệu, thế mới là được vững lòng thỏa dạ đó!*

Nay đến các nhà làm báo bản-xứ, các ông nhờ nhà nước cho được quyền tự-do mà nói với những người đồng-bào các ông, bằng tiếng nước nhà của các ông, thực là được thỏa cái trí hiếu biết, lại được dịp giãi-tỏ lòng sở-nguyện của người dân, thì về phần các ông phải diễn-giải cho người ta biết cái công khai-hóa của nước Pháp ở xứ này, công đã thành rồi cùng công còn đương làm, để mưu sự hạnh-phúc cho nhân dân. Các ông phải chỉ bảo, thuyết-minh, diễn-giải, bình-luận cho người ta biết cái công ấy nhớn nhao là chừng nào, bởi lòng quảng-đại vô cùng của nước Đại-Pháp mỗi ngày biến-cải cái đất của tổ-quốc các ông, khiến cho những người được hưởng cái công-đức ấy phải đội ơn kính trọng đời đời. Các ông phải giở từng bước cái công-phu khó nhọc của nước Pháp ở xứ Đông-dương này, để tính xem từ xưa đến nay nhà nước bảo bộ — không những bảo-bộ một nước này mà bênh-vực cho cả các nước vị Công-lý mà chống lại cường-quyền — đã mưu-toan biết bao nhiêu công việc để khiến cho nhân-dân được an-cư lạc-nghiệp, giữ cho sinh-mệnh tài-sản mọi người, giữ cho cái « cường-quyền » của Công-lý, mưu cho trong nước được thịnh-vượng, giống nòi được mạnh-khoẻ, con trẻ được nhờ ơn bảo-hộ ngày sau thành những người hay.

Cái công giáo-dục ấy là công chung của mọi người, người Pháp cùng người Nam nên đồng-tâm hiệp-lực mà làm thì mới giải được bấy nhiêu cái vấn-đề về sự tiến-hóa một dân một nước, đến lúc ấy thì các ông có thể vui lòng rằng cái công các ông đã thành, cái thiên-chức các ông đã trọn, các ông đã dùng ngọn bút mà giúp được cho nước Pháp mạnh hơn để gây dựng cho xứ Đông-dương được to-tát hơn lên.

Về phần tôi thì tôi mong rằng tôi sẽ được đủ sống lâu để có ngày được đứng xa mà

ngẫm cái kết-quả nhớn nhao những sự ngày nay tôi mưu toan cho xứ này. Lần trước về Mẫu-quốc tôi tưởng không bao giờ lại giở lại đây nữa, thế mà nay lại được bước chân lên cái đất qui hóa này một lần thứ nhì nữa, thì sực nhớ đến những giờ mơ-màng mộng-mị nằm ở trong hầm-hố đất Lô-liên, khoảng vắng đêm trường, bỗng chốc tiếng súng nổ rực giời, tiếng đạn rơi lở đất, không biết sống chết lúc nào, chỉ bằng ở cái mảnh sắt vỡ kia, bấy giờ ai ai cũng đều thai-giới trong ông để sắp sửa đi cái chuyến đi lâu dài, mà thu-thập những sự yêu mến tưởng nhớ của mình xưa nay, tựa hồ như muốn từ biệt một lần sau cùng vậy. Trong cái lúc hồi-tưởng khôn-nạn ấy, tôi mới biết rằng tôi yêu xứ Đông-dương này là chừng nào, tôi mến cái công việc tôi làm dở ở xứ này là chừng nào, thì cái nhỡn-quang tôi tựa hồ như nó sáng suốt hơn lên, tưởng trông thấy hiển-nhiên cái cảnh-tượng rực-rỡ của xứ Đông-dương về sau này nhờ công Đại-Pháp vun giồng cho, ruộng lúa bát ngát, đường xá ngổn ngang, xe lửa chạy khắp mọi nơi, nhà máy làm công rộn-rịp, đội thương-thuyền chế tạo lấy đã song, đi lại trong các cửa bể, người bản xứ nhờ ta dạy bảo cùng với con em ta ra công làm lụng như anh em một nhà, *đã sắp đến ngày Mẫu-quốc cho cái hiến-pháp rộng-rãi để tự quản-trị lấy công việc mình, vì rằng đến bấy giờ thì ai cũng đều hiểu rằng muốn cho nước mẹ được các con thuộc-địa tận tâm trung thành với mình phải để cho các con được thi-hành cái quyền tự-do rộng-rãi hơn, thì mới có thể mỗi ngày một nhớn, mỗi ngày một mạnh thêm lên.*

Các ngài ạ, cái mộng-tưởng hôm qua tức là sự thực ngày mai đó. Tôi uống trên rượu này để chúc mừng cho các bảo quán là một tay giúp việc giỏi để gây dựng ra cuộc tương-lai ấy; tôi chúc mừng xứ Đông-dương này được cường mạnh, làm con nước Đại-Pháp vẻ vang!

Mục *Thời-đàm* kỳ này dài quá, bản-báo không thể bàn kỹ về bài diễn-thuyết qui-hóa của quan Toàn-quyền. Xin để đến kỳ sau sẽ có một bài luận-thuyết về «Nghĩa-vụ nhà làm báo», để diễn-thích những nhời vàng ngọc của Xa-lộ đại-nhân.

***

Cuộc Quốc-trái. — Nhà-nước Đại-Pháp lại mới mở một cuộc quốc-trái 1 vạn triệu (10.000.000.000) quan tiền tây, muốn cổ-động trong các dân thuộc-địa, người nào có bụng tốt bỏ tiền ra mà mua vé, trước là giúp được Mẫu-quốc trong việc chiến-tranh, sau là gây được cái vốn riêng về sau này. Lần này là lần thứ ba, hai lần trước đã được đắt lắm. Một thuộc-địa Đông-dương ta mà lần thứ nhất mua được 8 triệu, lần thứ nhì mua đến 20 triệu. Mong rằng lần này còn được đắt hơn nữa, vì hai lần trước chỉ có trong Nam-kỳ là mua nhiều hơn cả, Trung-kỳ Bắc-kỳ không được mấy người biết mà mua. Nay nhà-nước đã hết sức cổ-động, tất đâu đâu cũng hiểu rõ cái nhẽ nên xuất tiền mà giúp nước Đại-Pháp trong buổi chiến-tranh này, ai ai cũng sẽ sẵn lòng, kẻ ít người nhiều mỗi người bỏ một phần vào việc nghĩa chung. Công-đức nào bằng công-đức ấy, đúc mấy quả chuông, làm mấy lớp chùa, bằng giúp cho một người lính được no ấm, được đủ súng đủ đạn để ra sức đánh nhau với giống giã-man cho đến ngày toàn-thắng!

Buổi này là một buổi nhớn nhao nhất trong lịch-sử, suốt các dân các nước trong hai thế-giới đều đồng tâm hiệp-lực để tiệt cho nhân-loại khỏi một giống hung-tàn. Phàm người nào có chút lương-tâm, há lại chẳng nên hết sức mà giúp cho việc đại-nghĩa này ư? Làm thế nào mà giúp được? Kẻ có sức thì nên ra xông pha nơi chiến-trường, làm lụng trong công-xưởng, mà giúp ngay vào việc hành-chiến. Phần nhiều người không thể giúp bằng công như thế được, thì phải lấy của mà thay vào. Dịp này thực là một dịp tối-hảo cho những người ấy đó: vậy nên kịp mà mua lấy vé quốc-trái, kẻo cái kỳ-hạn đã sắp đến nơi, lỡ mất một cái dịp tốt làm việc công-đức to.

Phương-chi dân An-nam ta lại là sinh-trưởng dưới bóng cờ Đại-Pháp

mấy mươi năm nay đã đội ơn nước Bảo-hộ, nhuần gội mưa móc biết bao nhiêu, há lại chẳng nên vội-vàng hăm-hở, mỗi người tùy tài tùy lực, làm cho trọn cái công-đức ấy dư? Tưởng không có cách nào hay hơn để tỏ lòng trung-thành của dân ta đối với Nhà-nước vậy.

Sau này lược những điều yếu-cần thuộc về cách-thức cuộc quốc-trái.

Cuộc quốc-trái mở theo luật ngày 26 tháng 10 năm 1917, của Thượng-Hạ Nghị-viện đều công-lập, tuyên-bố trong toàn quốc.

Chỉ-dụ quan Giám-quốc ngày 4 tháng 11 năm 1917, định cách thi hành đại-khái như sau này :

« 1° Bắt đầu bán vé từ ngày 26 tháng 11, đến ngày 16 tháng 12 năm 1917 thì thôi.

« 2° Ai cho vay 100 quan tiền tây thì chỉ phải nộp 68 quan 6 tiền (68 fr. 60).

« 3° Tiền lãi kể từ ngày 16 tháng 12 năm 1917 giở đi.

« 4° Tiền nộp tại các sở kho bạc, hoặc nộp bằng « măng-da » nhà giây thép, bằng các ngân-phiếu gửi đến sở kho-bạc, bằng vé quốc-phòng-trái-phiếu (*bons de la défense nationale*), bằng vé công-trái 3 phân rưỡi (3 1/2 °/) hết hạn trước ngày 31 tháng 1 năm 1918. Những ngân-phiếu ấy tính theo thời-giá ngày 16 tháng 12 năm 1917.

« 5° Phần lãi kém 4 quan một năm thì không nhận.

« 6° Ai nộp tiền để được lãi một năm từ 4 quan giở lên thì phải nộp bằng bạc hay bằng ngân-phiếu, mà phải nộp đủ số tại kho-bạc.

« 7° Mua đến 300 quan thì không có giảm-trừ.

« 8° Trong hạn 300 quan thì có ba cách nộp :

Một là : nộp toàn số một lúc ;

Hai là : *a*) nộp 12 quan lần trước nhất ;
b) lần sau nộp 57 quan 6 tiền ;

Ba là : nộp làm bốn kỳ :
a) Nộp 12 quan lần thứ nhất ;
b) Lần sau 20 quan ;
c) Ngày 10 tháng 3 năm 1918, 17 quan 2 tiền ;
d) Ngày 5 tháng 5 năm 1918, 20 quan. »

* * *

HỘI-ĐỒNG CHÍNH-PHỦ. — Hội-đồng chính-phủ đã họp tại Sài-gòn sáng ngày 13 tháng 11. Quan Toàn-quyền mở hội-đồng có đọc bài diễn-thuyết đại ý như sau này :

Cái mục-đích ngày nay là phải giúp cho nước Đại-Pháp trong việc chiến-tranh. Nghĩa-vụ của ta ở đây đối với Mẫu-quốc là phải giữ cho đất thuộc-địa này được hoàn-toàn, được vững bền yên-ổn, nhân-dân trung-thành hòa hợp với nhà nước. Phải hết sức mà cung-cấp Mẫu-quốc những sự cần-dùng thuộc về việc quốc-phòng. Phải thi-hành những sự cải-lương khiến cho xứ Đông-dương có đủ sức mà làm hết cái nhiệm-vụ về sau này.

Quan Toàn-quyền lại nói nhân việc chiến-tranh mà cuộc chính-trị ở xứ Đông-dương đã tìm được cái phương-châm chính-đáng. Từ nay nên cứ nhất-tâm mà theo một phương-châm ấy.

Ngài lại kể những nhẽ cần nên cải-cách quan-lại tây và an-nam, cải-cách những lối làm việc quan xưa nay, cho công-việc được chạy hơn trước. Ngài muốn nghĩ tăng giá-trị, tăng lương-bổng cho các quan-lại tây và an-nam, cùng cho người An-nam học ở các trường cao-đẳng ra được tham-dự việc nhà nước.

Về đường kinh-tế thì ngài nói các nhà doanh-nghiệp cần phải hiệp-sức với nhà nước để khai-khẩn trong xứ cho được thành-hiệu. Ngài kể những việc của nhà-nước cùng các nhà buôn, nhà đồn-điền đã hiệp-sức nhau mà làm nên,

như việc đường hỏa-xa Thái-nguyên, việc sắp lập đội thương-thuyền, việc mở một tòa Đông-dương-kinh-tế-cục ở Ba-lê, việc chỉnh-đốn lại các tòa kiểm-nông, việc thiết-lập các trường công-nghệ.

Sau quan Toàn-quyền kể đến cái chương-trình chính-trị đối với người bản-xứ, ngài định mở rộng các công-cuộc thuộc về việc vệ-sinh, việc trị-bệnh, cho người dân được nhờ, phát-đạt các bực học, cải-lương việc án tây, án an-nam, cổ-động sự khai-khẩn các đất bỏ hoang, dự tìm cách lợi-dụng những bọn lính thợ sẽ thải về đây sau khi chiến-tranh. Sau quan Toàn-quyền nói đến việc phòng-bị trong nước, ngài định sau này sẽ ủy việc ấy cho quân lính bản xứ.

Nhân đấy ngài nói đến việc Thái-nguyên, khen các quân-lính can-đảm, giải duyên-do việc mưu-loạn, và kết nói rằng cần phải chỉnh-đốn lại việc cảnh-sát trong nước.

Sau cùng ngài ca-tụng các quân-đội của Mẫu-quốc cùng các nước Đồng-minh, và chúc cho cuộc chiến-tranh được toàn-thắng.[1]

Diễn-thuyết xong thì cả tòa cử 4 hội-đồng nhỏ để xét về những vấn-đề như san này :

1° Xét về sổ chi-tiêu chung, về việc hỏa-xa, về các trái-khoản ;

2° Xét về sổ chi-tiêu riêng của các xứ ;

4° Xét về các vấn-đề khác, như việc lập đội thương-thuyền, việc đặt tòa giữ các công-văn cũ, v. v.

Ngày thứ 4, 21 tháng 11, thì hội-đồng bàn xong việc, giải-tán.

(1) Bản-báo sau này mới tiếp được nguyên-văn bài diễn-thuyết của quan Toàn-quyền. Bài diễn-thuyết ấy rất quan-trọng, vì quan toàn-quyền giải hết cái tôn-chỉ của ngài về việc chính-trị xứ này, thực là vẽ cái chương-trình nhớn cho chính-phủ Đông-dương vậy. Kỳ sau bản-báo sẽ bình-luận về đại-nghĩa bài diễn-thuyết ấy. Lần này tiếc chỉ kể sơ-lược được mấy nhời như thế thôi.

Đồng-bào ta nên mua vé quốc-trái để tỏ lòng trung-thành với nhà nước Bảo-hộ.

CHỮA CHỮ IN NHẦM

Mục *Văn-uyển*, trang 316, bài thơ vịnh gió nồm, đầu dòng thứ ba hai chữ : « khu tài » đổi là : « phụ tài » (阜財)